

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHUYÊN ĐỀ 3
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HÌNH THÀNH
NĂNG LỰC CHO TRẺ NHÀ TRẺ

Nhóm biên soạn: TS Hoàng Thị Nho, TS Nguyễn Thị Thu Hà, TS Nguyễn Thị
Hồng Vân, TS Cao Thị Hồng Nhung, ThS Vũ Thị Thu Hằng, ThS Nguyễn Thị Hòa,
ThS Trần Mai Phương

Hà Nội, 2026

MỤC LỤC

CHUYÊN ĐỀ (số): 03	Error! Bookmark not defined.
TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN	Error! Bookmark not defined.
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC.	Error! Bookmark not defined.
TRẺ NHÀ TRẺ	Error! Bookmark not defined.
LỜI GIỚI THIỆU	1
I - MỤC TIÊU	2
II - CHUẨN BỊ	2
III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHUYÊN ĐỀ	2
IV. CÂU HỎI CUỐI CHUYÊN ĐỀ	46
TÀI LIỆU THAM KHẢO	47
PHỤ LỤC	48

GIỚI THIỆU

Tài liệu “Chuyên đề 3: Tổ chức hoạt động giáo dục hình thành và phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ” được biên soạn nhằm hỗ trợ cán bộ quản lý và GV mầm non nâng cao năng lực chuyên môn trong bối cảnh đổi mới giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của trẻ.

Nội dung tài liệu cung cấp một cách hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn về bản chất, vai trò của việc tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực; đồng thời hướng dẫn cụ thể cách xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ nhà trẻ.

Bên cạnh đó, tài liệu tập trung làm rõ các nguyên tắc và các bước thiết kế, cách tổ chức hướng dẫn các hoạt động giáo dục theo tiếp cận năng lực, lấy trẻ làm trung tâm, gắn với học qua chơi, thực hành trải nghiệm và khám phá đa giác quan; hướng dẫn xây dựng môi trường giáo dục an toàn, giàu tính tương tác và hỗ trợ sự phát triển năng lực riêng và độc đáo của mỗi trẻ. Đặc biệt, tài liệu đưa ra các gợi ý hoạt động cụ thể theo từng lĩnh vực phát triển (thể chất, tình cảm – xã hội, ngôn ngữ, nhận thức, nghệ thuật) kèm theo cách thức đánh giá và điều chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động giáo dục.

Với nội dung hướng dẫn cụ thể, gắn với thực hành, hoạt động, tài liệu là nguồn tham khảo hữu ích giúp GV và cán bộ quản lý vận dụng linh hoạt trong quá trình xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ trong giai đoạn hiện nay.

I - MỤC TIÊU

Sau khi học tập chuyên đề, GV mầm non/cán bộ quản lý có khả năng:

- Phân tích được cơ sở lý luận về phát triển năng lực trẻ nhà trẻ (03 tháng - 36 tuổi).
- Phân tích được đặc điểm phát triển thể chất, ngôn ngữ, nhận thức, tình cảm – xã hội, thẩm mỹ của trẻ nhà trẻ.
- Vận dụng được nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức, đánh giá hoạt động giáo dục phát triển năng lực, đánh giá sự tiến bộ của trẻ nhà trẻ.
- Lập kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục hình thành năng lực cho trẻ nhà trẻ.
- Quan sát, ghi nhận, đánh giá sự phát triển năng lực của trẻ nhà trẻ.
- Xây dựng môi trường chăm sóc, giáo dục hỗ trợ sự hình thành năng lực của trẻ nhà trẻ.
- Phối hợp hiệu quả với gia đình và cộng đồng trong giáo dục hỗ trợ sự hình thành năng lực của trẻ nhà trẻ.
- Có tinh thần trách nhiệm, chủ động đổi mới và sáng tạo trong công tác giáo dục hỗ trợ sự hình thành năng lực của trẻ nhà trẻ.
- Hợp tác tích cực với đồng nghiệp, gia đình và cộng đồng để nâng cao chất lượng giáo dục hỗ trợ sự hình thành năng lực của trẻ nhà trẻ.

15 tiết: 8 tiết lí thuyết và 07 tiết thực hành

II - CHUẨN BỊ

1. Dành cho giảng viên

- + Bảng/bút hoặc phấn;
- + Máy chiếu;
- + Máy tính;
- + Bảng/ giấy A0, A4, bút viết bảng; bảng dính giấy.
- + Nội dung: Phù hợp với chuyên đề....

2. Dành cho học viên

- + Tài liệu Bồi dưỡng
 - + Giấy A4
 - + Bảng/ giấy A0, A4, bút viết bảng; bảng dính giấy;
- + Nội dung: Phù hợp với chuyên đề...

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHUYÊN ĐỀ

1. Những vấn đề chung về tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ (1,5 lí thuyết, 1 thực hành)

1.1. Bản chất và vai trò của tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực

- 1.1.1. Bản chất của giáo dục phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ
- 1.1.2. Vai trò của tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ

1.2. Mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ

- 1.2.1. Xác định mục tiêu giáo dục theo tiếp cận năng lực
- 1.2.2. Xác định nội dung giáo dục phát triển năng lực
- 1.2.3. Hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ nhà trẻ theo tiếp cận năng lực

1.3. Nguyên tắc thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ

- 1.3.1. Mục tiêu gắn với thực tiễn, phù hợp độ tuổi
- 1.3.2. Lấy trẻ làm trung tâm, dựa vào chơi, trải nghiệm và chăm sóc
- 1.3.3. Khuyến khích sự tham gia tích cực và chủ động của trẻ và gia đình trẻ
- 1.3.4. Tối ưu các hoạt động dựa vào khám phá đa giác quan

1.3.5. Tích hợp toàn diện các lĩnh vực phát triển cho trẻ nhà trẻ

2. Lập kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ nhà trẻ theo hướng phát triển năng lực (1 lí thuyết, 1 thực hành)

2.1. Các bước lập kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ nhà trẻ theo hướng phát triển năng lực

Bước 1. Xác định mục tiêu phát triển năng lực

Bước 2. Lựa chọn nội dung và tình huống giáo dục

Bước 3. Lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức

Bước 4. Chuẩn bị môi trường và học liệu

Bước 5. Thiết kế tiến trình hoạt động

Bước 6. Đánh giá, điều chỉnh và hoàn thiện kế hoạch

2.2. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch năm, tháng/ chủ đề/ dự án, tuần, ngày, bài học

Hướng dẫn cần có ví dụ minh họa cụ thể cho từng loại kế hoạch và theo từng lĩnh vực giáo dục .

3. Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ (2,5 lí thuyết, 2,5 thực hành)

Hướng dẫn các hoạt động cần có ví dụ minh họa cụ thể trong từng lĩnh vực .

3.1. Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển năng lực thể chất cho trẻ nhà trẻ

- Hoạt động học
- Hoạt động chơi
- Hoạt động khác

3.2. Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển năng lực tình cảm xã hội cho trẻ nhà trẻ

- Hoạt động học
- Hoạt động chơi
- Hoạt động khác

3.3. Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển năng lực ngôn ngữ cho trẻ nhà trẻ

- Hoạt động học
- Hoạt động chơi
- Hoạt động khác

3.4. Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển năng lực nhận thức cho trẻ nhà trẻ

- Hoạt động học
- Hoạt động chơi
- Hoạt động khác

3.5. Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển năng lực nghệ thuật cho trẻ nhà trẻ

- Hoạt động học
- Hoạt động chơi
- Hoạt động khác

Trong mỗi hoạt động giáo dục cụ thể của các lĩnh vực thể chất, tình cảm – xã hội, ngôn ngữ, nhận thức, nghệ thuật theo cấu trúc gồm các thành phần cơ bản:

- Tên hoạt động
- Độ tuổi
- Mục tiêu
- Chuẩn bị môi trường, học liệu;

- Tiến trình tổ chức hoạt động: Làm rõ phương pháp tổ chức, hình thức tham gia và dự kiến biểu hiện của trẻ.
- Cách đánh giá và điều chỉnh nhằm hỗ trợ phát triển năng lực cho trẻ.

4. Xây dựng môi trường giáo dục phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ (1 lí thuyết, 0,5 thực hành)

4.1. *Xây dựng môi trường vật chất (trong lớp học và ngoài lớp học mang tính đa giác quan giàu trải nghiệm, thực hành gắn với việc phát triển năng lực)*

4.2. *Xây dựng môi trường tâm lý – xã hội (trong lớp học và ngoài lớp học giàu trải nghiệm, thực hành gắn với việc phát triển năng lực)*

5. Theo dõi, đánh giá, điều chỉnh hoạt động giáo dục theo tiếp cận năng lực (1 lí thuyết, 1 thực hành)

5.1. *Quan sát, theo dõi thường xuyên*

5.2. *Đánh giá điều chỉnh và hoàn thiện hoạt động giáo dục theo tiếp cận năng lực*

V - THỰC HIỆN

Nội dung 1. Những vấn đề chung về tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ (2 tiết lí thuyết, 1 tiết thực hành)

Hoạt động 1.1. (1) (0,5 tiết lí thuyết)

Câu hỏi

Thảo luận cho ý kiến về nhận định sau: ***Giáo dục phát triển NL cho trẻ em ngay từ giai đoạn nhà trẻ là phù hợp và khả thi.***

Một số câu hỏi định hướng:

- Trẻ em ở độ tuổi mầm non có năng lực không?
- Quá trình hình thành và phát triển NL diễn ra như thế nào ?
- Giáo dục có ý nghĩa như thế nào đối với sự hình thành và phát triển NL trẻ em?
- Cần trang bị cho trẻ em những NL nào ?
- Giáo dục hình thành NL cho trẻ ở giai đoạn nhà trẻ diễn ra như thế nào?

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1.1. Bản chất và vai trò của tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực

1.1.1. Quan niệm về năng lực, đặc điểm năng lực của trẻ mầm non:

Năng lực là khái niệm chỉ những thuộc tính có nguồn gốc sinh học, tâm lí và xã hội có thật ở cá nhân cho phép cá nhân đó thực hiện thành công hoạt động nhất định theo yêu cầu hay tiêu chí nhất định và thu được kết quả thấy được trên thực tế. Năng lực biểu hiện ở quá trình hoạt động (hiệu suất, phương thức, tốc độ và phong cách làm việc) và kết quả hoạt động (sản lượng, năng suất và chất lượng sản phẩm). Năng lực không phải là khả năng (Ability - có thể làm được và có thể không làm được), không phải tiềm năng (Potential) mà là cái tồn tại thật sự ở cá nhân....Năng lực không đơn giản là cái gì đó mơ hồ bao gồm tri thức, thái độ và kĩ năng như lâu nay vẫn lầm. Ngay cả đo được ngàn ấy thứ đó thì vẫn chưa phải năng lực. (Đặng Thành Hưng, 2016)

Việc công nhận NL của trẻ em và tin tưởng vào quá trình tác động hình thành phát triển NL cho trẻ em đã được nhiều nhà nghiên cứu xác nhận:

Tineke Water, Kate Diesfeld, Shayne Rasmussen (2016) trong nghiên cứu của mình đã khẳng định “Công nhận trẻ em có năng lực không chỉ hỗ trợ các lập luận đạo đức liên

quan đến việc tôn trọng quyền trẻ em và nhân cách của chúng; nó có những lợi ích hữu hình khác cho cả trẻ em và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.”¹

Mirabile (1997) NL là tổng thể của một loạt các hành vi cần thiết để hoàn thành một công việc và việc thực hiện hành vi quyết định trực tiếp đến hiệu quả hành vi. Các cá nhân tìm kiếm sự sống còn và phát triển trong thực tiễn bằng hành vi, nghĩa là bản chất của con người là được xác định bởi thói quen hoặc mô hình hành vi của họ. Điều này đòi hỏi nhiệm vụ cơ bản của giáo dục là nâng cao năng lực hành vi của trẻ, tức là năng lực thực hành. Như vậy năng lực thực hành là khả năng hành động của một người là năng lực cốt lõi quan trọng nhất của những đứa trẻ.²

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra những đặc điểm của NL và NL của trẻ em cũng mang những đặc điểm chung này (Ha N.T.T, 2024)³ :

- NL thể hiện sự *tổng hợp các yếu tố kiến thức, kỹ năng, động cơ, thái độ, ý chí, ...* trong hoạt động của con người.

- NL chỉ có thể *quan sát được qua hoạt động của cá nhân ở các tình huống nhất định.*

- NL được hình thành và phát triển qua hoạt động. Nhà trường được coi là môi trường chính thức giúp người học có được những NL chung, cần thiết song đó không phải là nơi duy nhất. Những bối cảnh và không gian không chính thức khác như: gia đình, cộng đồng, phương tiện thông tin đại chúng, tôn giáo và môi trường văn hoá ... góp phần bổ sung và hoàn thiện NL cá nhân.

- NL và các thành tố của nó có thể thay đổi. NL được hình thành và cải thiện liên tục trong suốt cuộc đời con người vì sự phát triển năng lực về thực chất là làm thay đổi cấu trúc nhận thức và hành động của cá nhân chứ không chỉ đơn thuần là sự bổ sung các mảng kiến thức riêng rẽ. Do đó, năng lực có thể bị yếu hoặc mất đi nếu như chúng không được sử dụng tích cực và thường xuyên. Để xem xét năng lực của một cá nhân nào đó chúng ta không chỉ nhằm tìm ra cá nhân đó có những thành tố năng lực nào mà còn phải chỉ ra mức độ của những năng lực đó. Đỉnh cao nhất của năng lực là cá nhân có khả năng tự chủ cao trong mọi hoạt động. *“Năng lực của trẻ không phải là một trạng thái cố định mà mang tính năng động; khả năng hiểu biết của họ phát triển và sửa đổi theo kinh nghiệm và những thay đổi trong bối cảnh xã hội của họ.”* (Alderson P. 2007)

- NL bao gồm các NL chung và NL đặc thù. Các thành phần của năng lực chung thường đa dạng vì chúng được quyết định tùy theo yêu cầu kinh tế xã hội và đặc điểm văn hoá của quốc gia, dân tộc và địa phương. NL của trẻ em được Alderson (1992)⁴ xác định “không chỉ là một kỹ năng, nó còn là một cách liên hệ và có thể được hiểu rõ hơn khi phẩm chất bên trong của mỗi đứa trẻ được nhìn nhận trong mạng lưới các mối quan hệ và ảnh hưởng văn hóa”.

- Khi dựa trên sự phát triển năng lực của người học thì việc phân chia giai đoạn lứa tuổi chỉ mang tính tương đối. Điều này càng được minh chứng rõ nét hơn qua các quy luật phát triển tâm lý trẻ em cụ thể là qui luật phát triển không đồng đều, qui luật về tính trọn

¹ Tineke Water, Kate Diesfeld, Shayne Rasmussen, 2016, What makes a child a 'competent' child? , The New Zealand medical journal 128(1426):88-95

² Jing Xiang and Zaoxiu Fu- Jiangxi Normal University, (2022), Children’s Key Competencies: An Introduction to Its Theoretical Constructs, Impact, and Formation through the Comprehensive Practical Activity Curriculum , China International Dialogues on Education – Volume 8 1/2 – February 2022 – <https://idejournal.org>

³ Nguyễn Thị Thu Hà, 2024, Sự hình thành năng lực của trẻ em lứa tuổi mầm non Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, Vol. 20, No. 11 (2024), pg 82-88, ISSN: 2615-8957; e-ISSN: 3030-4490; <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12411111>

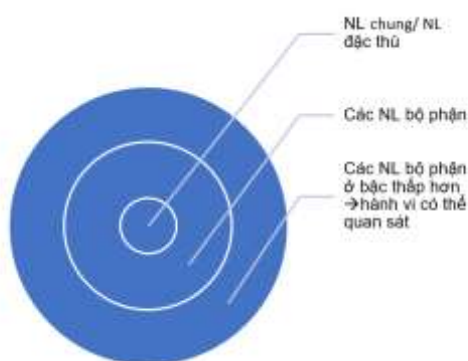
⁴ Alderson P. In the genes or in the stars. J. Med Ethics. 1992, 18, 119-124

ven. Thêm vào đó, nghiên cứu của Howard Gardner ⁵về trí tuệ con người đã cho thấy con người có hàng loạt trí tuệ (đa trí tuệ) nhưng không phải tất cả đều có trí tuệ giống như nhau và đều phát triển các trí tuệ này theo cùng cấp độ. Lí thuyết của Howard Gardner đã mang lại cái nhìn mới về tiềm năng của con người, mỗi cá nhân là sự pha trộn độc đáo của những trí tuệ khác nhau, GD phải hướng tới từng cá nhân cụ thể và hỗ trợ họ học theo phong cách phù hợp.

1.1.2. Cấu trúc của NL

- Các thành tố cấu trúc của NL: Tuy các yếu tố thành phần của NL được xác định một cách rất đa dạng qua nhiều nghiên cứu khác nhau, nhưng ba thành tố được công nhận phổ biến cấu thành nên NL chính là kiến thức, kỹ năng và thái độ (Collins, 1993; European Commission, 2012⁶; Sargent, 2014⁷). Cần khẳng định rằng trong thực tiễn NL không nên được nhìn nhận trong sự tách bạch cơ học mà là sự tích hợp, vận dụng phù hợp trong từng tính huống cụ thể giúp chủ thể giải quyết vấn đề một cách hiệu quả. Năng lực là thuộc tính mới ở cá nhân chứ không đơn giản là sự gộp lại của tri thức, kĩ năng và thái độ.

Về cấu trúc hình thái, NL được xem xét theo hướng: cấu trúc NL bộ phận và nguồn lực hợp thành. Theo đó mỗi NL chung hoặc đặc thù đều được phân tích thành các NL bộ phận. Tiếp theo, mỗi NL bộ phận lại được phân tích thành các NL bộ phận ở bậc thấp hơn, cụ thể hơn, cho đến khi xác định được các hành vi thể hiện ra bên ngoài của chúng.



Hình 1: Cấu trúc các lớp của năng lực (Ha.NTT,2024)

1.1.3. Quá trình hình thành NL cho trẻ mầm non

Dựa trên cấu trúc các lớp của NL đã cho thấy về quá trình hình thành NL cho trẻ cần đi từ việc trang bị cho trẻ các kiến thức và kĩ năng đơn lẻ trước và phải liên tục vận hành để tạo nên sự biến đổi về chất. Điều này cũng rất phù hợp với các nghiên cứu của các nhà khoa học đi trước về các thời kì phát triển của trẻ em và sự hình thành của năng lực:

- Theo Bruner, những NL đầu tiên của trẻ gắn liền với các hoạt động thủ công và nhận thức của trẻ, tạo thành cơ sở cho sự thể hiện mang tính chủ động và mang tính biểu tượng. Bruner lập luận rằng những hình thức thể hiện này là nền tảng nhưng cũng bị thay đổi bởi sự phát triển của trẻ về khả năng thể hiện khi chúng bước vào trường học.

- Năng lực được hình thành bắt đầu từ việc trang bị các kiến thức, kỹ năng đơn lẻ. Theo K.K Platonov, G.G. Golubev, kỹ năng được hình thành qua 02 giai đoạn: 1/Nắm vững các tri thức hay mẫu hành động; 2/ Thực hiện hành động theo các tri thức/mẫu đó. Tiếp theo, để trẻ có thể vận dụng vào các hoạt động đời sống thì lại cần mở rộng cơ hội luyện tập, đưa những kiến thức, kĩ năng đã được trang bị vào các bài tập, nhiệm vụ, hoạt động đa dạng

⁵ Howard Gardner (1983), *Frame of mind: the theory of multiple intelligences*, New York, Basic books.

⁶ Europe Commissions (2012) 'Developing Key Competences at Schools in Europe: Challenges and Opportunities for Policy', Eurydice Report.

⁷ Sargent, C. (2014) 'Teacher guide: Assessment of Key Competencies in School Education': KeyCoNet.

khác... Quá trình vận dụng luyện tập, phản ứng linh hoạt hiệu quả trong các tình huống thực tế đa dạng sẽ giúp định hình các NL của trẻ.

- Trẻ được sinh ra trong một thế giới tạo tác gồm nhiều dạng kiến thức khác nhau. Việc nhận được sự chăm sóc, giáo dục sẽ giúp trẻ có được những NL phù hợp với thế giới đang sống để có thể đáp ứng cả nhu cầu của bản thân trẻ và những kỳ vọng của xã hội về cách trẻ nên đóng góp cho đời sống xã hội ở các độ tuổi khác nhau. Quá trình này được mô tả là việc tiếp thu và chuyển những kiến thức sẵn có của thế hệ trước trở thành kiến thức cá nhân thông qua hoạt động của trẻ. Các NL tiếp tục phát triển khi trẻ được làm quen với những điều mới qua thực tiễn ở trường, ở nhà và ngoài cộng đồng (Mariane Hedegaard, 2007).

NL hành động trong các tình huống khác nhau không ở trạng thái “tĩnh” vì mỗi lần chúng được sử dụng, chúng sẽ được mở rộng bởi các tình huống xã hội không bao giờ hoàn toàn giống nhau. Thông qua sự tham gia có chủ ý vào các hoạt động có sự gắn kết chặt chẽ giữa giao tiếp và hành động mà các NL nhận thức được tiếp thu và thể hiện. Mối quan hệ của trẻ với thế giới thay đổi qua các giai đoạn phát triển khi trẻ gặp những hiện vật mới và đạt được những NL mới và nhờ đó trẻ có được những khả năng mới để liên hệ với thế giới theo cách khác.

- Việc giáo dục ở các cơ sở GDMN thường được điều chỉnh phù hợp với cách cấu trúc các hoạt động hàng ngày để đáp ứng nhu cầu ăn uống, nghỉ ngơi và vui chơi của trẻ. Những gì đứa trẻ học được trong những hoạt động hàng ngày này phụ thuộc vào những đồ vật mà người lớn chuẩn bị sẵn do vậy việc tổ chức môi trường giáo dục đóng vai trò rất quan trọng. Hình thành năng lực cho trẻ là quá trình liên tục thu nhận, thực hành, rèn luyện nhắc lại và vận dụng vào các nhiệm vụ khác nhau trong sinh hoạt và học tập. Thông qua các hoạt động khác nhau, trẻ mầm non bộc lộ khả năng của bản thân. Ở tuổi trưởng thành, sự phát triển các năng lực xảy ra phần lớn do quá trình tự giáo dục, tự học. Trong thời thơ ấu, vai trò của môi trường giáo dục lại đặc biệt quan trọng. Quá trình phát triển năng lực diễn ra thông qua việc trẻ trải nghiệm để nắm bắt và vận dụng các nội dung văn hóa vật chất và tinh thần, công nghệ, khoa học, nghệ thuật... Tuy nhiên, môi trường tự nhiên xã hội đa dạng và không phải tất cả đều cần thiết và phù hợp ngay với trẻ mầm non vì vậy nhà giáo dục cần tổ chức môi trường giáo dục, lựa chọn nội dung và có phương pháp tác động phù hợp với lứa tuổi, đặc điểm, nhu cầu cá nhân của trẻ.

NL được hình thành dưới tác động của giáo dục nhà trường, gia đình, xã hội và tự giáo dục. Đối với trẻ ở lứa tuổi mầm non, các tác động từ phía nhà trường và gia đình hết sức quan trọng, nếu tác động đúng cách gia đình và nhà trường có thể tạo cơ hội, khơi dậy ở trẻ niềm vui thích học tập, tham gia các hoạt động, tự học hỏi và điều chỉnh để phát triển bản thân, kết nối và ứng xử phù hợp với môi trường.

1.1.4. Vai trò của tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực với sự phát triển của trẻ nhà trẻ

- Từ quan niệm và cấu trúc của NL đã cho thấy việc giáo dục hình thành NL cho trẻ là quá trình tác động tổng thể trang bị cho người học khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng và có thái độ phù hợp với từng tình huống, nhiệm vụ trong học tập và đời sống.

- Chương trình GDMN hướng tới trang bị cho trẻ các năng lực chung (thích ứng, tự lực, hợp tác và giải quyết vấn đề) và các năng lực đặc thù thông qua các lĩnh vực giáo dục (thể chất, tình cảm - xã hội, ngôn ngữ, nhận thức, nghệ thuật).

- Hình thành năng lực là quá trình “gom nhặt về lượng để tạo ra sự biến đổi về chất” – giai đoạn nhà trẻ là bước khởi đầu, quá trình này diễn ra không đồng đều ở các giai đoạn và không giống nhau giữa các đối tượng vì vậy việc tổ chức các hoạt

động giáo dục theo tiếp cận năng lực người học là rất cần thiết và có ý nghĩa hỗ trợ tích cực đối với từng cá nhân trẻ.

- Giáo dục sớm giúp quá trình hình thành năng lực của trẻ diễn ra nhẹ nhàng, không áp lực, trẻ tự tin và chủ động trong các hoạt động.

Hoạt động 1.1 .(2) (0,5 tiết thực hành)

Thực hành: Giao nhiệm vụ cho học viên:

Quan sát và ghi chép lại những đặc điểm phát triển của trẻ em lứa tuổi nhà trẻ 18-24 tháng và 24-36 tháng tại lớp/trường mình làm việc. (HV phân nhóm: mỗi nhóm thực hiện quan sát ở một độ tuổi và 01 lĩnh vực cụ thể)

Hoạt động 1.2. (1) (0,5 tiết lí thuyết)

Câu hỏi thảo luận:

- Các căn cứ để xác định mục tiêu giáo dục phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ?
- Có những cách xác định mục tiêu nào để giáo dục phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ.
- Lấy ví dụ từ thực tế của các thầy/ cô về Giáo dục hình thành NL cho trẻ ở giai đoạn nhà trẻ, qua đó cho thấy cần hình thành năng lực cho trẻ nhà trẻ qua cách thức nào?

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1.2. Mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ

1.2.1. Xác định mục tiêu giáo dục

- Căn cứ để xác định mục tiêu giáo dục của lớp nhà trẻ:
 - + Chương trình nhà trường (đã được phát triển từ Chương trình khung quốc gia), Kế hoạch giáo dục nhà trường: gồm mục tiêu và yêu cầu cần đạt cuối tuổi nhà trẻ
 - + Đặc điểm riêng của lớp: khả năng của trẻ tại lớp, nhu cầu của gia đình, định hướng riêng của nhà trường (nếu có).
- Mục tiêu giáo dục của lớp bám sát mục tiêu được xác định cho khối nhà trẻ trong chương trình và kế hoạch giáo dục nhà trường. Yêu cầu cần đạt cuối độ tuổi là những mô tả cụ thể mang tính tiêu biểu phản ánh năng lực vì vậy đây cũng là một căn cứ quan trọng đòi hỏi ngay từ giai đoạn phát triển Chương trình nhà trường các GV đã cần có sự tham gia để xác định những mốc trung gian phù hợp với trẻ em tại cơ sở giáo dục.
- Việc đánh giá chính xác về khả năng của trẻ rất quan trọng để có căn cứ xác đáng cho việc xác định mục tiêu phù hợp cho từng chặng/giai đoạn. Cần đảm bảo tính hệ thống giữa các kế hoạch. Kế hoạch xây dựng chỉ mang tính chất dự kiến và có thể được điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu, khả năng thực tế của trẻ.

1.2.2. Xác định nội dung giáo dục phát triển năng lực

- Căn cứ để xác định nội dung giáo dục của lớp nhà trẻ:
 - + Chương trình nhà trường (đã được phát triển từ Chương trình khung quốc gia), Kế hoạch giáo dục nhà trường: gồm nội dung hoặc định hướng nội dung theo các lĩnh vực giáo dục trong chương trình nhà trẻ
 - + Mục tiêu trong kế hoạch giáo dục của lớp
 - + Đặc điểm riêng của lớp: nhu cầu, hứng thú của trẻ tại lớp, điều kiện về sự tham gia của gia đình, định hướng riêng của nhà trường (nếu có).
- Nội dung giáo dục theo từng lĩnh vực trong Chương trình quốc gia mang tính định hướng vì vậy các cơ sở giáo dục mầm non cần phát triển tuyến nội dung giáo dục để triển khai trong trường, lớp mình. Nội dung và hoạt động giáo dục là phương tiện giúp đạt mục tiêu giáo dục được xác định trong kế hoạch của trường, nhóm/lớp. Mỗi khối lớp có chung cấu

trúc nội dung giáo dục tổng thể trong năm học. Từng lớp phát triển tuyến nội dung cho lớp mình dựa trên đặc điểm cụ thể của trẻ trong lớp, từ đó tiếp tục xác định các loại hình hoạt động để truyền tải nội dung giúp đạt mục tiêu giáo dục. Mỗi nội dung có thể được triển khai qua nhiều hoạt động khác nhau giúp trẻ hình thành năng lực. Quan điểm tích hợp trong giáo dục mầm non được quán triệt trong xác định nội dung và xây dựng hoạt động giáo dục.

1.2.3. Hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ nhà trẻ theo tiếp cận năng lực

Phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục có tính linh hoạt theo nội dung, đối tượng người học và điều kiện tổ chức. Các quan điểm tiếp cận dựa trên năng lực người học, tiếp cận quyền, tiếp cận đa văn hóa phải được hiện thực hóa trong phương pháp và hình thức tổ chức mà GV áp dụng trên trẻ.

- Đối với thực hiện chương trình giáo dục độ tuổi nhà trẻ theo tiếp cận năng lực, các phương pháp giáo dục chiếm ưu thế gồm: giáo dục đáp ứng, giáo dục bằng tình cảm, giáo dục qua tương tác trực tiếp với trẻ. Chú trọng các hoạt động giao lưu cảm xúc, hoạt động với đồ vật và vui chơi, kích thích sự phát triển các giác quan và các chức năng tâm lý, sinh lý; giúp trẻ thích nghi với cuộc sống ở nhà trẻ.

- Hình thức giáo dục đa dạng: các hoạt động tương tác cá nhân giữa cô giáo với trẻ và hoạt động theo nhóm nhỏ giúp quá trình hỗ trợ trẻ diễn ra hiệu quả. Hòa hòa giữa hình thức tổ chức trong nhà và ngoài trời, tăng các hoạt động ngoài trời để trẻ có thêm cơ hội được tiếp xúc với các yếu tố tự nhiên. Thời gian tập trung trong các hoạt động của trẻ không dài do đó sự luân chuyển linh hoạt các hình thức hoạt động giúp tăng tính hấp dẫn, cuốn hút trẻ đồng thời đảm bảo công bằng trong tham gia và tiếp nhận hỗ trợ từ GV.

- Môi trường giáo dục là thành tố mang tính điều kiện: môi trường vật chất và môi trường tâm lý xã hội thuận lợi giúp trẻ an toàn, thoải mái từ đó tham gia tích cực vào các hoạt động.

Hoạt động 1.2.(2) (0,5 tiết thực hành)

Câu hỏi thảo luận:

- Lấy ví dụ minh họa về hình thức, phương pháp hình thành năng lực cho trẻ nhà trẻ?
- Chọn 1 chủ đề giáo dục cho trẻ nhà trẻ, lập bảng xác định mục tiêu, hình thức và phương pháp phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ?

Hoạt động 1.3.1 (0,5 tiết lí thuyết)

Thảo luận về:

Thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ cần dựa theo những nguyên tắc nào?

Tại sao cần tối ưu hóa các hoạt động dựa vào đa giác quan là nguyên tắc quan trọng trong tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ?

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1.3. Nguyên tắc thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ

1.3.1. Mục tiêu đảm bảo gắn với thực tiễn, phù hợp độ tuổi

GV xác định mục tiêu và lựa chọn các hoạt động gắn với thực tiễn, phù hợp độ tuổi bằng cách xuất phát từ quan sát nhu cầu hàng ngày của trẻ nhà trẻ (0-3 tuổi), đảm bảo mục tiêu cụ thể, đo lường được qua hành vi và không vượt quá khả năng tâm sinh lý từng giai đoạn.

Mục tiêu phải cụ thể, đo lường được qua hành vi quan sát, gắn với thực tiễn như ăn uống, ngủ nghỉ, chơi đùa quen thuộc; ví dụ trẻ 12-24 tháng: "Tự cầm thìa xúc cháo".

Phù hợp độ tuổi: 0-12 tháng ưu tiên vận động cơ bản; 12-24 tháng kỹ năng tự phục vụ; 24-36 tháng tương tác xã hội đơn giản, đảm bảo trẻ hứng thú và thực hiện thành công.

Xác định mục tiêu từ quan sát thực tế, chia nhỏ thành bước phù hợp với chú ý của trẻ nhỏ.

1.3.2. Lấy trẻ làm trung tâm, dựa vào chơi, trải nghiệm và chăm sóc

Nguyên tắc này nhấn mạnh việc coi trẻ là chủ thể tích cực, chủ động trong mọi hoạt động, xuất phát từ đặc trưng phát triển của trẻ nhà trẻ: khả năng chú ý ngắn, học qua giác quan và trải nghiệm thực tế, nên hoạt động phải dựa trên nhu cầu, sở thích cá nhân của từng trẻ thay vì áp đặt chương trình cứng nhắc.

Lấy trẻ làm trung tâm giúp trẻ phát triển toàn diện qua trải nghiệm tự nhiên, tăng sự hứng thú và tự tin từ sớm. Trẻ chủ động khám phá qua chơi kích thích giác quan, giúp hình thành khái niệm cơ bản về thế giới xung quanh, phát triển vận động thô/tinh và kỹ năng giải quyết vấn đề. GV đóng vai trò là người tổ chức, hỗ trợ, quan sát và khuyến khích trẻ tự khám phá qua chơi và trải nghiệm hàng ngày.

GV cần dành thời gian quan sát sở thích, nhu cầu của từng trẻ (như trẻ thích chơi nước hay xếp khối), từ đó thiết kế hoạt động phù hợp, sắp xếp góc chơi đa dạng với đồ dùng an toàn, gần gũi thực tế, từ đó tạo cơ hội tự khám phá, giúp trẻ phát triển năng lực tự lập, cảm xúc và nhận thức.

GV nên gợi ý nhẹ nhàng, đặt câu hỏi mở với trẻ, khen ngợi nỗ lực của trẻ để trẻ tự quyết định và tự tin tham gia.

Kết hợp chặt chẽ với chơi và chăm sóc hàng ngày, đảm bảo trẻ cảm thấy an toàn, hứng thú, hình thành nền tảng phát triển toàn diện.

Trong hoạt động chăm sóc như ăn uống, hướng dẫn trẻ tự cầm thìa, tự chọn món, chỉ can thiệp khi cần an toàn, giúp phát triển kỹ năng tinh tế và cảm xúc.

Khuyến khích trẻ tương tác bạn bè qua chơi nhóm tự do, GV làm mẫu hành vi tích cực để trẻ học theo một cách tự nhiên.

Tổ chức các góc chơi mở (góc vận động, giác quan, âm nhạc) để trẻ tự chọn, tự quyết định thời gian và cách chơi, GV chỉ gợi ý khi cần. Trong các hoạt động, GV khen ngợi để khuyến khích tính chủ động; tránh can thiệp quá mức để tôn trọng sự khác biệt cá nhân nhằm giúp trẻ nhà trẻ tăng sự tự tin, kỹ năng xã hội cơ bản và khả năng thích ứng, phù hợp với Chương trình giáo dục nhà trẻ.

1.3.3. Khuyến khích sự tham gia tích cực và chủ động của trẻ và gia đình trẻ

Nguyên tắc này nhấn mạnh đến việc tạo điều kiện để trẻ 0-3 tuổi tự quyết định và tương tác, đồng thời phối hợp chặt chẽ với gia đình nhằm hỗ trợ phát triển toàn diện năng lực trẻ. GV cần tạo môi trường mở để trẻ chủ động chọn hoạt động (chơi tự do, tự chọn đồ chơi), GV chỉ hỗ trợ nhẹ nhàng thay vì chỉ đạo; đồng thời mời gia đình tham gia để đảm bảo sự liên thông giữa nhà trường - gia đình - cộng đồng.

Nguyên tắc này dựa trên đặc trưng trẻ nhà trẻ: chú ý ngắn, học qua trải nghiệm thực tế, cần sự an toàn từ gia đình để tăng tự tin; gia đình đóng vai trò "đối tác" chia sẻ quan sát và củng cố kỹ năng tại nhà giúp trẻ nhà trẻ phát triển tự lập, tham gia tích cực hoạt động hàng ngày tăng nhận thức và gắn kết của gia đình.

1.3.4. Tối ưu các hoạt động dựa vào khám phá đa giác quan

Nguyên tắc này tập trung vào việc kích hoạt đồng thời 5 giác quan (xem, nghe, chạm, ngửi, nếm) qua chơi và trải nghiệm thực tế, giúp trẻ hình thành khái niệm toàn diện và phát triển não bộ tự nhiên. Mỗi hoạt động phải kết hợp ít nhất 3-4 giác quan để trẻ không chỉ nhìn mà còn chạm, nghe, ngửi/nếm, tạo kết nối nơ ron thần kinh mạnh mẽ; ví dụ, chơi với trái cây (xem màu sắc, chạm vỏ, ngửi mùi, nếm vị chua ngọt). Nguyên tắc này phù hợp não bộ trẻ nhà trẻ đang tăng kết nối tế bào thần kinh một cách nhanh chóng nhằm tăng hứng thú học tập tự nhiên. Kích thích đa giác quan được điều chỉnh theo độ tuổi cụ thể của trẻ nhà trẻ (0-3 tuổi) để phù hợp với sự phát triển não bộ và khả năng chú ý, ưu tiên các giác quan nổi trội từng giai đoạn qua chơi tự do an toàn.

Kích thích đa giác quan được thực hiện trong lớp học mầm non bằng cách tích hợp đồng thời các giác quan vào mọi hoạt động chơi và chăm sóc, giúp trẻ 0-3 tuổi khám phá thế giới một cách tự nhiên và hiệu quả. Ví dụ: Sắp xếp 4-5 góc cố định: góc thiên nhiên (lá cây để chạm-ngửi-xem màu), góc ẩm thực (trái cây thật để nếm, ngửi, chạm), góc âm thanh (chai lắc hạt, chuông nhỏ để nghe và vỗ), góc vận động (cát/nước để được thao tác đổ, múc, xúc giác).

Sử dụng đồ dùng thật thay vì mô hình, tranh ảnh, luân phiên hàng tuần; GV giới thiệu ngắn (2 phút) rồi để trẻ tự khám phá 10-15 phút, chỉ hỗ trợ khi cần. Ví dụ: "Khám phá bí ngô" - trẻ xem màu cam, chạm vỏ sần, ngửi mùi đất, cắt nếm ruột mềm.

1.3.5. Tích hợp toàn diện các lĩnh vực phát triển cho trẻ nhà trẻ

Nguyên tắc này nhằm đảm bảo mọi hoạt động giáo dục đồng thời thúc đẩy thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội và thẩm mỹ, tránh tách biệt để trẻ phát triển hài hòa theo đặc trưng lứa tuổi. Thay vì hoạt động riêng lẻ (chỉ vận động hoặc chỉ nhận thức), mỗi hoạt động phải lồng ghép 3-5 lĩnh vực: chơi nước không chỉ phát triển vận động tinh (thể chất) mà còn nhận biết kết cấu (nhận thức), gọi tên "nước, cốc" (ngôn ngữ), chia sẻ muỗng (tình cảm-xã hội), cảm nhận màu sắc (thẩm mỹ). Nguyên tắc này phù hợp não bộ trẻ nhỏ học qua trải nghiệm tổng thể, tạo kết nối neuron đa chiều giúp trẻ đạt được mục tiêu khỏe mạnh toàn diện, sẵn sàng cho sự phát triển ở độ tuổi mẫu giáo.

Hoạt động 1.3 (0,5 tiết thực hành)

HV thảo luận nhóm:

1. Lấy ví dụ về các nguyên tắc giáo dục nhà trẻ theo tiếp cận năng lực.
2. Lập bảng hoạt động theo 1 chủ đề, có các hoạt động vận dụng minh họa các nguyên tắc thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ.

Nội dung 2. Lập kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ nhà trẻ theo hướng phát triển năng lực (01 tiết lí thuyết, 01 tiết thực hành...)

Hoạt động 2.1 (0,5 tiết lí thuyết)

Học viên thảo luận trong nhóm: Thầy/cô cho biết khi lập kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ nhà trẻ, chúng ta thực hiện theo trình tự nào?

Thể hiện cách lập kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ nhà trẻ theo tiếp cận năng lực qua sơ đồ về quy trình thực hiện.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

2.1. Các bước lập kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ nhà trẻ theo hướng phát triển năng lực

SƠ ĐỒ



Bước 1. Xác định mục tiêu phát triển năng lực

- Căn cứ năng lực chung: Thích ứng, giao tiếp, tự lực và năng lực theo từng lĩnh vực (được cụ thể hóa ở yêu cầu cần đạt) trong các lĩnh vực (thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội);

- Căn cứ đặc điểm phát triển tâm, sinh lý lứa tuổi của trẻ nhà trẻ đặc trưng ở các nhóm lứa tuổi: 3 tháng – 12 tháng; Trẻ 12-18 tháng; trẻ 18-24 tháng; trẻ 24-36 tháng và nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ trong nhóm/lớp trên thực tiễn địa phương;

Xác định năng lực (yêu cầu cần đạt) ở các lĩnh vực phù hợp với khả năng của từng nhóm lứa tuổi của trẻ.

Bước 2. Lựa chọn nội dung giáo dục

- Xuất phát từ năng lực (yêu cầu cần đạt) của trẻ ở từng nhóm lứa tuổi; GV của nhóm lớp lựa chọn nội dung giáo dục theo các lĩnh vực, đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực cho trẻ (các nội dung đảm bảo đa dạng, gần gũi, gắn với đời sống của trẻ).

- Nội dung giáo dục cần cập nhật những yếu tố mới, những đặc thù về văn hóa, giá trị truyền thống của địa phương, có yếu tố trải nghiệm, kích thích trẻ tham gia và khám phá phù hợp với trẻ nhà trẻ.

Bước 3. Lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức

- Sử dụng đa dạng các phương pháp: trực quan, trò chuyện, làm mẫu, trò chơi, trải nghiệm; Montessori phù hợp...

- Hình thức tổ chức đa dạng, linh hoạt: Trong lớp, ngoài trời/các khu vực/ phòng chuyên biệt...; Đối với trẻ: cá nhân (tương tác 1-1), nhóm nhỏ, cả lớp; chú ý tạo cơ hội cho mọi trẻ được tham gia. (GV gợi mở, hỗ trợ, khuyến khích trẻ hoạt động)

Bước 4. Chuẩn bị môi trường và học liệu

- Dựa trên năng lực (yêu cầu cần đạt) của trẻ ở từng nhóm lứa tuổi và nội dung giáo dục; GV và nhà trường triển khai xây dựng môi trường học tập theo quan điểm “lấy trẻ làm

trung tâm”, chuẩn bị đồ dùng, nguyên liệu/học liệu phù hợp, đáp ứng yêu cầu triển khai các nội dung giáo dục ở từng nhóm lứa tuổi nhằm phát triển năng lực cho trẻ.

Xây dựng môi trường cân hướng tới môi trường mở, dễ dàng khai thác triệt để hiệu quả cơ sở vật chất của nhà trường, nhóm lớp (sân chơi, phòng chức năng, phòng học, hiên/sảnh; các góc/khu vực trong lớp, ngoài trời...) cho các hoạt động.

Đồ dùng học liệu, đồ chơi cân đáp ứng yêu cầu **kích thích sự phát triển của các giác quan**, đa dạng, an toàn, vệ sinh và không độc hại đối với trẻ nhà trẻ.

Sân chơi, các khu vực/phòng dành cho trẻ nhà trẻ hoạt động cần bố trí gần khu vực nhóm lớp của trẻ; đồ dùng, thiết bị, đồ chơi ngoài trời phù hợp kích cỡ trẻ nhà trẻ.

Bước 5. Thiết kế hoạt động

- Dựa trên năng lực (yêu cầu cần đạt); nội dung giáo dục; điều kiện thực tế về môi trường và học liệu của cơ sở; GV thiết kế các hoạt động phù hợp.

Đảm bảo tính đa dạng các hoạt động theo các lĩnh vực và chế độ sinh hoạt 1 ngày của trẻ theo nhóm độ tuổi: Chơi - tập; trò chuyện; trải nghiệm; chơi với đồ chơi; Ăn; ngủ, vệ sinh...bám sát nội dung, yêu cầu phát triển năng lực cho trẻ.

- Tiến trình hoạt động: Linh hoạt tùy theo đặc thù của hoạt động và hứng thú, khả năng của trẻ. Tuy nhiên cần đảm bảo nguyên tắc: Tổ chức hoạt động hướng dẫn nội dung kiến thức/kỹ năng mới cho trẻ cần dựa trên khả năng của trẻ và mọi trẻ trong nhóm lớp đều có cơ hội được thực hành, trải nghiệm; Thời lượng hoạt động phù hợp với nhóm độ tuổi và sự hứng thú của trẻ.

Bước 6. Đánh giá, điều chỉnh và hoàn thiện kế hoạch

- Quan sát mức độ tham gia, hứng thú và kết quả của trẻ qua hoạt động (đánh giá quá trình, sự tiến bộ so với chính trẻ, không áp lực kết quả, tôn trọng sự khác biệt của trẻ)

- Điều chỉnh nội dung, phương pháp, môi trường, đồ chơi/học liệu ...(nếu cần) cho phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng của trẻ cho các hoạt động tiếp theo.

Hoạt động 2.1.(2) (0,5 tiết thực hành)

HV thảo luận và thực hiện nhiệm vụ theo nhóm:

- Nhiệm vụ: Lấy ví dụ quy trình minh họa bước lập kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ nhà trẻ theo hướng phát triển năng lực

- Đại diện nhóm trình bày

Hoạt động 2.2 (1) (0,5 tiết lí thuyết)

Học viên thảo luận trong nhóm: Thầy/cô cho biết khi lập kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ nhà trẻ kế hoạch năm, tháng/ chủ đề/ dự án, tuần, ngày, bài học theo cách nào?

Thể hiện cách lập kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ nhà trẻ theo tiếp cận năng lực qua chủ đề của năm/tháng/chủ đề/dự án.

2.2.Hướng dẫn xây dựng kế hoạch năm, tháng/ chủ đề/ dự án, tuần, ngày, bài học.

Kế hoạch giáo dục cho trẻ nhà trẻ cần được xây dựng theo hướng phát triển năng lực, lấy trẻ làm trung tâm, đảm bảo tính hệ thống từ năm → tháng/chủ đề → tuần → ngày → bài học. Nội dung kế hoạch cần linh hoạt, gắn với trải nghiệm thực tiễn, phù hợp đặc điểm phát triển của trẻ nhà trẻ theo từng giai đoạn. Việc thiết kế kế hoạch cần đảm bảo tính kế thừa, mở và có khả năng điều chỉnh theo nhu cầu, hứng thú của trẻ.

2.2.1. Xây dựng kế hoạch năm

Nguyên tắc:

- Kế hoạch năm được xây dựng dựa trên căn cứ Chương trình GDMN, năng lực (yêu cầu cần đạt) cuối độ tuổi nhà trẻ.

- Năng lực (yêu cầu cần đạt ở cuối độ tuổi – 36 tháng), tuy nhiên trong kế hoạch cần cụ thể hóa cho từng nhóm độ tuổi (06-12 tháng; 12-18 tháng; 18-24 tháng và 24-36 tháng), đảm bảo sự đồng tâm phát triển ở các nhóm độ tuổi.

- Kế hoạch bảo đảm phát triển toàn diện trẻ theo 5 lĩnh vực: Thể chất, Tình cảm – kỹ năng xã hội, Ngôn ngữ, Nhận thức, Nghệ thuật.

- Kế hoạch phù hợp đặc điểm phát triển của trẻ, điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường.

- Kế hoạch có tính mở, linh hoạt, có thể điều chỉnh theo sự tiến bộ và nhu cầu của trẻ.

Cách thực hiện:

Bước 1: Xác định mục tiêu phát triển năng lực (Xem bảng ở phụ lục)

Phân tích năng lực (yêu cầu cần đạt) cuối độ tuổi nhà trẻ.

Nghiên cứu chương trình GDMN và phân tích các năng lực theo lĩnh vực tương ứng với yêu cầu cần đạt cuối độ tuổi nhà trẻ (mốc 36 tháng), từ đó:

- Xác định năng lực (yêu cầu cần đạt) cho các nhóm độ tuổi nhỏ hơn (3–12 tháng, 12–18 tháng) theo hướng giảm nhẹ về mức độ khó, mức độ độc lập và khả năng thực hiện của trẻ.

- Sắp xếp năng lực (yêu cầu cần đạt) của các lĩnh vực theo nhóm độ tuổi liên nhau để có sự so sánh, đối chiếu mức độ phát triển đồng tâm phù hợp đặc điểm tâm sinh lý và hoạt động chủ đạo của lứa tuổi.

Bước 2: Lựa chọn nội dung giáo dục (Xem bảng ở phụ lục)

- Từ năng lực cốt lõi (yêu cầu cần đạt), GV lựa chọn nội dung giáo dục phù hợp theo nhóm tuổi nhằm đáp ứng phát triển năng lực cho trẻ ở các lĩnh vực giáo dục

Bước 3. Lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức (Xem bảng ở phụ lục)

Từ năng lực cốt lõi (yêu cầu cần đạt), nội dung giáo dục, GV lựa chọn các phương pháp, hình thức tổ chức phù hợp

Bước 4. Chuẩn bị môi trường và học liệu (Xem bảng ở phụ lục)

Môi trường và học liệu đáp ứng yêu cầu thực hiện nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và nhằm đạt năng lực (yêu cầu cần đạt) ở từng nhóm độ tuổi

Bước 5. Thiết kế hoạt động

Từ nội dung, GV thiết kế các hoạt động. Một nội dung có thể có nhiều hoạt động và ngược lại. Do vậy, có thể đưa ra số lượng nội dung, hoạt động nhiều hơn yêu cầu để các nhóm lớp có sự lựa chọn đa dạng phù hợp với nhóm/lớp mình khi triển khai cụ thể hóa vào các tháng

Bước 6. Đánh giá, điều chỉnh và hoàn thiện kế hoạch

Nội dung này có thể trình bày ở cuối bản kế hoạch năm theo 5 nội dung của các bước kế hoạch hoặc theo nhóm vấn đề: Điều kiện thực hiện : CSVN, Môi trường, trang thiết bị, học liệu ; GV; Phương pháp; hình thức tổ chức; đánh giá trẻ...

2.2.2. *Xây dựng kế hoạch tháng/chủ đề, kế hoạch tuần.*

Nguyên tắc:

- Bám sát kế hoạch năm học và mục tiêu giáo dục của từng độ tuổi nhà trẻ. Nội dung các hoạt động trong kế hoạch tháng phù hợp với đặc điểm phát triển, khả năng và nhu cầu của trẻ nhà trẻ từng nhóm tuổi. Trong đó, kế hoạch tháng/tuần là sự cụ thể hóa của kế hoạch năm vào từng thời điểm cụ thể trên nhóm/lớp để triển khai thực hiện. Đảm bảo tính liên thông, kế thừa và phát triển từ tháng → tuần → ngày.

- Kế hoạch tháng/tuần do GV của nhóm/lớp xây dựng. Nội dung, hoạt động do GV linh hoạt lựa chọn phù hợp với đặc điểm phát triển, khả năng và nhu cầu của trẻ trong

nhóm/lớp và điều kiện thực hiện của nhóm/lớp. Phù hợp với điều kiện thực tế của lớp, nhà trường và địa phương.

Chủ đề chỉ mang tính gợi ý, linh hoạt, không áp đặt, ưu tiên theo hứng thú của trẻ. Có thể linh hoạt lựa chọn chủ đề/ kế hoạch tháng, tuy nhiên cần phù hợp với khả năng, nhận thức của trẻ trong nhóm/lớp. Tăng cường tính linh hoạt, tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm, hoạt động tích cực.

Cách thực hiện:

- Căn cứ kế hoạch năm, xác định được mục tiêu giáo dục của từng tháng sao cho cả năm thực hiện được hết các nội dung, hoạt động nhằm đạt năng lực (yêu cầu cần đạt) trong đủ các lĩnh vực, cân đối, không bỏ sót.

- Lựa chọn chủ đề chung của tháng (nếu có), chủ đề các tuần, các hoạt động phù hợp với mục tiêu tháng. Chủ đề các tuần từ gần gũi đến mở rộng, thể hiện được sự kiện trong tháng muốn hướng tới.

- Đưa ra nội dung theo trình tự hoạt động trong ngày (đón trẻ, thể dục sáng, hoạt động có chủ đích, hoạt động ngoài trời, hoạt động góc, ăn – ngủ, hoạt động chiều, trả trẻ) đảm bảo sự hợp lý, cân đối giữa các hoạt động.

- Xây dựng kế hoạch tuần dựa trên mục tiêu tháng, chủ đề các tuần, cụ thể hóa thành các hoạt động giáo dục trong tuần. Thể hiện rõ hoạt động có gắn mục tiêu.

- Điều chỉnh kế hoạch kịp thời dựa trên tình hình thực tế và mức độ đạt được của trẻ.

Căn cứ kế hoạch năm xác định mục tiêu giáo dục tháng 11 đối với trẻ nhà trẻ 24-36 tháng: mục tiêu 5 (Lĩnh vực thể chất), mục tiêu 33 (Lĩnh vực ngôn ngữ)...

Lựa chọn chủ đề chung tháng 11 và triển khai thành 4 chủ đề nhánh tương ứng với 4 tuần, có gắn với mục tiêu

- Tuần 1: Đồ dùng để uống

- Tuần 2: Đồ dùng để ăn (Mục tiêu 5: Tự thực hiện được các vận động di chuyển với những yêu cầu khác nhau, bước đầu thể hiện khả năng kiểm soát vận động, giữ thăng bằng khi thực hiện vận động di chuyển: đi, chạy theo thay đổi hướng, tốc độ, địa hình...- Lĩnh vực Thể chất)

- Tuần 3: Ngày hội của cô giáo (Sự kiện ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11: Mục tiêu 33: Trẻ vui thích khi được nghe đọc sách- Lĩnh vực ngôn ngữ)

- Tuần 4: Bác sĩ khám bệnh

Xác định toàn bộ nội dung hoạt động trong tháng của các hoạt động trong ngày: đón trẻ, thể dục sáng, hoạt động có chủ đích, hoạt động ngoài trời, hoạt động góc, ăn – ngủ, hoạt động chiều, trả trẻ.

Đánh giá và điều chỉnh: Cuối mỗi tuần, GV đánh giá mức độ đạt được của trẻ. Kịp thời điều chỉnh nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động của tuần kế tiếp. Tăng cường hỗ trợ đối với trẻ còn gặp khó khăn.

Tăng cường hỗ trợ đối với trẻ còn gặp khó khăn.

Ví dụ cụ thể: (Xem phụ lục)

VD1. Lĩnh vực Thể chất

- Căn cứ: Năng lực thực hiện các kỹ năng vận động. TC3 Thực hiện các vận động thô của trẻ 24–36 tháng.

- Phân tích yêu cầu cần đạt TC3.2: Thực hiện được vận động với dụng cụ, thiết bị, vận động với GV, bước đầu thể hiện khả năng kiểm soát và phối hợp vận động: di chuyển có mang theo vật; ném xa bằng một tay; ném trúng đích ngang tối thiểu 1,2m; tung, bắt bóng với GV khoảng cách tối thiểu 1,2m; đá trúng vào quả bóng đứng yên; trèo lên xuống mô hình vận động có người lớn hỗ trợ; bò qua các chướng ngại vật.

- Xác định yêu cầu cần đạt trẻ 12–24 tháng: Trẻ đi và di chuyển khi mang theo vật nhẹ; bước đầu thực hiện ném bóng bằng một tay (chưa yêu cầu xa và chính xác), biết lăn hoặc tung bóng đơn giản; có thể đá bóng theo hướng; tập trèo lên, xuống bậc thấp hoặc mô hình đơn giản có sự hỗ trợ; bò, chui qua vật cản thấp; tham gia vận động cùng cô và bước đầu thể hiện khả năng phối hợp vận động.

- Xác định yêu cầu cần đạt trẻ 3–12 tháng: Trẻ thực hiện các vận động cơ bản như lẫy, bò, trườn để di chuyển; cầm, nắm, thả đồ vật; nhìn theo, với tay chạm hoặc được hỗ trợ lăn bóng; tập đứng vịn, di chuyển men; làm quen với việc vượt qua vật cản rất đơn giản với sự hỗ trợ của người lớn; bước đầu hình thành khả năng phối hợp vận động ở mức sơ khởi.

VD2. Lĩnh vực Tình cảm – xã hội

- Căn cứ: Năng lực nhận biết và quản lý bản thân. TX1. Nhận biết về bản thân của trẻ 24–36 tháng.

- Phân tích yêu cầu cần đạt (TX 1.2): Thể hiện nhu cầu của bản thân bằng cử chỉ, hành động, lời nói.

- Xác định yêu cầu cần đạt trẻ 12–24 tháng: Trẻ thể hiện nhu cầu bằng cử chỉ, hành động và một số từ đơn quen thuộc; biết chỉ, kéo tay người lớn, phát âm đơn giản để yêu cầu (ăn, uống, chơi...); bước đầu sử dụng lời nói ngắn kết hợp với hành động để diễn đạt nhu cầu.

- Xác định yêu cầu cần đạt trẻ 3–12 tháng: Trẻ thể hiện nhu cầu thông qua phản ứng như khóc, cười, nét mặt, âm thanh; biết với tay, chỉ, hướng về phía đồ vật hoặc người lớn; phản ứng khi có nhu cầu được đáp ứng hoặc chưa được đáp ứng.

VD3. Lĩnh vực Ngôn ngữ

- Căn cứ: Năng lực sử dụng ngôn ngữ. NN3 Thể hiện ngôn ngữ sáng tạo của trẻ 24–36 tháng.

- Phân tích yêu cầu cần đạt (NN 3.2): Kể chuyện, đọc thơ, hát có nhịp điệu, diễn cảm theo cách của trẻ.

- Xác định yêu cầu cần đạt trẻ 12–24 tháng: Trẻ biết lắng nghe truyện, thơ, bài hát; bước đầu nói theo, đọc theo một số từ, câu ngắn; hát theo giai điệu quen thuộc, có thể lặp lại từ cuối hoặc cụm từ đơn giản; thể hiện cảm xúc qua giọng nói, cử chỉ khi tham gia.

- Xác định yêu cầu cần đạt trẻ 3–12 tháng: Trẻ phản ứng với âm thanh, giọng nói, nhạc; ê a theo nhịp điệu; chú ý lắng nghe khi được kể chuyện, đọc thơ, hát; thể hiện cảm xúc qua nét mặt, cử động cơ thể khi nghe âm thanh, nhạc.

VD4. Lĩnh vực nhận thức

- Căn cứ: Năng lực hiểu biết và kỹ năng nhận thức về thế giới xung quanh. NT3 Kỹ năng nhận thức về thế giới xung quanh của trẻ 24–36 tháng

- Phân tích yêu cầu cần đạt (NT 4.1): Phân biệt được hai đối tượng.

- Xác định yêu cầu cần đạt trẻ 12–24 tháng: Nhận biết, phân biệt đơn giản hai đối tượng khác nhau (chỉ/chọn theo yêu cầu).

- Xác định yêu cầu cần đạt trẻ 3–12 tháng: Nhận biết sự khác biệt giữa hai đối tượng qua quan sát, cầm nắm

VD5. Lĩnh vực nghệ thuật:

- Căn cứ: Năng lực thể hiện hiểu biết, kỹ năng tham gia hoạt động nghệ thuật. NgT 3 Hiểu biết, kỹ năng trong hoạt động tạo hình của trẻ 24–36 tháng

- Phân tích yêu cầu cần đạt 3.1 Làm quen và sử dụng một số phương tiện, nguyên vật liệu tạo hình đơn giản.

- Xác định yêu cầu cần đạt trẻ 12–24 tháng: Trẻ biết cầm và bước đầu sử dụng một số dụng cụ, nguyên vật liệu tạo hình đơn giản (bút màu, đất nặn, giấy...); thực hiện các thao tác đơn giản như vẽ, bóp, ấn, xé theo hướng dẫn; hứng thú tham gia hoạt động.

- Xác định yêu cầu cần đạt trẻ 3–12 tháng: Trẻ làm quen, cầm nắm và khám phá dụng cụ, nguyên vật liệu tạo hình; có phản ứng với màu sắc, chất liệu; thực hiện các thao tác đơn giản như cầm, chạm, bóp với sự hỗ trợ.

Ví dụ qua sơ đồ theo chủ đề (2 tuần)

CHỦ ĐỀ: GIA ĐÌNH (THÁNG 11)
TUẦN 1 + 2: GIA ĐÌNH CỦA BÉ



2.2.3. Xây dựng kế hoạch ngày

Nguyên tắc:

- Bám sát kế hoạch tuần và mục tiêu giáo dục của độ tuổi nhà trẻ. Là sự cụ thể hóa kế hoạch tháng/ tuần theo nhóm độ tuổi.

- Nội dung hoạt động trong ngày phù hợp với khả năng nhận thức, nhu cầu và đặc điểm phát triển của trẻ.

- Đảm bảo thực hiện phù hợp chế độ sinh hoạt một ngày của trẻ nhà trẻ.

- Đảm bảo sự cân đối giữa các hoạt động: động - tĩnh, học - chơi, cá nhân - nhóm.

- Tăng cường cơ hội cho trẻ được trải nghiệm, giao tiếp và hoạt động tích cực.
- Đảm bảo tính linh hoạt, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của trẻ trong ngày.

Cách thực hiện:

- Căn cứ mục tiêu tuần, xác định mục tiêu cụ thể của ngày (Nếu có).
- Lựa chọn nội dung các hoạt động trong ngày từ thứ 2 đến thứ 6 phù hợp với nội dung chủ đề nhánh trong tuần. Căn cứ kế hoạch tuần; GV lựa chọn nội dung, hoạt động và phân bổ trong ngày từ thứ 2 đến thứ 6 phù hợp.

Ví dụ cụ thể: Xem phụ lục.

Hoạt động 2.2. (2) (0,5 tiết thực hành)

HV thảo luận nhóm:

- Nhiệm vụ: Thực hành lập kế hoạch tháng/tuần theo chủ đề cho trẻ nhà trẻ theo tiếp cận năng lực
- Đại diện nhóm trình bày

Nội dung 3. Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển năng lực (2,5 tiết lí thuyết, 2,5 tiết thực hành...)

Hoạt động 3.1 (1) (0,5 tiết lí thuyết)

Học viên thảo luận trong nhóm:

Thầy/cô cho biết: Thầy cô thực hiện giáo dục phát triển năng lực thể chất cho trẻ nhà trẻ qua những hình thức nào? Cách thức lựa chọn hoạt động giáo dục năng lực thể chất cho trẻ nhà trẻ?

THÔNG TIN PHẢN HỒI

3.1. Tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục phát triển năng lực thể chất cho trẻ nhà trẻ

3.1.1. Năng lực thể chất của trẻ nhà trẻ

Giáo dục thể chất hướng tới hình thành cho trẻ các năng lực như: tham gia tích cực vào hoạt động thể chất, thích ứng được với sự thay đổi của môi trường và hoạt động thể chất; thực hiện các kỹ năng vận động; thực hành dinh dưỡng; bước đầu hình thành thói quen chăm sóc sức khỏe; vệ sinh và bảo đảm an toàn. Những năng lực thuộc lĩnh vực thể chất góp phần giúp trẻ hướng đến phải đạt được và duy trì lối sống lành mạnh, năng động. Bên cạnh đó lĩnh vực giáo dục thể chất còn góp phần hình thành cho trẻ các năng lực chung thích ứng, tự lực, hợp tác và giải quyết vấn đề.

Các năng lực về thể chất ở cuối mỗi giai đoạn lứa tuổi được xác định chung cho trẻ em trong toàn quốc → các cơ sở giáo dục xác định mục tiêu giáo dục và yêu cầu cần đạt phù hợp với đặc điểm trẻ em và định hướng giáo dục của cơ sở mình (về cơ bản là chung cho cả khối và có sự kiểm tra phê duyệt của Ban giám hiệu) → GV xác định nội dung giáo dục và lựa chọn cách thức tổ chức, phương tiện dạy và học (Thuộc quyền của GV, Ban giám hiệu kiểm tra, tư vấn không áp đặt).

Bảng 1: Ví dụ minh họa xác định năng lực (Yêu cầu cần đạt) của từng độ tuổi nhà trẻ

Năng lực cốt lõi	Yêu cầu cần đạt chung	Năng lực (Yêu cầu cần đạt)			
		3–12 tháng	12 –18 tháng	18-24 tháng	
1. Tham	TC1. Tích	TC1.1. Vui vẻ, hào hứng	Phản ứng tích cực khi được hỗ	Tham gia vận động khi có hỗ	Hứng thú tham gia vận động

gia tích cực vào hoạt động thể chất và thích ứng với sự thay đổi	cực tham gia vào các hoạt động thể chất	tham gia vào các hoạt động thể chất.	trợ vận động, tham gia thụ động, thời gian ngắn.	trợ, thể hiện thích thú qua nét mặt/âm thanh, cần hướng dẫn trực tiếp.	đơn giản, biết bắt chước, thể hiện vui vẻ, đôi lúc chủ động khi được gọi ý.
		TC1.2. Cố gắng hoàn thành nhiệm vụ thể chất với sự hỗ trợ	Tham gia vận động với hỗ trợ hoàn toàn.	Thực hiện vận động đơn giản khi có hỗ trợ trực tiếp.	Cố gắng hoàn thành vận động đơn giản với hỗ trợ nhẹ.
	TC2. Thích ứng được với sự thay đổi của hoạt động thể chất và chế độ sinh hoạt	TC2.1. Duy trì thực hiện các hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh khi có sự thay đổi môi trường	Phụ thuộc hoàn toàn, khó thích nghi khi thay đổi môi trường.	Giữ được một số thói quen khi có hỗ trợ trực tiếp.	Duy trì tương đối nề nếp ăn, ngủ, vệ sinh khi đổi môi trường, cần hỗ trợ nhẹ.
		TC2.2. Tham gia hoạt động thể chất khi có sự thay đổi về địa điểm, yêu cầu hoạt động, bạn cùng chơi.	Tham gia vận động khi thay đổi với hỗ trợ hoàn toàn.	Tham gia vận động khi thay đổi nếu có hỗ trợ trực tiếp.	Tham gia vận động khi có thay đổi (địa điểm, hoạt động, bạn chơi) với hỗ trợ nhẹ.

Bảng 2: Ví dụ minh họa xác định nội dung giáo dục và phương pháp hình thức tổ chức

Năng lực (Yêu cầu cần đạt)	Lứa tuổi	Nội dung giáo dục	Phương pháp, hình thức tổ chức
Phản ứng tích cực khi được hỗ trợ vận động, tham gia thụ động, thời gian ngắn.	3–12 tháng	- Lẫy, lăn, trườn, bò; tập ngồi vững, đứng có vịn, nhún chân khi được giữ. - Vận động đơn giản: “Bé làm theo cô” (vỗ tay, giơ tay, lắc lư); “Tìm đồ chơi” (khuyến khích trẻ với, trườn, bò tới đồ vật gần); “Lăn bóng – đẩy bóng” (có cô hỗ trợ).	- Làm mẫu trực quan + hỗ trợ trực tiếp: Cô thực hiện chậm, rõ, kết hợp nét mặt – giọng nói. Cảm tay, đỡ người, hướng dẫn từng bước để trẻ “cảm nhận” vận động. - Tương tác 1:1 là chính: Tăng tiếp xúc gần - Hoạt động ngắn, lặp lại nhiều lần
Tham gia vận động khi có hỗ trợ, thể hiện thích thú qua nét mặt/âm thanh, cần hướng dẫn trực tiếp.	12–18 tháng	- Đi có dắt tay, đi men theo vật; bò, trườn qua vật cản thấp. Tập đứng lên – ngồi xuống có vịn; nhún chân khi cô giữ tay. Leo lên/xuống bậc thấp (có cô hỗ trợ). - Vận động đơn giản: “Đi theo cô” (có dắt tay hoặc	- Làm mẫu + hướng dẫn trực tiếp từng bước: Cô làm mẫu chậm, rõ; kết hợp lời nói ngắn gọn. Cảm tay, đỡ người để trẻ thực hiện và cảm nhận vận động. - Tăng cường tương tác cá nhân: Gọi tên, giao tiếp mắt, khích lệ bằng nét mặt

		gọi tên). “Bắt chước cô làm” (vỗ tay, giơ tay, cúi - đứng). “Lăn/chuyên bóng gôn” (cự ly ngắn, có hướng dẫn).	<ul style="list-style-type: none"> - giọng nói. Quan sát phản ứng của trẻ để điều chỉnh mức hỗ trợ phù hợp. - Hoạt động ngắn, lặp lại nhiều lần: Mỗi hoạt động 2–3 phút, lặp lại động tác trong trò chơi để trẻ quen dần và tự tin hơn. - Kết hợp trò chơi và âm nhạc: Dùng đồ chơi, âm thanh, bài hát để tạo hứng thú.
Hứng thú tham gia vận động đơn giản, biết bắt chước, thể hiện vui vẻ, đôi lúc chủ động khi được gợi ý.	18-24 tháng	<ul style="list-style-type: none"> - Đi, bò, đứng lên – ngồi xuống, nhún nhảy, leo thấp - Vận động đơn giản: “đi theo cô”, “bắt chước cô làm”, “chuyên bóng”, “cùng nhún nhảy” - Vận động theo bài hát: trẻ làm theo động tác minh họa trong bài hát ngắn 	<ul style="list-style-type: none"> - GV làm mẫu rõ ràng, hướng dẫn từng bước, cho trẻ quan sát và bắt chước các động tác mẫu của cô, hỗ trợ nhẹ khi cần. - Sử dụng trò chơi, bài hát ngắn để thu hút trẻ tham gia. - Khuyến khích trẻ lặp lại động tác nhiều lần trong trò chơi để hoàn thành nhiệm vụ. - Luôn khuyến khích, động viên kịp thời để trẻ vui vẻ, hứng thú và dần biết tham gia chủ động khi được gợi ý và tự tin cố gắng thực hiện vận động đến cùng.
Vui vẻ, hào hứng tham gia vào các hoạt động thể chất.	24-36 tháng	<ul style="list-style-type: none"> - “Đi theo hiệu lệnh” (nhANH – chậm, dừng – đi, đổi hướng) - “Chuyên bóng” theo hàng/nhóm nhỏ - Trò chơi vận động có yếu tố tìm kiếm: “tìm đồ vật”, “mang đồ về đúng chỗ” - Vận động theo bài hát (tặng chuỗi động tác): Thực hiện 2–3 động tác liên tiếp theo bài hát. Kết hợp vận động tay – chân – toàn thân theo nhạc 	<ul style="list-style-type: none"> - GV vẫn làm mẫu rõ ràng nhưng kết hợp đặt câu hỏi gợi ý: “Con thử làm giống cô xem?”, “Còn cách nào khác không?” - Tặng cơ hội cho trẻ lựa chọn và tham gia chủ động - Tổ chức dưới dạng trò chơi – tình huống: Xây dựng bối cảnh gần gũi: “đi qua cầu”, “chui hang”, “mang quà cho bạn”... - Tặng cường vận động theo nhóm nhỏ.

Từ mạng hoạt động, GV thiết kế các hoạt động cụ thể đảm bảo:

+ Trẻ được hoạt động theo các hình thức khác nhau, có nhiều cơ hội để hoạt động trong các môi trường khác nhau và hoạt động với người khác.

- + Đối với các hoạt động vận động cần chú ý nguyên tắc giáo dục phát triển vận động.
- + Các hoạt động hỗ trợ cho trẻ thu nhận kiến thức, kỹ năng mới hoặc vận dụng, rèn luyện kiến thức, kỹ năng đã học và truyền cho trẻ những cảm xúc tích cực với hoạt động
- + Thời gian tổ chức hoạt động không bị khuôn cứng bởi tính linh hoạt, kết nối mềm mại giữa các hoạt động.
- + Đặc điểm lứa tuổi, kinh nghiệm cá nhân của trẻ và những đặc thù của địa phương được chú ý trong thiết kế hoạt động giáo dục: điều kiện tự nhiên, văn hóa, tập quán sinh hoạt.. có ảnh hưởng tới khả năng thực hiện, vận dụng các vận động, thực hành dinh dưỡng, các kỹ năng chăm sóc sức khỏe, các vấn đề về an toàn.
- + Vai trò của GV thay đổi tùy loại hoạt động: hoạt động có trang bị kiến thức kỹ năng mới hay hoạt động ôn luyện, vận dụng kiến thức kỹ năng đã có.

3.1.2. Các hình thức giáo dục phát triển năng lực thể chất cho trẻ nhà trẻ

3.1.2.1. Hoạt động học

Hoạt động này nhằm giáo dục thể chất là hình thức truyền thụ cho trẻ mầm non những kiến thức, kỹ năng vận động; dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn một cách đầy đủ, chính xác theo trình tự hệ thống, có mục tiêu cụ thể và được triển khai theo kế hoạch góp phần rèn luyện tính kỉ luật, nề nếp, tinh thần tập thể cho trẻ, chuẩn bị cho trẻ những năng lực cần thiết để tham gia học tập ở bậc tiểu học.

- Ở lứa tuổi nhà trẻ, cơ thể trẻ phát triển nhanh nhưng còn non yếu, khả năng phối hợp vận động chưa hoàn thiện; vì vậy, việc tổ chức hoạt động học phát triển thể chất có vai trò đặc biệt quan trọng nhằm giúp trẻ hình thành các kỹ năng vận động cơ bản như đi, chạy, bò, ném, bật..., đồng thời phát triển sức khỏe và tăng cường vận động, tạo tiền đề cho sự phát triển thể chất ở các giai đoạn sau.

- Nội dung ngắn gọn, sinh động, phù hợp với khả năng và đặc điểm tâm sinh lý của trẻ.

* Hướng dẫn tổ chức hoạt động học

- Chuẩn bị sân tập sạch sẽ, an toàn; dụng cụ phù hợp với độ tuổi và mục tiêu hoạt động, âm nhạc của các phân trong hoạt động học đảm bảo về chất lượng.

- Hoạt động học được tổ chức nhẹ nhàng, linh hoạt, tạo hứng thú và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ.

- Tăng dần mức độ từ dễ → khó, phù hợp khả năng trẻ

- GV hướng dẫn rõ ràng, dễ hiểu, xúc tích; đưa ra các hiệu lệnh đơn giản.

- Tổ chức đa dạng hình thức (cả lớp, nhóm, cá nhân), linh hoạt thay đổi để tránh nhàm chán và tạo cơ hội cho trẻ tích cực tham gia hoạt động.

- Đảm bảo đúng phương pháp của hoạt động thể chất:

a. Khởi động

b. Trọng động gồm:

Bài tập phát triển chung

Vận động cơ bản

Trò chơi vận động

c. Hồi tĩnh

- GV quan sát, hỗ trợ kịp thời đối với từng trẻ; đảm bảo an toàn trong suốt quá trình hoạt động

Bảng Ví dụ minh họa xác định ngân hàng nội dung và phương pháp tổ chức

Năng lực (yêu cầu cần đạt) 18-24 tháng	Ngân hàng nội dung	Phương pháp hình thức tổ chức

Cố gắng hoàn thành vận động đơn giản với hỗ trợ nhẹ.	- VĐCB: + Đi hết đoạn đường 2m + Đi theo hướng thẳng + Đi trong đường hẹp + Bò chui qua vật cản.. - TCVD: + Kéo cưa lừa xẻ + Nu na nu nống + Bắt bướm + Con bọ dừa + Con rùa...	- Tiếp cận theo năng lực của trẻ + Tôn trọng sự khác biệt mỗi trẻ có tốc độ và khả năng vận động khác nhau. + Không yêu cầu trẻ thực hiện chính xác ngay từ đầu, chú trọng sự cố gắng và tham gia. + GV quan sát để hỗ trợ đúng lúc, đúng mức. - Phương pháp tổ chức linh hoạt + Kết hợp nhiều hình thức: cá nhân, nhóm nhỏ (2–4 trẻ để tăng cơ hội thực hành), tập thể... + Trẻ hình thành kỹ năng vận động thông qua chơi. - Linh hoạt trong tổ chức các hoạt động: nói tiếp, thi đua... - GV làm mẫu rõ ràng, chậm, kết hợp lời nói ngắn gọn, - Khuyến khích trẻ thử lại nhiều lần bằng nhiều cách
--	---	--

3.1.2.1. Hoạt động chơi

Là hoạt động tạo cơ hội để trẻ ôn luyện, vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã có vào các nhiệm vụ chơi tạo nên sự cuốn hút, vui vẻ, hào hứng đối với hoạt động thể chất. Việc lồng ghép giáo dục thể chất vào hoạt động góc trong lớp và hoạt động ngoài trời sẽ giúp trẻ hứng thú hơn, trẻ được vận động thường xuyên, tự nhiên, phù hợp với nhu cầu phát triển, từ đó nâng cao sức khỏe và hình thành các kỹ năng cần thiết.

* Xây dựng môi trường vận động phù hợp: Xây dựng môi trường “mở – an toàn – kích thích vận động”

- *Hoạt động góc:*

+ Bố trí các góc phù hợp giữa tĩnh và động.

+ Chuẩn bị đồ dùng an toàn: bóng mềm, vòng, công chui, túi cát, các hạt để xâu, luôn đảm bảo an toàn với lứa tuổi nhà trẻ

+ Tạo không gian mở, dễ di chuyển

- *Hoạt động ngoài trời:*

+ Tận dụng sân trường, khu vận động

+ Sắp xếp khu vực chơi rõ ràng, đảm bảo an toàn

* Lựa chọn nội dung chơi phù hợp độ tuổi yêu cầu: Đơn giản – dễ thực hiện – lặp lại nhiều lần.

* Tổ chức hoạt động linh hoạt, lấy trẻ làm trung tâm cô nói ít, cho trẻ được thực hiện nhiều và tăng cường nhiều trải nghiệm hơn.

* Luôn đảm bảo an toàn tuyệt đối khi trẻ tham gia chơi

- Kiểm tra sân chơi, dụng cụ trước khi hoạt động

- Sử dụng đồ dùng mềm, nhẹ, không quá nhỏ

- Luôn quan sát trẻ chơi, hỗ trợ kịp thời khi trẻ gặp khó khăn

- Không tổ chức vận động quá sức

* Tăng hứng thú cho trẻ

- Lồng ghép âm nhạc, lời ca đơn giản

- Tạo tình huống khi cho trẻ chơi

- Tích cực chủ động sáng tạo trò chơi, đồ dùng tự làm.

- Khen ngợi, động viên thường xuyên

Năng lực (yêu cầu cần đạt) 18-24 tháng	Hoạt động chơi	Ngân hàng nội dung	Phương pháp hình thức tổ chức
Hứng thú tham gia vận động đơn giản, biết bắt chước, thể hiện vui vẻ, đôi lúc chủ động khi được gợi ý	Hoạt động chơi góc	<ul style="list-style-type: none"> - Góc hoạt động với đồ vật: Trẻ biết xếp hình. Trẻ biết khâu vòng, khâu lá, khâu quả... - Góc bé em: Trẻ chơi bé em, ru em ngủ, xúc cho em ăn, chải tóc, lau mặt, mặc quần áo, tổ chức sinh nhật cho em. - Góc vận động: Đi bước qua vòng, ném vòng, chui qua cổng - Góc bé chơi với hình và màu: Tranh ghép các hình vuông, tròn, chữ nhật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức góc chơi theo hướng mở – đa dạng vận động + Xây dựng các góc có yếu tố vận động: Góc vận động thô (đi, bò, leo thấp, chui) Góc hoạt động với đồ vật (lăn, chuyền, kéo, đẩy) + Bố trí không gian an toàn, có khoảng trống để trẻ di chuyển tự do + Đồ chơi, học liệu đơn giản nhưng kích thích vận động - Hình thức tổ chức linh hoạt + Trẻ chơi cá nhân, theo cặp hoặc nhóm nhỏ (2–3 trẻ) + Trẻ được tự chọn góc, có thể chuyển góc theo hứng thú - Vai trò hỗ trợ của GV: Quan sát, phát hiện nhu cầu và khả năng của từng trẻ; Gợi ý nhẹ nhàng cách chơi, mở rộng vận động
	Hoạt động chơi ngoài trời	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát có chủ đích: Quan sát cây khế, cây bưởi, cây mít, cây mít. - TCVĐ: Cáo và thỏ, chuyền bóng, hái quả, trời nắng trời mưa, ai nhanh hơn - Chơi với đồ chơi mang theo: Chơi với vòng, bóng - Chơi tự do: Chơi cầu trượt, đu quay, xích đu, vòng, phấn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho trẻ vận động trong môi trường tự nhiên theo hướng tự do khám phá kết hợp gợi mở nhẹ nhàng; khuyến khích trẻ đi, bò, cúi, với, nhặt... theo khả năng của mình. - Lồng ghép vận động vào các tình huống gần gũi (nhặt lá, đi tới chỗ đồ chơi, mang đồ vật...), giúp trẻ vận động một cách tự nhiên như đang chơi. - Sử dụng trò chơi đơn giản, quen thuộc; luật chơi linh hoạt, không áp lực, tạo cơ hội cho trẻ được tham gia nhiều lần và không phải chờ đợi lâu. - Tổ chức linh hoạt theo cá nhân – nhóm nhỏ – cả lớp, ưu tiên nhóm nhỏ để tăng cơ

			<p>hội vận động và phù hợp từng trẻ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho trẻ lựa chọn hoạt động, đồ chơi và khu vực chơi, có thể di chuyển giữa các khu vực để duy trì hứng thú. - GV chủ yếu quan sát, bao quát, đảm bảo an toàn, đồng thời gợi ý, hỗ trợ khi cần; tham gia chơi cùng trẻ khi trẻ còn lúng túng.
	<p>Hoạt động chơi chuyển tiếp</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Đi theo hiệu lệnh, + Nhón chân, vỗ tay theo nhịp, + Làm động tác mô phỏng (chim bay, thỏ nhảy...) + Trò chơi dân gian, đồng dao... 	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Tổ chức hoạt động chuyển tiếp bằng các vận động đơn giản, nhịp nhàng, giúp trẻ chuyển trạng thái tự nhiên giữa các hoạt động.</i> - <i>Tổ chức linh hoạt theo cá nhân, nhóm nhỏ hoặc cả lớp, tạo cơ hội cho nhiều trẻ được tham gia.</i> - <i>Lồng ghép yếu tố trò chơi, âm nhạc... để tăng hứng thú và duy trì sự chú ý.</i> - <i>GV quan sát, hỗ trợ nhẹ khi cần, giúp trẻ dần chủ động tham gia vận động.</i>

3.1.2.3. Chế độ sinh hoạt

Chế độ sinh hoạt là cơ hội để trẻ luyện tập tạo thành nề nếp, thói quen vận động và sinh hoạt lành mạnh như thể dục sáng, hoạt động thể dục chống mệt mỏi xen kẽ giữa các hoạt động khác nhau trong ngày, hoạt động trải nghiệm, vận dụng kiến thức, kỹ năng trong các tình huống đa dạng của sinh hoạt hàng ngày.

Giáo dục thể chất cho trẻ nhà trẻ không chỉ diễn ra trong giờ học mà cần được lồng ghép linh hoạt trong mọi hoạt động hằng ngày. Việc tổ chức phù hợp sẽ giúp trẻ phát triển toàn diện cả về thể lực và tinh thần, tạo nền tảng tốt cho các giai đoạn tiếp theo.

- Mục đích phát triển các tố chất vận động cơ bản: đi, chạy, bò, trườn, leo, ném, giữ thăng bằng. Tăng cường sức khỏe, sự nhanh nhẹn, linh hoạt cho trẻ. Hình thành thói quen vận động mọi lúc – mọi nơi. Tạo tâm lý vui vẻ, hứng thú, giảm áp lực học tập.

- Trong hoạt động đón – trả trẻ: Cô tổ chức cho trẻ chơi 1 số trò chơi vận động nhẹ nhàng, hay chơi các đồ chơi lắp ghép, xếp chồng, xâu sỏ...

- Trong hoạt động ăn – ngủ – vệ sinh

- + Trước khi ăn: vận động nhẹ (vỗ tay, giậm chân)

- + Sau khi ngủ dậy: Vươn vai, xoay cổ tay, cổ chân

- + Khi vệ sinh: Rửa tay

- > Giúp hình thành nề nếp và phản xạ vận động.

- Trong hoạt động chiều: Tổ chức trò chơi vận động nhẹ, ôn luyện các kỹ năng đã học (đi, chạy, bò, ném...), kết hợp hoạt động theo nhạc hoặc trò chơi đơn giản nhằm củng cố kỹ năng và tạo hứng thú cho trẻ.

- Trong hoạt động chuyển tiếp: Khi chuyển từ hoạt động này sang hoạt động khác: Đi theo nhạc, nhún nhảy theo hiệu lệnh, bước theo dấu chân.

Ví dụ:

Hoạt động đón, trả trẻ: Chia trẻ thành các nhóm chơi: nhóm thực hiện vận động tình (xâu hạt, xâu vòng...), nhóm tham gia vận động nhẹ (đi theo dấu chân, tung bóng cùng cô...), luân phiên đổi nhóm để tạo hứng thú và phát triển toàn diện.

Hoạt động rước khi ngủ (5–7 phút): Giúp trẻ thư giãn, thả lỏng cơ thể qua các trò chơi

Trò 1: “Gió thổi nhẹ”

- Cách chơi: Trẻ nằm hoặc ngồi trên giường Cô hướng dẫn: Giơ tay lên cao, hạ tay xuống chậm

- *Tác dụng:* Thả lỏng tay, chuẩn bị vào giấc ngủ

Trò 2: “Bé hít thở cùng cô”

- Cách chơi: Hít vào (giơ tay lên), thở ra (hạ tay xuống)

- *Tác dụng:* Ổn định nhịp thở, giúp trẻ dễ ngủ

Sau khi ngủ dậy (3–5 phút): Mục đích: Đánh thức cơ thể nhẹ nhàng

Trò 3: “Vươn vai thức dậy”

- Cách chơi: Trẻ nằm tại chỗ: Vươn tay lên cao, duỗi chân

- *Tác dụng:* Giãn cơ sau khi ngủ

Trò 4: “Xoay cổ tay – cổ chân”

- Cách chơi: Trẻ ngồi dậy: Xoay cổ tay, xoay cổ chân

- *Tác dụng:* Làm nóng cơ thể

Trò 5: “Giậm chân tỉnh ngủ”

- Cách chơi: Trẻ đứng cạnh chỗ ngủ, giậm chân nhẹ

- *Tác dụng:* Tạo sự tỉnh táo

Năng lực (yêu cầu cần đạt) 18-24 tháng	Hoạt động	Ngân hàng nội dung	Phương pháp hình thức tổ chức
Tham gia vận động khi có thay đổi (địa điểm, hoạt động, bạn chơi) với hỗ trợ nhẹ.	Hoạt động thể dục sáng	* Tập các động tác thể dục theo nhạc: Các động tác phát triển chung: hít thở tay, chân, bụng, bật..... - Tập dân vũ: Pikachu, Baby shask, chicken dace, tôi yêu Việt Nam, rửa tay,... - Hời tĩnh: đi theo nhạc, chơi trò chơi vận động nhẹ...	- Làm mẫu kết hợp dẫn dắt bằng lời ngắn gọn GV thực hiện động tác rõ ràng, chậm rãi theo nhạc, kết hợp lời nói ngắn: “Giơ tay lên nào”, “Cùng nhún chân nhé”... - Sử dụng âm nhạc làm trung tâm: Chọn nhạc vui tươi, nhịp rõ ràng, quen thuộc - Lập lại có nhịp điệu: Mỗi động tác lặp lại đúng số lần nhưng linh hoạt theo hứng thú trẻ - Khuyến khích, động viên trẻ vận động tích cực

			<i>(Tham gia vận động khi có thay đổi (địa điểm, hoạt động, bạn chơi) với hỗ trợ nhẹ)</i>
Duy trì tương đối nề nếp ăn, ngủ, vệ sinh khi đổi môi trường, cần hỗ trợ nhẹ.	Ăn ngủ vệ sinh	- Ăn: Ngồi ghế, cầm thìa, giữ bát, cố yếm, uống nước... - Ngủ: Trẻ lấy gối, về đúng vị trí ngủ....	- Rèn luyện qua sinh hoạt hằng ngày, lặp lại thường xuyên - Tổ chức theo quy trình cố định (ăn – ngủ – vệ sinh) - Hướng dẫn trực tiếp, làm mẫu kết hợp nhắc nhở nhẹ nhàng - Tạo môi trường ổn định, quen thuộc - Trấn an, hỗ trợ cá nhân khi trẻ chưa thích nghi

- *Qua thực hiện các bài tập, nhiệm vụ: để trẻ ôn luyện, mở rộng kiến thức, kỹ năng. Các hoạt động kích thích, cuốn hút trẻ với các yêu cầu thách thức tăng dần. – Chiều, trải nghiệm*

Năng lực (yêu cầu cần đạt) 18-24 tháng	Hoạt động	Ngân hàng nội dung	Phương pháp hình thức tổ chức
Tham gia vận động khi có thay đổi (Địa điểm, hoạt động, bạn chơi) với hỗ trợ nhẹ	Hoạt động chiều	Các bài tập, nhiệm vụ vận động tạo hứng thú của trẻ: + Nhiệm vụ “Ai nhanh hơn”: Trẻ thi đua chuyển đồ vật (bóng, túi cát) về đúng vị trí. + Bài tập “Bắt chước động tác”: Giơ tay, vỗ tay, cúi người theo cô, lắc hông... + Nhiệm vụ “Ném bóng vào rổ gần”: Khoảng cách ngắn, bóng nhẹ...	- Tổ chức hoạt động linh hoạt trong lớp, ngoài trời, thay đổi nhóm (Thay đổi địa điểm hoạt động) - Dạy qua trò chơi vận động và tình huống trải nghiệm - Làm mẫu – gợi ý – hỗ trợ khi chuyển hoạt động - Cho trẻ trải nghiệm lặp lại trong nhiều bối cảnh khác nhau (Thay đổi bạn cùng chơi) - Khuyến khích bằng lời nói, động viên trực tiếp

	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm: Nhặt lá cây, Chơi với cát, sỏi, Tưới cây cùng cô, Chuyển sỏi bằng thìa,	- Tạo tình huống: GV đưa ra tình huống gần gũi, kích thích trẻ. - Cho trẻ trực tiếp trải nghiệm (Ngoài sân trường thay đổi địa điểm hoạt động): Trẻ được làm thật, chơi thật, thử nghiệm thật, GV chỉ đóng vai trò hướng dẫn, gợi mở.
--	-----------------------	---	--

Hoạt động 3.1.(2) (0,5 tiết thực hành)

HV thảo luận và thực hiện nhiệm vụ theo nhóm:

- Nhiệm vụ: Thực hành tổ chức các hoạt động phát triển thể chất theo tiếp cận năng lực cho trẻ nhà trẻ theo hình thức:

- + Hoạt động học
- + Hoạt động chơi
- + Hoạt động khác

Chọn 1 chủ đề, thực hành tổ chức 1 số hoạt động để đáp ứng các mục tiêu năng lực; Lập bảng chỉ rõ các hoạt động đáp ứng các năng lực cụ thể ở lĩnh vực phát triển này.

- Các nhóm trình bày

Hoạt động 3.2.(1) (0,5 tiết lí thuyết)

Học viên thảo luận trong nhóm:

Thầy/cô cho biết: Thầy cô thực hiện giáo dục phát triển tình cảm xã hội cho trẻ nhà trẻ qua những hình thức nào? Cách thức lựa chọn hoạt động giáo dục năng lực tình cảm xã hội cho trẻ nhà trẻ?

THÔNG TIN PHẢN HỒI

3.2. Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển năng lực tình cảm xã hội cho trẻ nhà trẻ

3.2. Giáo dục phát triển tình cảm xã hội cho trẻ nhà trẻ

3.2.1. Các năng lực tình cảm-xã hội của trẻ nhà trẻ

Giáo dục tình cảm-xã hội hướng vào hình thành năng lực cho trẻ nhà trẻ về nhận biết và quản lý bản thân; nhận biết các mối quan hệ xã hội; trách nhiệm với con người mà mối quan hệ xung quanh trẻ.

Căn cứ vào yêu cầu cần đạt cuối độ tuổi nhà trẻ về tình cảm - xã hội, giáo viên xác định xác định mục tiêu giáo dục và yêu cầu cần đạt phù hợp với đặc điểm trẻ em ở từng tuổi ở nhóm/lớp và định hướng giáo dục của nhóm/lớp mình (về cơ bản là chung cho cả khối và có sự kiểm tra phê duyệt của Ban giám hiệu) → Giáo viên xác định nội dung giáo dục và lựa chọn cách thức tổ chức, phương tiện dạy và học (Thuộc quyền của giáo viên, Ban giám hiệu kiểm tra, tư vấn không áp đặt).

Bảng ...: Ví dụ minh họa xác định năng lực (Yêu cầu cần đạt) của từng độ tuổi

nhà trẻ

Năng lực cốt lõi	Yêu cầu cần đạt chung	Yêu cầu cần đạt			
		3–12 tháng	12 –18 tháng	18-24 tháng	
1. Nhận biết và quản lý bản thân	TX1. Nhận biết về bản thân	1. Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh khi được hỏi	Biết chú ý và phản ứng khi nhìn thấy hình ảnh hoặc bóng của chính mình trong gương, ảnh.	Chỉ vào bản thân trong gương hoặc trong ảnh khi được hỏi	Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh khi được hỏi
		2. Thể hiện nhu cầu bản thân bằng cử chỉ, hành động, lời nói	Biết bày tỏ nhu cầu bằng cử chỉ hoặc hành động đơn giản (ví dụ: chỉ tay, khóc, đưa tay ra, phát âm đơn giản).”	Biết diễn đạt nhu cầu bằng lời nói đơn giản kết hợp với cử chỉ hoặc hành động.	Thể hiện nhu cầu bản thân bằng cử chỉ, hành động, lời nói
		3. Thể hiện điều bản thân thích, không thích thông qua hành vi lời nói	Biết bày tỏ sự thích hoặc không thích bằng hành vi và phản ứng cảm xúc (ví dụ: cười, vỗ tay, vớ lấy đồ vật khi thích; quay mặt đi, khóc, đẩy ra khi không thích)	Biết diễn đạt sự thích hoặc không thích bằng lời nói đơn giản kết hợp với hành vi.”	Thể hiện điều bản thân thích, không thích thông qua hành vi lời nói
	TX2. Quản lý bản thân	...			
		...			

Khi tổ chức các hoạt động **giáo dục tình cảm – xã hội cho trẻ em nhà trẻ theo hướng phát triển năng lực**, cần chú ý một số điểm sau:

* *Nguyên tắc chung*

- Phù hợp với đặc điểm phát triển lứa tuổi: Trẻ nhà trẻ đang hình thành ý thức bản thân, cảm xúc và kỹ năng giao tiếp cơ bản, nên hoạt động phải đơn giản, gần gũi, dễ hiểu.
- Lấy trẻ làm trung tâm: Hoạt động cần xuất phát từ nhu cầu, hứng thú của trẻ, khuyến khích trẻ tự trải nghiệm và thể hiện.
- Tích hợp tự nhiên: Giáo dục tình cảm – xã hội nên gắn với các hoạt động thường ngày (ăn, ngủ, chơi, giao tiếp) thay vì tách biệt.

*** Một số lưu ý**

- Khuyến khích trẻ nhận biết và bày tỏ cảm xúc: Tạo cơ hội để trẻ thể hiện vui, buồn, thích, không thích bằng lời nói, hành động, nét mặt.
- Xây dựng kỹ năng giao tiếp xã hội cơ bản: Dạy trẻ biết chào hỏi, chia sẻ đồ chơi, chờ đến lượt, hợp tác trong trò chơi.
- Phát triển ý thức bản thân: Giúp trẻ nhận ra mình trong gương, biết gọi tên bản thân, biết nói “con muốn” hoặc “con không thích”.
- Tạo môi trường an toàn, thân thiện

3.2.1. Các hình thức tổ chức phát triển tình cảm xã hội cho trẻ nhà trẻ

a) Hoạt động học

Hoạt động học ở trẻ nhà trẻ (12–36 tháng) không phải là những bài học có cấu trúc chặt chẽ, mà là những trải nghiệm, tình huống chơi – khám phá được giáo viên tổ chức nhằm giúp trẻ hình thành những năng lực ban đầu. Trẻ học thông qua chơi, bắt chước, trải nghiệm cảm giác, vận động, giao tiếp với người lớn và bạn bè. Mục tiêu chính là phát triển năng lực về tình cảm – xã hội chứ không đặt nặng kiến thức.

Đặc điểm hoạt động học nhằm phát triển năng lực tình cảm - xã hội cho trẻ nhà trẻ

- Ngắn gọn, linh hoạt: thời gian tập trung của trẻ còn hạn chế, nên hoạt động thường chỉ kéo dài vài phút.
- Gắn với nhu cầu tự nhiên: ăn, ngủ, chơi, vận động, giao tiếp.
- Mang tính trải nghiệm: trẻ được chạm, thử, quan sát, nghe, nhìn để hình thành cảm xúc và kỹ năng.
- Có sự hỗ trợ của người lớn: giáo viên là người tạo tình huống, gợi mở, khuyến khích trẻ bày tỏ cảm xúc và tương tác.

Ví dụ với trẻ 12 tháng tuổi

- Mục tiêu năng lực: Nhận biết và bày tỏ cảm xúc cơ bản (vui, buồn, thích, không thích).

- Cách tổ chức:

- + Cho trẻ soi gương, quan sát phản ứng của mình Tạo tình huống đơn giản: đưa đồ chơi để trẻ chọn, quan sát cách trẻ thể hiện thích/không thích.
- + Giáo viên đưa hai món đồ chơi, trẻ với lấy một món → thể hiện sự thích. Khi nghe tiếng nhạc, trẻ cười, vỗ tay → biểu hiện cảm xúc tích cực.

Ví dụ: Trẻ 24 tháng tuổi

- **Mục tiêu năng lực:** Biết diễn đạt nhu cầu và cảm xúc bằng lời nói đơn giản kết hợp hành vi.

- **Cách tổ chức:**

- + Trò chơi “Con muốn gì?”: giáo viên hỏi, trẻ trả lời bằng từ ngữ đơn giản (“ăn”, “uống”, “không”).
- + Hoạt động nhóm nhỏ: chia sẻ đồ chơi, hướng dẫn trẻ nói “cho con mượn” thay vì giành giật.

Ví dụ: Trẻ 36 tháng tuổi

- **Mục tiêu năng lực:** Biết thể hiện cảm xúc, nhu cầu và biết điều chỉnh hành vi trong giao tiếp xã hội.

- **Cách tổ chức:**

- + Trò chơi đóng vai: trẻ giả làm bác sĩ, mẹ, bạn bè để học cách giao tiếp, chia sẻ.
- + Hoạt động nhóm: cùng nhau xây tháp khối, trẻ phải chờ đến lượt, hợp tác.

b) Hoạt động chơi

*** Nguyên tắc chung**

- Đảm bảo an toàn: đồ chơi không sắc nhọn, kích thước phù hợp, không gây hóc.
- Tạo môi trường mở: cho trẻ tự do lựa chọn, khuyến khích khám phá.
- Phát triển năng lực toàn diện: kết hợp vận động, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm-xã hội.
- Linh hoạt theo cá nhân: mỗi trẻ có tốc độ phát triển khác nhau, cần điều chỉnh mức độ khó.

*** Hoạt động chơi gợi ý**

**1. Đối với trẻ em 12-24 tháng*

- Chơi vận động đơn giản: bò qua chướng ngại vật mềm, kéo xe, đẩy đồ chơi có bánh xe → phát triển vận động thô.
- Chơi với khối gỗ, hộp: xếp chồng, thả vào hộp → rèn sự phối hợp tay-mắt, tư duy nguyên nhân-kết quả.
- Chơi âm nhạc: lắc xúc xắc, gõ trống nhỏ, nghe nhạc → phát triển thính giác, cảm xúc.
- Chơi giả vờ đơn giản: cho búp bê ăn, ôm thú bông → hình thành biểu tượng ban đầu về thế giới xung quanh.
- Chơi ngoài trời: quan sát cây, chim, xe cộ → mở rộng nhận thức, vốn từ.

**2. Đối với trẻ em 24-36 tháng*

- Chơi vận động phối hợp: chạy theo bóng, nhảy tại chỗ, trò chơi “kéo co mini” → tăng sức mạnh, sự phối hợp.
- Chơi xây dựng: xếp hình, lắp ghép khối lớn → phát triển tư duy không gian, sáng tạo.
- Chơi đóng vai: “bác sĩ khám bệnh”, “nấu ăn”, “lái xe” → phát triển ngôn ngữ, kỹ năng xã hội, trí tưởng tượng.
- Chơi nhóm: trò chơi vòng tròn, chuyền bóng → học hợp tác, chờ lượt, giao tiếp.
- Chơi nghệ thuật: vẽ bằng bút màu, nặn đất sét, dán giấy → phát triển thẩm mỹ, sự khéo léo.

c) Hoạt động trong chế độ sinh hoạt hằng ngày

** Nguyên tắc chung khi tổ chức chế độ sinh hoạt nhằm hình thành năng lực tình cảm - xã hội cho trẻ em nhà trẻ*

- Phù hợp với đặc điểm phát triển lứa tuổi: Trẻ nhà trẻ (12-36 tháng) học qua trải nghiệm hằng ngày, nên chế độ sinh hoạt phải đơn giản, gần gũi.
- Lấy trẻ làm trung tâm: Tôn trọng nhu cầu, cảm xúc của trẻ, tạo cơ hội để trẻ tự bày tỏ và tương tác.
- Tích hợp tự nhiên: Giáo dục tình cảm - xã hội gắn liền với ăn, ngủ, chơi, giao tiếp, không tách rời thành “giờ học” cứng nhắc.
- Ổn định và linh hoạt: Có khung thời gian rõ ràng nhưng vẫn linh hoạt để đáp ứng nhu cầu cá nhân của trẻ.

** Cách tổ chức chế độ trong hoạt*

- Trong giờ ăn: Khuyến khích trẻ tự xúc ăn, biết chờ đến lượt, nói “xin” khi muốn thêm thức ăn.
- Trong giờ ngủ: Tạo môi trường yên tĩnh, giúp trẻ biết tự trấn an bằng ôm gấu bông, nghe nhạc nhẹ.
- Trong giờ chơi: Tổ chức trò chơi nhóm nhỏ để trẻ học chia sẻ, hợp tác, chờ đợi.
- Trong giao tiếp hằng ngày: Giáo viên trò chuyện, gọi tên trẻ, khuyến khích trẻ nói “con muốn”, “không thích”, “cảm ơn”.

Ví dụ

- + 12 tháng: Trong giờ ăn, trẻ khóc khi muốn thêm thức ăn. Giáo viên đưa thìa và nói “con muốn ăn nữa à?”, giúp trẻ dần biết bày tỏ nhu cầu bằng hành động và âm thanh.
 - + 24 tháng: Trong giờ chơi, trẻ nói “cho con mượn” khi muốn lấy đồ chơi từ bạn, thay vì giành giật.
 - + 36 tháng: Trong hoạt động nhóm xây tháp khối, trẻ biết chờ đến lượt, nói “đến lượt con rồi” và hợp tác cùng bạn.
- * Các lưu ý khi tổ chức chế độ sinh hoạt theo hướng hình thành năng lực*
- Quan sát và phản hồi tích cực: Khen ngợi khi trẻ biết chia sẻ, chờ đợi, bày tỏ cảm xúc đúng cách.
 - Không áp đặt: Tôn trọng sự khác biệt, không ép trẻ phải biểu hiện giống nhau.
 - Làm gương: Người lớn cần mẫu mực trong giao tiếp, ứng xử để trẻ bắt chước.
 - Cá nhân hóa: Điều chỉnh chế độ sinh hoạt phù hợp với từng trẻ (ví dụ: trẻ nhút nhát cần khích lệ nhiều hơn).

Hoạt động 3.2.(2) (0,5 tiết thực hành)

HV thảo luận và thực hiện nhiệm vụ theo nhóm:

- Nhiệm vụ: Thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển tình cảm xã hội theo tiếp cận năng lực cho trẻ nhà trẻ theo hình thức:

- + Hoạt động học
- + Hoạt động chơi
- + Hoạt động khác

Chọn 1 chủ đề, thực hành tổ chức 1 số hoạt động để đáp ứng các mục tiêu năng lực; Lập bảng chỉ rõ các hoạt động đáp ứng các năng lực cụ thể ở lĩnh vực phát triển này.

- Các nhóm trình bày

Hoạt động 3.3.(1) (0,5 tiết lí thuyết)

Học viên thảo luận trong nhóm:

Thầy/cô cho biết: Thầy cô thực hiện giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ nhà trẻ qua những hình thức nào? Cách thức lựa chọn hoạt động giáo dục năng lực ngôn ngữ cho trẻ nhà trẻ?

THÔNG TIN PHẢN HỒI

3.3. Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển năng lực ngôn ngữ cho trẻ nhà trẻ

3.3.1. Các năng lực ngôn ngữ ở trẻ nhà trẻ

Việc hình thành các năng lực ngôn ngữ ở trẻ nhà trẻ (12-36 tháng) diễn ra tự nhiên qua tương tác lặp lại với môi trường giàu ngôn ngữ, bắt chước người lớn và trải nghiệm giác quan, giúp trẻ từ phát âm vô nghĩa chuyển sang sử dụng từ linh hoạt. Tiếp cận năng lực nhân mạnh phát triển toàn diện (nghe-nói-giao tiếp) thông qua chơi và sinh hoạt hàng ngày để trẻ tự hình thành năng lực ngôn ngữ một cách tự nhiên.

Năng lực sử dụng ngôn ngữ của trẻ hình thành qua cơ chế nghe mô hình ngôn ngữ từ người lớn (lặp từ đơn giản, cử chỉ rõ ràng), trẻ bắt chước và áp dụng trong ngữ cảnh các hoạt động quen thuộc hàng ngày.

Ở giai đoạn nhà trẻ, trẻ nói được 10-50 từ đơn (mẹ, sữa, đi...), ghép 2 từ cơ bản ("mẹ ơi"), dùng cử chỉ hỗ trợ giao tiếp nhu cầu hàng ngày như chỉ và nói "uống" khi chỉ vào

ly/chén. Trẻ chỉ tranh và nói " gà", " cá" khi cô hỏi, thể hiện khả năng nghe hiểu và diễn đạt ý muốn.

Ở giai đoạn nhà trẻ, trẻ nói được 10-50 từ đơn (mẹ, sữa), ghép 2 từ cơ bản ("mẹ ơi"), dùng cử chỉ hỗ trợ giao tiếp nhu cầu hàng ngày như chỉ và nói " uống" khi chỉ vào chén. Trẻ chỉ tranh và nói " gà", " cá" khi cô hỏi, thể hiện khả năng nghe hiểu và diễn đạt ý muốn.

Trò chuyện và lắng nghe đề cập đến việc trẻ hiểu và sử dụng ngôn ngữ thông qua nghe, nói và tiếp thu từ mới. Một số kỹ năng liên quan gồm:

- Hiểu các câu chuyện.
- Biết các từ.
- Phản hồi khi người khác nói với mình.
- Làm theo hướng dẫn.
- Kể chuyện.

Trò chuyện và lắng nghe rất quan trọng, liên quan đến nhiều kiến thức và kỹ năng khác nhau của trẻ, là phương tiện để trẻ có thể nhận thức, tìm hiểu thế giới xung quanh cũng như giao tiếp với người khác.

Năng lực sử dụng ngôn ngữ sáng tạo ở trẻ 2 tuổi thể hiện qua việc trẻ tự do kết hợp từ vựng đã nghe để diễn đạt ý tưởng cá nhân, vượt qua lặp lại máy móc, phản ánh trí tưởng tượng đang phát triển và thông qua các hoạt động diễn đạt bằng lời nói về các nhân vật trong truyện, thơ. Đọc thơ, kể chuyện diễn cảm theo cách của riêng trẻ.

Hiểu ngữ nghĩa/ý nghĩa của ngôn ngữ là cách trẻ học được ý nghĩa của các kí hiệu và hình thành từ vựng. Trẻ phải biết các từ riêng lẻ có nghĩa là gì để hiểu những gì được nói. Do đó, khi nói với trẻ, cần luôn luôn gắn với đồ vật, sự vật, tình huống cụ thể.

Đối với trẻ nhà trẻ các hoạt động giúp trẻ hiểu về chữ viết bằng cách trẻ hiểu chữ viết dùng để thể hiện lời nói, suy nghĩ thông qua được nghe đọc sách, đọc truyện mà trẻ yêu thích. Sau khi được nghe đọc, trẻ được khuyến khích nói về câu chuyện đã được nghe và thể hiện suy nghĩ, cảm xúc về một (một vài) nội dung trong sách bằng vẽ tranh, viết nguệch ngoạc (chữ viết theo cách của trẻ nhỏ);

Đối với trẻ nhà trẻ các hoạt động giúp trẻ hiểu

3.3.2. Các hình thức giáo dục phát triển năng lực ngôn ngữ ở trẻ nhà trẻ

3.3.2.1. Hoạt động học

* **Đọc thơ:**

Đọc thơ là hoạt động cốt lõi giúp trẻ nhà trẻ (24-36 tháng) phát triển ngôn ngữ tự nhiên, và các hoạt động bổ trợ sẽ tăng hiệu quả bằng cách kết hợp đa giác quan, vận động cùng giáo dục tình cảm xã hội.

Đọc thơ mang lại lợi ích cụ thể và rõ rệt cho phát triển ngôn ngữ ở trẻ 24-36 tháng, giai đoạn trẻ đang học nói câu ngắn và mở rộng vốn từ, giúp hình thành kỹ năng nghe-nói tự nhiên qua nhịp điệu vui tươi.

Khi tiếp xúc và được nghe, đọc thơ ca, trẻ sẽ có những hứng thú ban đầu chính là nhịp điệu. Nhịp điệu, sự lặp lại và vần điệu giúp phát triển các kỹ năng nhận thức âm vị học, giúp trẻ dễ lặp lại, dễ bắt chước và đọc theo. Nhờ đó, tạo cho trẻ cảm giác thích thú với việc tập nói, là bước đi đầu tiên cho quá trình phát triển ngôn ngữ của trẻ.

Đọc sách/ truyện tranh và kể chuyện đóng vai trò quan trọng trong việc dạy trẻ nhà trẻ tập nói. Khi tiếp xúc với ngôn ngữ qua sách truyện, trẻ sẽ học cách phát âm, mở rộng vốn từ vựng và hiểu cách sử dụng từ ngữ trong các tình huống khác nhau.

GV cần đọc to, rõ ràng để trẻ dễ nghe và hiểu nội dung câu chuyện; sử dụng giọng điệu khác nhau cho từng nhân vật để giúp trẻ phân biệt, sử dụng biểu cảm khuôn mặt và

cử chỉ tay để thu hút sự chú ý của trẻ. GV cũng cần khuyến khích trẻ tương tác qua hỏi trẻ những câu hỏi về nội dung câu chuyện, hình ảnh nhân vật để khuyến khích trẻ suy nghĩ và tham gia vào việc đọc. Sau khi đọc truyện, GV cũng trẻ chơi, vận động các trò chơi liên quan đến nội dung câu chuyện để giúp trẻ ghi nhớ và hiểu bài học.

Hướng dẫn trẻ làm quen với đọc, viết thông qua các hoạt động trải nghiệm với sách thông qua việc:

GV đọc to cho trẻ nghe: Đọc to là phương pháp phổ biến nhất được sử dụng khi GV đọc sách cho cả nhóm trẻ nghe. Đọc to giúp trẻ có thái độ tích cực về việc đọc, hiểu chức năng, khái niệm, quy tắc của chữ viết, phát triển vốn từ, tăng hứng thú của trẻ đối với sách.

GV khuyến khích trẻ tự đọc sách hay đọc cùng nhau: Trẻ tự lựa chọn sách mà trẻ thích để đọc mà không có sự can thiệp của cô hay bạn bè. GV cần gia tăng hứng thú và động cơ đọc của trẻ để trẻ thực hiện hành động này một cách thường xuyên.

Hướng dẫn trẻ hiểu ý nghĩa của chữ viết: trẻ hiểu chữ viết dùng để thể hiện lời nói, suy nghĩ thông qua:

+ Được nghe đọc sách, đọc truyện mà trẻ yêu thích. Sau khi được nghe đọc, trẻ được khuyến khích nói về câu chuyện đã được nghe và thể hiện suy nghĩ, cảm xúc về một (một vài) nội dung trong sách bằng vẽ tranh, viết nguệch ngoạc (chữ viết theo cách của trẻ nhỏ);

+ Trẻ cắt, sưu tầm hình ảnh về một chủ đề nào đó rồi làm album ảnh hoặc vẽ tranh về một nội dung/vấn đề nào trẻ thích sau đó trẻ kể truyện theo nội dung album hoặc bức tranh, cô giáo giúp viết lại nội dung trẻ kể.

+ Trẻ cũng cả nhóm vẽ/in/tô theo bức tranh thể hiện một phần trong một chuỗi sự việc, sau đó sắp xếp theo trình tự rồi kể lại nội dung sự việc thành câu chuyện bằng các bức tranh đã vẽ, cô giáo giúp trẻ ghi chép và đọc lại cho trẻ nghe.

3.3.2.2. Hoạt động chơi (Hướng dẫn trẻ nhà trẻ phát triển ngôn ngữ qua chơi và hoạt động trải nghiệm)

Hướng dẫn trẻ nhà trẻ nghe hiểu lời nói qua chơi và hoạt động trải nghiệm:

Mở rộng cơ hội cho trẻ được nói chuyện với người lớn và bạn bè, hỏi và trả lời câu hỏi, xây dựng kỹ năng nói cho trẻ là rất quan trọng, nó không chỉ giúp trẻ tự tin mà còn giúp mở rộng vốn từ và hình thành thói quen lắng nghe.

Người lớn cần khuyến khích trẻ trong các hoạt động, trò chơi thói quen để phát triển sự gần gũi và kỹ năng giao tiếp cơ bản.

Trong những năm đầu của cuộc đời, trẻ bị thu hút trong hoạt động chơi mang tính cảm nhận – vận động. Hoạt động chơi mang tính khám phá là nền tảng của việc hiểu ý nghĩa của các từ trong tương lai và sự nắm bắt vốn từ vựng phong phú. Trẻ nhà trẻ cần khám phá môi trường sống với sự giúp đỡ và khuyến khích hơn từ mọi người để có thể sử dụng ngôn ngữ hiệu quả.

Hoạt động trải nghiệm khám phá đa giác quan:

GV tổ chức nhóm nhỏ 4-6 trẻ, chuẩn bị vật liệu an toàn (không dễ nuốt. Nhỏ quá), thời lượng 10-15 phút/buổi sáng. Sử dụng trò chơi như "Chiếc hộp bí mật" (sờ vật bằng tay), "Truy tìm kho báu màu" (phân loại màu sắc), "Nhạc trưởng nhí" (phân biệt âm thanh từ thìa, chìa khóa). Quan sát trẻ, mô tả cảm nhận ("Mềm mại phải không con?"), lặp lại để củng cố, tích hợp vào hoạt động hàng ngày như ăn uống, vệ sinh. Các hoạt động kích thích giác quan hỗ trợ trẻ tăng vốn từ vựng, phát âm rõ hơn nhờ mô tả cảm nhận ("Mềm mại!", "Ngọt quá!"), đồng thời cải thiện kỹ năng nghe, nói qua lặp lại âm thanh và từ ngữ trong trò chơi. Điều này đặc biệt hữu ích cho trẻ nhà trẻ, giúp trẻ diễn đạt nhu cầu cơ bản tốt hơn

Tổ chức các trò chơi ngôn ngữ cho trẻ nhà trẻ:

Trò chơi nói vuốt đuôi giúp trẻ phát triển khả năng bắt chước ngôn ngữ bằng cách khuyến khích trẻ hoàn thành câu hoặc từ còn thiếu. Người lớn có thể đọc một bài thơ, câu hát quen thuộc và dừng lại ở từ cuối cùng, khuyến khích bé tự hoàn thành. Ví dụ: “Một con vịt xòe ra hai cái ...?” và chờ trẻ điền từ “cánh”. Cách chơi này giúp trẻ hình thành thói quen lắng nghe, ghi nhớ và tăng cường phản xạ ngôn ngữ.

Âm nhạc là công cụ tuyệt vời giúp trẻ nhà trẻ phát triển ngôn ngữ một cách tự nhiên. Những bài hát có giai điệu vui nhộn và câu từ lặp lại sẽ giúp trẻ ghi nhớ và bắt chước nhanh hơn.

Hướng dẫn trẻ nhà trẻ sẵn sàng với đọc qua chơi và hoạt động trải nghiệm:

Hướng dẫn trẻ trải nghiệm với sách:

Mỗi đứa trẻ đều hào hứng, vui thích với việc đọc từ nhỏ, nhiều khả năng trẻ đó sẽ vẫn cảm nhận như vậy về việc đọc trong suốt cuộc đời. Có thể phát triển kỹ năng đọc viết cho trẻ mầm non theo nhiều cách khác nhau thông qua tương tác với ngôn ngữ, sách và các tài liệu in, cả ở trường và ở gia đình. Để phát triển những kỹ năng đọc viết cho trẻ nhà trẻ, cần tạo ra môi trường giáo dục ngay từ sớm với các yếu tố quan trọng như sau:

+ Cho trẻ tiếp xúc sớm với sách và tài liệu in: việc đọc cùng với trẻ là hoạt động quan trọng nhất để hình thành những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho việc đọc thành công sau này.

+ Cơ hội nhìn thấy và tương tác với chữ cái: cho dù đó là bảng chữ cái trên lớp, trong các quyển sách ở nhà, trên nhãn hiệu thức ăn tại siêu thị, việc trẻ được tiếp xúc với chữ cái sẽ tạo ra khác biệt lớn đối với trẻ và quyết định việc trẻ có thể đọc nhanh và tốt như thế nào khi được hướng dẫn tại trường.

+ *Trải nghiệm với khổ lớn:* Cách tiếp cận sách khổ lớn là phương pháp hướng dẫn đọc, viết có hiệu quả tích cực đối với trẻ, giúp trẻ, đọc sách vừa có tác dụng làm phong phú khả năng ngôn ngữ, khả năng liên tưởng, khả năng biểu đạt cảm xúc... vừa còn có thể bồi dưỡng và vun đắp tâm hồn cho trẻ. Trẻ thấy được sự lặp lại và khác lạ trong hình minh họa và lời, chính điều này giúp trẻ hiểu được ý nghĩa của việc đọc, chữ viết như: Trẻ hiểu được đặc trưng cơ bản của sách và ấn phẩm. Thời gian cho trẻ hoạt động với sách có thể kéo dài trong 1 tuần được tích hợp trong chế độ sinh hoạt của trẻ.

Trẻ hoạt động với sách vải dính: Một cuốn sách có thể không có chữ nhưng vẫn giúp trẻ nhà trẻ hiểu được nhiều điều, giúp con nhận biết màu sắc, sự vật,... đồng thời có thể tư duy khi "chơi" với sách và rèn luyện sự khéo léo. Sách không làm từ giấy mà là từ... vải dạ sẽ mang đến cho bé trải nghiệm mới, là một loại sách như vậy. Những hoạt động của trẻ trên cuốn sách vải dính là những hoạt động có giá trị. Các bộ tranh rời này giúp trẻ cải thiện kỹ năng nghe, tăng vốn từ vựng và phát triển các khái niệm.

Hướng dẫn trẻ đọc, viết một cách tự do thông qua vui chơi:

+ Trò chơi sắm vai: Tích hợp trò chơi sắm vai với hoạt động đọc, viết của trẻ là một trong những phương pháp hướng dẫn đọc, viết hiệu quả.

+ Hoạt động chơi sắm vai Cửa hàng

Tích hợp ngẫu nhiên: GV không lập kế hoạch trước mà trong quá trình chơi, khi có cơ hội xảy ra ngẫu nhiên, cô sẽ tích hợp trò chơi sắm vai với hoạt động đọc, viết. Ví dụ: Trong trò chơi búp bê, khi trẻ định cho búp bê ngủ, cô có thể đề nghị trẻ hãy đọc sách cho búp bê nghe.

Tích hợp do trẻ khởi xướng: Trẻ tích hợp đọc, viết một cách tự phát ở trò chơi của mình. Ví dụ: Khi trẻ đang chơi trò chơi Cửa hàng sinh tố, trẻ vừa chơi vừa đọc chữ dán ở chai sinh tố.

+ Trò chơi với chữ

Trò chơi với chữ rất đa dạng, bao gồm: trò chơi xếp hình chữ, lắp ráp các khối ráp hình có in chữ, đóng dấu chữ, nặn chữ viết bằng bột mì, cho trẻ nhúng ngón tay vào màu nước rồi viết chữ, làm sách bằng cách cắt dán chữ trong tạp chí, họa báo, tìm từ có chứa chữ cái, câu cá chữ... Thông qua các trò chơi này, trẻ phát triển khả năng nhận thức âm vần, biết tách và ghép âm. Ngoài ra, thông qua trò chơi âm nhạc, đồng dao, đọc thơ theo nhóm, trẻ có thể hiểu mối quan hệ giữa âm thanh và chữ viết, từ đó, phát triển năng lực đọc ở trẻ.

2.3.3.3. Hoạt động khác

Trong sinh hoạt hàng ngày:

Hoạt động phát triển ngôn ngữ trong sinh hoạt hàng ngày cho trẻ nhà trẻ nên được lồng ghép tự nhiên vào sinh hoạt thường nhật để củng cố năng lực nghe, nói mà không tạo áp lực. Những hoạt động này kéo dài 5-10 phút mỗi lần, tập trung tương tác vui vẻ, lặp lại từ đơn giản và khuyến khích trẻ bắt chước.

Một trong những cách quan trọng để giúp trẻ nhà trẻ tuổi tập nói là tạo ra một môi trường giao tiếp giàu tương tác. GV cần trò chuyện với trẻ mọi lúc, mọi nơi: trong khi ăn, thay tã, tắm, đi dạo... Mô tả những gì người lớn đang làm để giúp trẻ liên kết từ ngữ với hành động, ví dụ: "Cô đang lấy bút màu cho con nhé!". Đặt câu hỏi đơn giản như "Con thích bút dạ hay hay sáp màu?" để khuyến khích trẻ phản hồi. Hoặc hướng dẫn bằng lời qua các tình huống như: "Rửa tay sạch nào, xà phòng thơm!" kết hợp cầm tay trẻ xoa bọt. GV hỏi trẻ "Tay sạch chưa con?" và chờ trẻ gật đầu hoặc nói "Sạch!". Dùng cử chỉ vui/vỗ tay để trẻ liên kết từ với hành động trong sinh hoạt hàng ngày. Khi dạo chơi cô cho trẻ đi bộ và đếm: "Một bước, hai bước..." kết hợp hát ngắn để trẻ nói số từ. Khi quan sát thời tiết, cô nói: "Mưa rơi tí tách" và vỗ tay theo nhịp, giúp trẻ cảm nhận âm thanh ngôn ngữ...

Ngay cả khi trẻ chưa thể trả lời trọn vẹn, việc tiếp xúc thường xuyên với ngôn ngữ sẽ giúp trẻ làm quen với âm thanh và cách diễn đạt, từ đó kích thích khả năng nói.

Hoạt động góc là hình thức chơi tự do giúp trẻ nhà trẻ (24-36 tháng) ôn tập và bổ trợ phát triển ngôn ngữ qua thơ một cách tự nhiên, kết hợp đa giác quan và tình cảm xã hội, khuyến khích trẻ tương tác nhóm.

Hướng dẫn trẻ hiểu ý nghĩa của chữ viết trong sinh hoạt hàng ngày. GV cần hướng dẫn trẻ đọc bằng cách cho trẻ tiếp xúc với môi trường chữ viết phong phú xung quanh trẻ. Từ đó, trẻ có thể hiểu mối quan hệ giữa chữ viết với sinh hoạt hàng ngày (bảng biểu, tên đồ vật, đồ dùng, đồ chơi, con vật quen thuộc...).

Trong các hoạt động tạo hình, âm nhạc :

Phát triển khả năng phối hợp mắt – tay và phát triển vận động tinh khéo của bàn tay ngón tay: thông qua các hoạt động vẽ, nặn, cắt, xé, dán, khâu hạt, làm đồ chơi...

Nhận dạng các ký hiệu và có hiểu biết về chữ cái: Nhận dạng các ký hiệu (biển báo giao thông...), các chữ cái và chữ số; Định hướng viết từ trái qua phải và từ trên xuống dưới; Khả năng sắp xếp các đường nét để tạo thành chữ...

Quan tâm và sử dụng dụng cụ viết, vẽ để tập viết” các chữ cái, chữ viết:

+ Trẻ được khuyến khích tìm hiểu đặc trưng của nhiều loại dụng cụ viết khác nhau như cành cây nhỏ, viên sỏi, bút sáp màu, bút chì, bút dạ, bút lông, phấn... thông qua nhiều hoạt động cụ thể như vẽ phấn trên sân xi măng, vẽ tranh bằng các loại bút chì, bút sáp..., vẽ hình trên cát bằng cành cây nhỏ...

+ Hoạt động ngôn ngữ kết hợp âm nhạc, bài hát, đồng dao giúp trẻ nhà trẻ phát triển kỹ năng nghe, nói qua nhịp điệu vui nhộn, tăng khả năng ghi nhớ từ vựng và bắt chước phát âm tự nhiên. Những hoạt động này có thể thực hiện trong khoảng 10-15 phút, sử dụng nhạc cụ đơn giản và cử chỉ để trẻ hứng thú tham gia.

+ Hoạt động kể chuyện sáng tạo kết hợp nghệ thuật tạo hình giúp trẻ nhà trẻ phát triển ngôn ngữ tưởng tượng qua việc tự tay tạo bối cảnh như vẽ cát, màu..., tăng khả năng diễn đạt, tự tin sử dụng ngôn ngữ.

Hoạt động 3.3.(2) (0,5 tiết thực hành)

HV thảo luận và thực hiện nhiệm vụ theo nhóm:

- Nhiệm vụ: Thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ theo tiếp cận năng lực cho trẻ nhà trẻ theo hình thức:

+ Hoạt động học

+ Hoạt động chơi

+ Hoạt động khác

Chọn 1 chủ đề, thực hành tổ chức 1 số hoạt động để đáp ứng các mục tiêu năng lực; Lập bảng chỉ rõ các hoạt động đáp ứng các năng lực cụ thể ở lĩnh vực phát triển này.

- Các nhóm trình bày

Hoạt động 3.4.(1) (0,5 tiết lí thuyết)

Học viên thảo luận trong nhóm:

Thầy/cô cho biết: Thầy cô thực hiện giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ nhà trẻ qua những hình thức nào? Cách thức lựa chọn hoạt động giáo dục năng lực nhận thức cho trẻ nhà trẻ?

THÔNG TIN PHẢN HỒI

3.4. Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển năng lực nhận thức cho trẻ nhà trẻ

Giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ nhà trẻ tập trung khơi gợi sự tò mò khám phá thế giới xung quanh, hình thành ở trẻ hiểu biết ban đầu về sự vật, hiện tượng, con người gần gũi, phát triển các quá trình nhận thức, khả năng vận dụng hiểu biết và kỹ năng đơn giản vào cuộc sống phù hợp với độ tuổi.

3.4.1. Hoạt động học

- Thông qua hoạt động học giúp trẻ:

+ Nhận biết tên gọi, đặc điểm nổi bật về các sự vật, hiện tượng thế giới xung quanh, hình thành biểu tượng ban đầu (màu sắc, hình dạng, kích thước...)

+ Phát triển tư duy và ngôn ngữ

+ Rèn khả năng quan sát chú ý

- Đặc điểm ở lứa tuổi này trẻ dễ mất tập trung, vì vậy cần lựa chọn những kiến thức vừa phải và linh hoạt, sinh động khi tổ chức hoạt động, các nội dung đưa ra cần có nhiều trải nghiệm dưới hình thức trò chơi để trẻ hứng thú.

- Hướng dẫn tổ chức hoạt động học

+ Ôn định tổ chức: Hát, vận động, chơi trò chơi hoặc dùng đồ vật thật để thu hút trẻ

+ Phương pháp hình thức tổ chức

- Cho trẻ quan sát: Cô đưa vật thật hoặc tranh cho trẻ nhìn, sờ, cảm

- Đàm thoại: Câu hỏi ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu và cho trẻ được trả lời nhiều

- Luyện tập – củng cố: Tổ chức trò chơi nhẹ nhàng để ôn luyện những kiến thức vừa cung cấp

- Kết thúc: Nhận xét nhẹ nhàng. Khen ngợi trẻ. Chuyển hoạt động tự nhiên

3.4.2. Hoạt động chơi

- Ở lứa tuổi nhà trẻ, trẻ học chủ yếu thông qua trải nghiệm và vui chơi. Vì vậy, việc tổ chức hoạt động chơi trong giáo dục nhận thức đóng vai trò rất quan trọng, giúp trẻ phát triển tư duy một cách tự nhiên, nhẹ nhàng và hiệu quả. Hoạt động chơi chính là con đường học tập hiệu quả nhất của trẻ nhà trẻ.

- Khi tổ chức hoạt động chơi, GV cần đảm bảo:

+ Nội dung đơn giản, phù hợp lứa tuổi

+ Trẻ được trực tiếp thao tác: cầm, nắm, chọn

+ Không ép buộc trẻ

+ Lặp lại nhiều lần để trẻ ghi nhớ

- GV giữ vai trò: Hướng dẫn, gợi mở, không làm thay

- GV cần tổ chức hoạt động chơi một cách linh hoạt, sáng tạo, lấy trẻ làm trung tâm để đạt hiệu quả giáo dục cao nhất.

3.4.3. Hoạt động khác

- Trẻ nhà trẻ nhận thức rất hiệu quả khi được học trong các tình huống thực tế.

- Thông qua các hoạt động sinh hoạt hằng ngày, giúp trẻ:

+ Nhận biết sự vật gần gũi xung quanh

+ Phát triển khả năng quan sát, ghi nhớ

+ Hình thành thói quen học tập tự nhiên

+ Tăng cường ngôn ngữ và giao tiếp

- GV cần thực hiện:

+ Lòng ghép nhẹ nhàng, tự nhiên

+ Không biến thành giờ học cứng nhắc

+ Tận dụng mọi tình huống trong ngày

+ Lặp lại thường xuyên

+ Hỏi ngắn gọn, dễ hiểu

+ Khuyến khích trẻ trả lời bằng hành động

Ví dụ:

- Hoạt động đón – trả trẻ:

+ Cho trẻ tự cất, lấy đồ dùng cá nhân theo ký hiệu riêng, kết hợp nhận biết biểu tượng (hình, ảnh), màu sắc và vị trí.

+ Tổ chức trò chơi nhỏ: “Ai tìm đúng đồ của mình” giúp trẻ so sánh – phân biệt balo, dép theo màu, hình dạng.

+ Gọi hỏi để trẻ gọi tên, mô tả đơn giản (to – nhỏ, đỏ – xanh...), bước đầu phát triển tư duy nhận biết và ngôn ngữ.

+ Lòng ghép đếm số lượng đơn giản (1 balo, 2 chiếc dép) để hình thành biểu tượng toán ban đầu.

- Hoạt động ăn:

+ Trò chuyện giúp trẻ nhận biết, gọi tên món ăn, đồng thời phân biệt màu sắc, trạng thái (nóng – nguội, khô – nước).

+ Gọi hỏi: món nào có rau, món nào có thịt → giúp trẻ bước đầu phân loại thực phẩm.

+ Khuyến khích trẻ đếm đơn giản (mấy miếng thịt, mấy thìa cơm) để củng cố nhận thức toán học sơ đẳng.

+ Lòng ghép giáo dục dinh dưỡng: biết món ăn có lợi cho sức khỏe.

- Hoạt động ngủ:

+ Trẻ nhận biết vị trí (cạnh bạn nào).

+ Hướng dẫn trẻ tìm đúng chỗ ngủ giúp hình thành định hướng không gian.

+ Trước khi ngủ, cô có thể trò chuyện ngắn hoặc kể chuyện nhẹ giúp trẻ ghi nhớ – liên tưởng.

- + Sau ngủ, cho trẻ cất đúng đồ của mình → củng cố trí nhớ và nhận biết cá nhân.
- Hoạt động chiều:
 - + Tổ chức chơi theo nhóm nhỏ, mỗi nhóm một nhiệm vụ nhận thức: VD
- Nhóm phân biệt màu sắc, hình dạng (xếp – ghép – chọn đúng).
- Nhóm gọi tên đồ vật, con vật qua tranh, thẻ hình...
 - + Lòng ghép trò chơi học tập: “Chọn đúng – giờ nhanh”, “Tìm bạn giống mình” giúp trẻ củng cố kiến thức qua trải nghiệm.
 - + Kết hợp hoạt động nghệ thuật (tô màu, dán hình) để trẻ vừa học vừa thể hiện hiểu biết...

Hoạt động 3.4.(2) (0,5 tiết thực hành)

HV thảo luận và thực hiện nhiệm vụ theo nhóm:

- Nhiệm vụ: Thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức theo tiếp cận năng lực cho trẻ nhà trẻ theo hình thức:

- + Hoạt động học
- + Hoạt động chơi
- + Hoạt động khác

Chọn 1 chủ đề, thực hành tổ chức 1 số hoạt động để đáp ứng các mục tiêu năng lực; Lập bảng chỉ rõ các hoạt động đáp ứng các năng lực cụ thể ở lĩnh vực phát triển này.

- Các nhóm trình bày

Hoạt động 3.5.(1) (0,5 tiết lí thuyết)

Học viên thảo luận trong nhóm:

Thầy/cô cho biết: Thầy cô thực hiện giáo dục phát triển năng lực nghệ thuật cho trẻ nhà trẻ qua những hình thức nào? Cách thức lựa chọn hoạt động giáo dục năng lực nghệ thuật cho trẻ nhà trẻ?

THÔNG TIN PHẢN HỒI

3.5. Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển năng lực nghệ thuật cho trẻ nhà trẻ

Giáo dục nghệ thuật cho trẻ nhà trẻ hướng đến mục tiêu trọng tâm là nuôi dưỡng ở trẻ sự hứng thú trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật; khuyến khích trẻ tham gia vào các hoạt động nghệ thuật phù hợp với độ tuổi; từng bước hình thành năng lực cảm thụ và khả năng thể hiện nghệ thuật, giúp trẻ sử dụng nghệ thuật như một phương tiện để bày tỏ cảm xúc, hiểu biết và sự sáng tạo riêng của bản thân.

3.5.1. Hoạt động học

- Ở lứa tuổi nhà trẻ, nghệ thuật là phương tiện quan trọng giúp trẻ bộc lộ cảm xúc, giao tiếp và khám phá thế giới; việc tổ chức hoạt động học có mục đích, có định hướng sẽ tạo điều kiện tốt nhất để trẻ được trải nghiệm có hệ thống, được hướng dẫn, cung cấp các kỹ năng, từ đó dần hình thành năng lực cảm thụ cái đẹp, phát triển trí tưởng tượng và khả năng biểu đạt cá nhân, dù kỹ năng còn ở mức sơ khai.

- Hoạt động học nghệ thuật cần được tổ chức theo hướng trải nghiệm – cảm xúc – sáng tạo, tạo môi trường an toàn, thân thiện để trẻ mạnh dạn thể hiện, không bị gò bó hay áp lực về sản phẩm.

* Hướng dẫn tổ chức hoạt động học

- Hoạt động học lựa chọn đề tài gần gũi, giàu tính gợi mở để kích thích trí tưởng tượng.

- Xác định phương pháp đặc trưng từng môn học, xây dựng giáo án phù hợp (Loại tiết, loại hình thức tổ chức)

- Chuẩn bị phương tiện, học liệu nghệ thuật phong phú, đa dạng và có tính thẩm mỹ (giấy, màu, đất nặn, vật liệu mở, nhạc cụ đơn giản...), bố trí phù hợp để trẻ dễ dàng lựa chọn, sử dụng và khám phá.

- Chú trọng quá trình hơn kết quả: khuyến khích trẻ thực hành với màu sắc, đường nét, chất liệu (tô, vẽ, nặn, xé dán...) và cảm nhận âm nhạc qua việc hát, vận động, cảm nhận, lắng nghe.

- GV đóng vai trò gợi mở, làm mẫu mang tính định hướng, sử dụng ngôn ngữ giàu cảm xúc; tôn trọng ý tưởng riêng của trẻ, khuyến khích trẻ diễn đạt suy nghĩ, cảm nhận qua sản phẩm và các hình thức âm nhạc khác nhau.

- Tổ chức linh hoạt các hình thức (cả lớp, nhóm, cá nhân); tăng cường tích hợp nghe – nhìn – vận động – cảm xúc, tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm nghệ thuật một cách tự nhiên, từ đó nuôi dưỡng hứng thú và phát triển năng lực thẩm mỹ.

3.5.2 Hoạt động chơi

Việc lồng ghép giáo dục nghệ thuật vào hoạt động góc và hoạt động ngoài trời giúp trẻ được cảm thụ cái đẹp, phát triển cảm xúc, trí tưởng tượng và khả năng sáng tạo. Trẻ được tham gia các hoạt động một cách tự nhiên, hứng thú, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, từ đó góp phần phát triển toàn diện.

* Xây dựng môi trường nghệ thuật phù hợp: “Mở – hấp dẫn – khơi gợi sáng tạo”

- Hoạt động góc:

+ Bố trí các góc nghệ thuật riêng biệt nhưng linh hoạt:

Góc tạo hình (vẽ, tô màu, dán, dính...)

Góc âm nhạc (hát, vận động theo nhạc, sử dụng nhạc cụ đơn giản...)

+ Chuẩn bị đồ dùng:

Bút màu, giấy, đất nặn, hồ dán, nguyên vật liệu mở (lá cây, hạt, giấy vụn...)

Nhạc cụ đơn giản: trống lắc, xắc xô, thanh gõ...

+ Tạo không gian:

Thoáng, dễ di chuyển, dễ lấy – dễ cất đồ dùng

Trung bày sản phẩm của trẻ phù hợp

- Hoạt động ngoài trời:

+ Tận dụng không gian sân trường: Vẽ phấn trên sân Hát, vận động theo nhạc ngoài trời. Tạo cơ hội cho trẻ tiếp xúc với thiên nhiên (tạo ra sản phẩm từ thiên nhiên)

+ Bố trí khu vực: An toàn, tránh ảnh hưởng đến các hoạt động khác

* Lựa chọn nội dung chơi phù hợp độ tuổi: Lựa chọn các hoạt động nghệ thuật đơn giản, gần gũi như tô màu, xé dán, nặn, hát và vận động theo nhạc tại góc nghệ thuật và không gian ngoài trời. Nội dung gắn với trải nghiệm thực tế, có thể lặp lại nhiều lần, giúp trẻ dễ tham gia, hứng thú và phát triển cảm xúc thẩm mỹ.

* Tổ chức hoạt động linh hoạt, lấy trẻ làm trung tâm: Gợi mở, hướng dẫn ngắn gọn, tạo điều kiện để trẻ tự lựa chọn góc chơi hoặc hình thức hoạt động nghệ thuật ngoài trời theo sở thích. Khuyến khích trẻ thể hiện ý tưởng qua vẽ, nặn, vận động theo nhạc hoặc sử dụng nguyên vật liệu thiên nhiên, từ đó phát huy tính tích cực, sáng tạo và khả năng cảm thụ nghệ thuật.

3.5.3 Hoạt động khác

- Trẻ nhà trẻ cảm thụ nghệ thuật tốt nhất khi được trải nghiệm trong các tình huống sinh hoạt gần gũi hằng ngày.

- Thông qua các hoạt động trong ngày, giúp trẻ:

+ Cảm nhận vẻ đẹp đơn giản từ âm thanh, màu sắc, hình ảnh xung quanh

- + Bộc lộ cảm xúc qua hát, vận động, nét vẽ, cách lựa chọn màu sắc
- + Phát triển trí tưởng tượng và khả năng sáng tạo ban đầu
- + Hình thành sự tự tin, mạnh dạn thể hiện bản thân
- + Tăng cường giao tiếp thông qua biểu đạt nghệ thuật
- GV cần thực hiện:
 - + Lồng ghép nghệ thuật nhẹ nhàng trong mọi hoạt động (đón trả trẻ, ăn, ngủ,...)
 - + Không biến thành giờ hoạt động cứng nhắc, chú trọng cảm xúc và trải nghiệm
 - + Tận dụng âm nhạc, màu sắc, vật liệu sẵn có để kích thích hứng thú
 - + Lặp lại các bài hát, vận động, hoạt động tạo hình quen thuộc để trẻ ghi nhớ
 - + Gọi mở đơn giản, gần gũi (con thích màu gì, bài hát này vui hay buồn...)
 - + Khuyến khích trẻ thể hiện bằng hành động: hát, lắc lư, vỗ tay, tô màu, dán hình...

Ví dụ:

- Giờ đón trẻ: Mở nhạc nhẹ, cho trẻ lắc lư theo giai điệu, chơi 1 trò chơi âm nhạc nhẹ vui tươi, chọn hình dán màu mình thích ...
 - Giờ ăn: đọc vè, đọc thơ, hát các bài hát ngắn về món ăn giúp trẻ cảm nhận nhịp điệu, âm thanh
 - Giờ ngủ: nghe nhạc ru êm dịu, hình thành cảm xúc thư giãn
 - Hoạt động chiều: cho trẻ tô màu, xé dán,... vận động theo nhạc để củng cố biểu đạt nghệ thuật.
- Trong mỗi hoạt động giáo dục cụ thể của các lĩnh vực thể chất, tình cảm – xã hội, ngôn ngữ, nhận thức, nghệ thuật theo cấu trúc gồm các thành phần cơ bản:
- Tên hoạt động
 - Độ tuổi
 - Mục tiêu
 - Chuẩn bị môi trường, học liệu;
 - Tiến trình tổ chức hoạt động: Làm rõ phương pháp tổ chức, hình thức tham gia và dự kiến biểu hiện của trẻ.
 - Cách đánh giá và điều chỉnh nhằm hỗ trợ phát triển năng lực cho trẻ.

Hoạt động 3.5.(2) (0,5 tiết thực hành)

HV thảo luận và thực hiện nhiệm vụ theo nhóm:

- Nhiệm vụ: Thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục nghệ thuật theo tiếp cận năng lực cho trẻ nhà trẻ theo hình thức:
 - + Hoạt động học
 - + Hoạt động chơi
 - + Hoạt động khác
- Chọn 1 chủ đề, thực hành tổ chức 1 số hoạt động để đáp ứng các mục tiêu năng lực; Lập bảng chỉ rõ các hoạt động đáp ứng các năng lực cụ thể ở lĩnh vực phát triển này.*
- Các nhóm trình bày

Hoạt động 6 (02 tiết thực hành)

HV thảo luận nhóm:

-
- Mỗi nhóm chọn xây dựng hoạt động cụ thể để phát triển năng lực của trẻ nhà trẻ theo các lĩnh vực.
- Đại diện nhóm trình bày

Nội dung 4. Xây dựng môi trường giáo dục phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ (0,5 tiết lí thuyết, 0,5 tiết thực hành...)

Hoạt động 4.1 (0,5 tiết lí thuyết)

Học viên thảo luận trong nhóm:

Thầy/cô cho biết:

- Môi trường vật chất cần được sắp xếp như thế nào phù hợp để phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ?
- GV, cán bộ quản lí cần lưu ý đến những yếu tố nào giúp môi trường học tập của trẻ có giàu tương tác và trải nghiệm?

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Môi trường học tập bao gồm việc sử dụng và tổ chức bầu không khí về mặt xã hội và cảm xúc, không gian vật lý trong lớp học, không gian ngoài trời để vui chơi, các hoạt động hàng ngày và thời khóa biểu. Từ “môi trường học tập” hàm ý một địa điểm và không gian khuyến khích sự tương tác và cảm giác học tập chính thức và ngẫu nhiên.

4.1. Xây dựng môi trường vật chất (trong lớp học và ngoài lớp học mang tính đa giác quan giàu trải nghiệm, thực hành gắn với việc phát triển năng lực)

Trẻ em nhìn nhận môi trường một cách toàn diện và đánh giá nó dựa trên tất cả các cách mà trẻ có thể tương tác; trẻ sử dụng môi trường để hỗ trợ sự phát triển và hoàn thiện bản thân (White, 2004). Trẻ em cần được vận động trong giới hạn an toàn và có thể chấp nhận được và cần mức độ kích thích vừa phải và đa dạng cho tất cả các giác quan; trẻ cần cảm giác thành công, đặc biệt là khi tương tác và định hướng trong môi trường; và cuối cùng, trẻ cần đạt được mức độ tự chủ cao hơn bằng cách tự đưa ra quyết định và thực hiện quyền kiểm soát (Fisher, 2000).

a. Nguyên tắc:

- Đảm bảo tiện nghi: Lớp học thoáng mát; đầy đủ đồ dùng; đồ chơi phong phú (trẻ có thể nhìn, nghe, ngửi, nếm, sờ), đa dạng (màu sắc, hình dạng, kích thước, chất liệu, có các nguyên vật liệu thiên nhiên, tái chế; đồ chơi được bổ sung thường xuyên nhằm đáp ứng nhu cầu của trẻ.
- Đảm bảo an toàn: Đồ dùng, đồ chơi không sắc nhọn, không độc hại, được kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên
- Đảm bảo vệ sinh: Đồ dùng, đồ chơi luôn sạch sẽ.
- Đảm bảo tính thẩm mỹ: Đồ dùng, đồ chơi đẹp, màu sắc tươi sáng, âm thanh sống động

b. Yêu cầu:

- Không gian hoạt động được bố trí hợp lý, trang trí đẹp mắt: khu vực để trẻ vận động; khu vực để trẻ hoạt động với đồ vật; khu vực để trẻ chơi thao tác vai; khu vực để trẻ chơi với đất nặn, bút vẽ; khu vực để trẻ chơi với sách, truyện; khu vực để trẻ được tiếp xúc với thiên nhiên, chơi các trò chơi với nước, cát...
- Đồ dùng, đồ chơi được sắp xếp vừa tầm mắt, vừa tầm tay để trẻ có thể quan sát được, dễ lấy, cất.
- Lựa chọn thiết kế và vật liệu: Sẵn có và dễ tìm thấy; sử dụng hàng ngày trong tất cả các hoạt động; không hạn chế, cho phép trẻ sáng tạo tối đa; mang tính địa phương; kích thích, thu hút và duy trì hứng thú của trẻ; an toàn, thân thiện; Công cụ công nghệ số phù hợp với điều kiện thực tế.
- Không gian vui chơi: Sắp xếp góc chơi cuốn hút; Góc chơi sắp xếp khoa học, dễ quản lí, trẻ được tổ chức theo nhóm, Trẻ được hợp tác, tương tác, thảo luận nhóm, lựa chọn đồ chơi

khác nhau qua đó trẻ có thể bộc lộ tính cộng đồng hay những tố chất, cá tính riêng trong cùng một nhóm bạn;

- Không gian chơi tĩnh: Là nơi nghỉ ngơi thư giãn của trẻ sau những giờ vận động, học hành. Có thể bố trí là nơi đọc sách, đọc truyện, vẽ tranh.

- Hoạt động 4.2 (1)(0,5 tiết lí thuyết)

Học viên thảo luận trong nhóm:

Thầy/cô cho biết:

- Cần xây dựng môi trường tâm lí xã hội như thế nào để phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ?

- GV, cán bộ quản lí cần lưu ý đến những yếu tố nào giúp xây dựng môi trường tâm lí xã hội tích cực cho trẻ nhà trẻ?

THÔNG TIN PHẢN HỒI

4.2. Xây dựng môi trường tâm lý – xã hội (trong lớp học và ngoài lớp học giàu trải nghiệm, thực hành gắn với việc phát triển năng lực)

Trẻ nhỏ học hỏi thông qua thực hành và hoạt động chơi vẫn là hoạt động chính của trẻ. Các nhà giáo dục và tâm lý học coi vui chơi là "con đường học tập chính" của trẻ và họ cho rằng việc điều chỉnh thiết kế lớp học để khuyến khích vui chơi chắc chắn sẽ mang lại hiệu quả phát triển cao hơn (Myhre, 1993). Do đó, thiết kế môi trường giáo dục hỗ trợ hoạt động chơi là nhiệm vụ khó khăn và đầy thách thức đối với các nhà thiết kế môi trường giáo dục mầm non hiện nay (Shaw, 2012).

Các yếu tố thiết yếu của một môi trường học tập tốt cần được chú trọng tối đa, trong đó bao gồm nhiều hoạt động phù hợp với độ tuổi thông qua việc khám phá trong môi trường lớp học được thiết kế an toàn và sử dụng kỹ năng ngôn ngữ để thúc đẩy giao tiếp và tư duy logic.

a. Nguyên tắc:

- Đảm bảo an toàn: Môi trường tâm lý - xã hội được tạo dựng trên nền tảng tình yêu thương của GV với trẻ, hành vi, cử chỉ nhẹ nhàng, dịu hiền; lời nói chuẩn mực, thái độ thân thiện, cởi mở tạo cho trẻ cảm giác an toàn khi ở lớp.

- Đảm bảo tính cá biệt: Tôn trọng đặc điểm riêng của từng trẻ, không phân biệt văn hóa, giới tính, tôn giáo, điều kiện kinh tế.

- Đảm bảo công bằng: Tất cả trẻ đều được chào đón, tham gia và có cơ hội như nhau trong các hoạt động ở trường.

b. Yêu cầu

- GV cần gần gũi, dịu dàng, lắng nghe, thấu hiểu và thỏa mãn hợp lý nhu cầu của từng trẻ
- GV chủ động thiết lập mối quan hệ tốt đẹp với trẻ, với đồng nghiệp, với cha mẹ của trẻ; tạo cơ hội, khuyến khích trẻ chơi cùng nhau.

- GV dự đoán các tình huống ở lớp học. Thu hút để tất cả trẻ tham gia vào các hoạt động lớp học, tương tác ấm áp, thân thiện và tích cực.

- GV cần tạo ra nhiều cơ hội, các tình huống để thu hút trẻ cần phải cùng nhau tham gia, cùng nhau thực hiện các công việc. GV cần trở thành người kết nối, hỗ trợ để trẻ tự tin trong các mối quan hệ, học cách chia sẻ, tương tác với bạn bè và thích nghi với các tình huống ở lớp học.

Hoạt động 4.2 (2) (01 tiết thực hành)**HV thực hiện theo nhóm các nhiệm vụ sau:**

- Xây dựng Bản thiết kế sơ đồ môi trường lớp học .
- Liệt Danh mục học liệu mở phù hợp với văn hóa và điều kiện ở địa phương.
- **Xây dựng môi trường vật chất trong lớp học cho trẻ các độ tuổi (dưới 12 tháng; 12 – 24 tháng; 24 – 36 tháng).**
- GV, cha mẹ và cán bộ quản lí cần làm gì để xây dựng môi trường tâm lí – xã hội tích cực cho trẻ.

Nội dung 5. Theo dõi, đánh giá, điều chỉnh hoạt động giáo dục theo tiếp cận năng lực cho trẻ nhà trẻ (01 tiết lí thuyết, 01 tiết thực hành...)**Hoạt động 5.1. (1) (0,5 tiết lí thuyết)**

Học viên thảo luận trong nhóm:

Thầy/cô cho biết: Vì sao GV cần theo dõi thường xuyên sự phát triển của trẻ?

Cán bộ quản lí, GV cần lưu ý gì khi quan sát và theo dõi trẻ theo tiếp cận năng lực?

THÔNG TIN PHẢN HỒI**5.1. Quan sát, theo dõi thường xuyên**

Việc triển khai thành công một chương trình giảng dạy phụ thuộc vào kiến thức sâu rộng của nhà giáo dục về đánh giá và sự phát triển của trẻ nhà trẻ. Kiến thức về các lĩnh vực phát triển cũng như các quá trình và cơ chế hỗ trợ sự phát triển là rất cần thiết.

Tiếp cận của mỗi trẻ cho trẻ nhà trẻ đòi hỏi người làm giáo dục phải có kỹ năng quan sát và đánh giá để theo dõi sở thích và khả năng của từng trẻ, đồng thời lên kế hoạch chu đáo các hoạt động và môi trường phù hợp với trình độ hiện tại của trẻ, hỗ trợ sự phát triển và học tập liên tục theo một chu trình phát triển như đã được nêu trong Khung Kết quả cần đạt.

Ở độ tuổi này, việc thiết lập mối quan hệ bền chặt không chỉ giữa GV và trẻ nhà trẻ, mà còn giữa GV và cha mẹ là vô cùng quan trọng.

Điều này được thực hiện tốt nhất dựa trên sự giao tiếp thường xuyên về các hoạt động và nhu cầu hàng ngày cũng như về các mục tiêu dài hạn cho sự phát triển của trẻ. Sự nhất quán trong các hoạt động và mục tiêu ở các môi trường khác nhau đặc biệt quan trọng đối với nhóm tuổi này.

Nếu cha mẹ tham gia đóng góp ý kiến và đồng ý với các mục tiêu được đề ra cho con mình, và nếu họ hiểu cách môi trường và các hoạt động trong cơ sở chăm sóc và giáo dục mầm non hỗ trợ các mục tiêu đó, họ có thể tiếp tục công việc này ở nhà. Sự liên hệ giữa gia đình và cơ sở chăm sóc và giáo dục mầm non sẽ xây dựng và tạo điều kiện thuận lợi cho mối quan hệ giữa cha mẹ trẻ và người chăm sóc trẻ, giúp cha mẹ trẻ cảm thấy thoải mái khi để con ở đó, và cuối cùng, có thể mang lại lợi ích tốt nhất cho sự phát triển của trẻ.

Việc ghi lại và xem xét các chương trình giảng dạy cho trẻ nhà trẻ là vô cùng hữu ích khi xem xét cách tốt nhất để xác nhận rằng một chương trình giảng dạy thực sự đang được thực hiện.

George E Forman (2021) nhấn mạnh: Quan sát là công cụ thiết yếu giúp GV thấu hiểu trẻ một cách sâu sắc, bao gồm cả ý nghĩa cảm xúc, chiến lược học tập và suy nghĩ của trẻ.

Các nghiên cứu quốc tế của Froebel và hệ thống giáo dục một số nước đều chú trọng quan sát là phương pháp nền tảng giúp phát hiện tiềm năng, tạo điều kiện phát triển tự nhiên và phát triển trí tuệ, cảm xúc, xã hội của trẻ trong môi trường học tập.

Ngoài ra, việc chia sẻ kết quả quan sát với cha mẹ trẻ và cộng đồng là yếu tố quan trọng để xây dựng môi trường liên kết hỗ trợ toàn diện cho sự phát triển của trẻ.

Phương pháp quan sát được quốc tế công nhận là công cụ hiệu quả, đa chiều giúp GV đánh giá, nắm bắt cụ thể sự phát triển, khả năng và nhu cầu của trẻ mầm non trong môi trường tự nhiên, từ đó thiết kế và điều chỉnh hoạt động giáo dục phù hợp nhằm phát huy tối đa tiềm năng của trẻ. Đây cũng là nền tảng quan trọng để thực hiện giáo dục của mỗi trẻ và đảm bảo quyền lợi giáo dục bình đẳng cho mọi trẻ.

GV ghi nhận chính xác những gì quan sát được, không thêm nhận định chủ quan, không gán cảm xúc hay phán đoán cá nhân. Chỉ ghi lại các hành vi, lời nói, tình huống đúng như quan sát thực tế, tránh việc định kiến hoặc suy luận cảm tính về nguyên nhân, ý đồ của trẻ. (Gina Peterson & Elam, 2020) GV phân định rõ giữa QS và diễn giải, ghi nhận mô tả đầy đủ, trung thực diễn biến trình tự của hoạt động, không mô tả những gì không nhìn thấy.

Quan sát trong môi trường tự nhiên, không làm trẻ thay đổi hành vi. Để việc quan sát, đánh giá trẻ đạt hiệu quả nhất, cần loại bỏ mọi định kiến, sự kì thị, phân biệt hay áp đặt suy nghĩ cá nhân trong thu thập và lưu giữ thông tin về các biểu hiện, hành vi, ứng xử của trẻ. (Gina Peterson & Elam, 2020).

Quan sát phù hợp từng mục tiêu, từng giai đoạn và cập nhật đều đặn để theo dõi tiến bộ, phát hiện điểm mạnh/yếu của trẻ trong các lĩnh vực phát triển. Khi ghi nhận thực tế, GV cần phân tích, xem xét các dữ liệu nhằm tìm hiểu bản chất hành vi, từ đó gợi mở kế hoạch giáo dục hỗ trợ phù hợp.

Quan sát trẻ nên được thực hiện liên tục, có kế hoạch theo các giai đoạn phát triển, cập nhật dữ liệu thường xuyên để theo dõi sự tiến bộ và nhận diện sớm các khó khăn, thuận lợi của từng trẻ. Đây là nền tảng để xây dựng hồ sơ phát triển, đánh giá giáo dục và hoạch định chương trình phù hợp.

Sau khi ghi nhận thực tế, GV cần phân tích, phân tích, soi chiếu các dữ liệu nhằm tìm hiểu bản chất hành vi, gợi mở kế hoạch giáo dục hỗ trợ phù hợp. Khi quan sát cần lưu ý:

+ Chăm chú theo dõi các hoạt động diễn ra và cách thức diễn ra như thế nào; lưu các thông tin trong đầu hay bằng ghi chép, hay dùng máy quay camera, chụp ảnh,... Cố gắng ghi lại hành động, lời nói chính xác, sinh động (trích dẫn nguyên văn lời trẻ nếu có).

+ Có thể sử dụng các loại phiếu thiết kế theo bảng cột về nội dung, lĩnh vực quan sát, những biểu hiện cụ thể của trẻ để GV thuận tiện trong ghi chép và tổng hợp.

+ Liệt kê những hành vi, chỉ báo cụ thể theo lĩnh vực và sử dụng cách tích để theo dõi theo dạng bảng kiểm.

+ Sau khi quan sát, sử dụng các thông tin lưu lại để hoàn tất quá trình quan sát đã chủ định từ trước. Dùng thông tin thu được để phân tích những gì rút ra từ sự quan sát.

Hoạt động 5.1.(1) (0,5 tiết lí thuyết)

Học viên thảo luận trong nhóm:

Thầy/cô cho biết: Vì sao GV cần đánh giá và cha mẹ trẻ đóng vai trò như thế nào điều chỉnh, hoàn thiện hoạt động giáo dục theo tiếp cận năng lực?

Cán bộ quản lí, GV cần lưu ý gì khi đánh giá và điều chỉnh, hoàn thiện hoạt động giáo dục theo tiếp cận năng lực?

THÔNG TIN PHẢN HỒI

5.2. Đánh giá, điều chỉnh và hoàn thiện hoạt động giáo dục theo tiếp cận năng lực

Việc đánh giá sự tiến bộ của từng trẻ thông qua quan sát liên tục bởi những người chăm sóc và giáo dục trẻ sơ sinh/trẻ nhỏ bằng cách sử dụng khung chương trình học sớm nêu rõ các giai đoạn phát triển.

Dựa vào Khung kết quả cần đạt, và quan sát sở thích và động lực học tập của trẻ nhà trẻ.

Lập kế hoạch các hoạt động nhằm mở rộng việc học tập dựa trên sở thích và mục tiêu phát triển của trẻ nhà trẻ, phù hợp với khung phát triển được sử dụng.

Thực hiện hoạt động

Giáo viên nhà trẻ phân tích dữ liệu từ bảng kiểm quan sát hành vi bằng cách tổng hợp định lượng và định tính, xác định xu hướng tiến bộ, nhóm trẻ cần hỗ trợ và đề xuất điều chỉnh mục tiêu cho phù hợp phát triển năng lực trẻ 0-3 tuổi.

Phân tích bảng tổng hợp theo dõi của nhóm/lớp. Ví dụ:

+ Tổng hợp cột % đạt mỗi ngày: $\% = (\text{số } \checkmark / \text{tổng trẻ}) \times 100$; vẽ biểu đồ đường đơn giản (Excel hoặc giấy) so sánh 3 ngày (ví dụ: Ngày 1: 60%, Ngày 2: 75%, Ngày 3: 85%, cho thấy xu hướng kết quả tăng lên, mục tiêu đạt).

+ Phân loại trẻ: Nhóm A (luôn \checkmark : 100%), Nhóm B (tiến bộ $G \rightarrow \checkmark$), Nhóm C (X liên tục $< 50\%$); Như vậy, kết quả phân loại cho thấy, GV cần ưu tiên hỗ trợ nhóm C qua hoạt động của mỗi trẻ.

Xem xét nguyên nhân chưa đạt được mục tiêu phổ biến qua kết hợp quan sát.^{[2][3]}
Xác định mẫu hình: "Trẻ nữ tự xúc tốt hơn nam" hoặc "Sau bữa sáng trẻ mệt nên tỷ lệ đạt mục tiêu % thấp hơn" để điều chỉnh thời điểm hoạt động.

Chia sẻ với nhóm giáo viên/phụ huynh qua ảnh bảng kiểm + biểu đồ; cập nhật mục tiêu mới dựa dữ liệu (từ "tự xúc 3 muỗng" \rightarrow "tự xúc ăn và lau miệng một cách độc lập").

Suy ngẫm về phản ứng của trẻ nhà trẻ, sau đó sử dụng sự suy ngẫm đó để điều chỉnh các tương tác, hoạt động và môi trường cho phù hợp; và Ghi chép lại và lặp lại chu trình.

- Theo dõi và nhận ra những biểu hiện thay đổi sau tác động giáo dục thường xuyên, sự thay đổi, sự tiến triển của chính trẻ đó trong môi trường hoạt động phù hợp.

- Xây dựng mối quan hệ tin cậy giữa GV và trẻ, quan sát nhạy bén giúp GV đáp ứng kịp thời, tạo cảm giác an toàn và thúc đẩy phát triển cảm xúc xã hội.

- Tạo cơ sở để thiết kế hoạt động học phù hợp và mở rộng cơ hội học tập theo "sức học" và mối quan tâm của trẻ, thúc đẩy tư duy phân biện và ngôn ngữ qua các tương tác có chủ ý.

- Chủ động thông tin, trao đổi với cha mẹ trẻ về quá trình quan sát nhằm tạo sự kết nối, hợp tác hỗ trợ phát triển cho trẻ.

Khi có kết quả quan sát, GV xem xét kỹ các ghi chép, hình ảnh, video, sản phẩm hoặc phản hồi của trẻ để nhận diện rõ các điểm mạnh, điểm cần phát triển, sở thích hoặc khó khăn của trẻ (theo các nguyên tắc khách quan, toàn diện. Dựa trên dữ liệu, GV cần xác định rõ những nhu cầu phù hợp về phát triển kỹ năng, cảm xúc, xã hội hoặc học tập của từng trẻ. GV lập kế hoạch, sáng tạo các hoạt động phù hợp, có thể là trò chơi, bài tập, hoạt động nhóm hoặc các hoạt động phát triển kỹ năng mềm, cảm xúc của trẻ.

Từ những dữ liệu thu thập, GV lưu lại tiến trình phát triển theo thời gian, làm cơ sở xây dựng hồ sơ học tập cá nhân, theo dõi tiến bộ, và làm bằng chứng cho trao đổi với cha mẹ trẻ và chuyên gia can thiệp khi cần.

Kết hợp tham vấn, phản hồi với cha mẹ trẻ để xây dựng các hoạt động, chiến lược hỗ trợ phù hợp kết hợp ý kiến của cha mẹ trẻ, đồng nghiệp, và chính trẻ để đảm bảo sự hỗ trợ liên tục, hiệu quả.

Hoạt động 5.2.(2) (0,5 tiết thực hành)

HV thảo luận và thực hiện nhiệm vụ theo nhóm:

- Thực hành lập mẫu phiếu quan sát năng lực trẻ nhà trẻ theo nhóm/cá nhân
- Thực hành thu thập thông tin, đánh giá, suy ngẫm, điều chỉnh và hoàn thiện hoạt động giáo dục theo tiếp cận năng lực
- Thực hành trao đổi với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ để có những hoạt động điều chỉnh phù hợp

IV. CÂU HỎI CUỐI CHUYÊN ĐỀ

Câu 1: Trình bày bản chất của tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ. Việc tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng này khác gì so với tiếp cận truyền thống?

Câu 2: Hãy phân tích vai trò của việc tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ?

Câu 3: Nêu các nguyên tắc tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ. Khi thực hiện tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ cần có những lưu ý gì quan trọng.

Câu 4: Cách lập kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ.

Câu 5: Phân tích, lấy ví dụ minh họa về hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ?

Câu 6: Phân tích những khó khăn, rào cản GV thường gặp khi tổ chức môi trường giáo dục theo hướng phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ? Đề xuất giải pháp khắc phục?

Câu 7: Lấy ví dụ minh họa tổ chức hoạt động học 01 lĩnh vực giáo dục phát triển năng lực cho trẻ nhà trẻ.

II. NHIỆM VỤ THỰC HÀNH

Thực hành 1: Chọn một lĩnh vực (thể chất/ ngôn ngữ/ nhận thức/ tình cảm–XH/ nghệ thuật), thiết kế mục tiêu, nội dung, hoạt động giáo dục phù hợp cho trẻ 0-1 tuổi, 1–2 hoặc 2–3 tuổi theo tiếp cận năng lực của trẻ.

Thực hành 2: Thiết kế 01 hoạt động giáo dục theo quy trình các bước

Thực hành 3: Thiết kế một hoạt động học qua chơi/ trải nghiệm)

Thực hành 4: Đề xuất cách bố trí môi trường vật chất trong lớp hoặc ngoài trời an toàn và tính mở nhằm khuyến khích trẻ giàu khám phá, trải nghiệm, tạo cơ hội cho trẻ nhà trẻ phát triển năng lực cá nhân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

Tài liệu tiếng Việt

1. Chương trình Giáo dục mầm non mới thí điểm năm học 2026-2027 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành...
2. Các tài liệu bồi dưỡng thường xuyên GV mầm non Bộ Giáo dục và Đào tạo
“Hướng dẫn thực hiện quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong trường mầm non”, (2017); *“Tài liệu tập huấn nâng cao năng lực tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non”*, (2023)

Tiếng Anh

Tài liệu tiếng Việt

1. Chương trình Giáo dục mầm non mới thí điểm năm học 2026-2027 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành...
2. Các tài liệu bồi dưỡng thường xuyên GV mầm non Bộ Giáo dục và Đào tạo
“Hướng dẫn thực hiện quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong trường mầm non”, (2017); *“Tài liệu tập huấn nâng cao năng lực tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non”*, (2023)

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. CÁC BƯỚC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM/THÁNG/TUẦN/NGÀY

Bước 1. Xác định mục tiêu phát triển năng lực

Lĩnh vực phát triển	Năng lực cốt lõi		Yêu cầu cần đạt cuối độ tuổi (36 tháng)	Năng lực (yêu cầu cần đạt)		
				3–12 tháng	12 –18 tháng	18-24 tháng
1. Thể chất	1. Tham gia tích cực vào hoạt động thể chất và thích ứng với sự thay đổi	TC1. Tích cực tham gia vào các hoạt động thể chất	TC1.1. Vui vẻ, hào hứng tham gia vào các hoạt động thể chất.	Phản ứng tích cực khi được hỗ trợ vận động, tham gia thụ động, thời gian ngắn.	Tham gia vận động khi có hỗ trợ, thể hiện thích thú qua nét mặt/âm thanh, cần hướng dẫn trực tiếp.	Hứng thú tham gia vận động đơn giản, biết bắt chước, thể hiện vui vẻ, đôi lúc chủ động khi được gợi ý.
			TC1.2. Cố gắng hoàn thành nhiệm vụ thể chất với sự hỗ trợ	Tham gia vận động với hỗ trợ hoàn toàn.	Thực hiện vận động đơn giản khi có hỗ trợ trực tiếp.	Cố gắng hoàn thành vận động đơn giản với hỗ trợ.
		TC2. Thích ứng được với sự thay đổi của hoạt động thể chất và chế độ sinh hoạt	TC2.1. Duy trì thực hiện các hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh khi có sự thay đổi môi trường	Phụ thuộc hoàn toàn, khó thích nghi khi thay đổi môi trường.	Giữ được một số thói quen khi có hỗ trợ trực tiếp.	Duy trì tương đối nề nếp ăn, ngủ, vệ sinh khi đổi môi trường, cần hỗ trợ nhẹ.
			TC2.2. Tham gia hoạt động thể chất khi có sự thay đổi về địa điểm, yêu cầu hoạt động, bạn cùng chơi.	Tham gia vận động khi có sự thay đổi với hỗ trợ hoàn toàn.	Tham gia vận động khi thay đổi nếu có hỗ trợ trực tiếp.	Tham gia được vận động mà không bị ảnh hưởng khi có thay đổi (địa điểm, hoạt động, bạn chơi).
.....						
2. Tình cảm - xã hội	1. Nhận biết và quản lý	TX1. Nhận biết về bản thân	TX1.1. Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh khi được hỏi	Phản ứng với hình ảnh trong gương (nhìn, cười, chạm),	Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh, thể hiện	Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh khi được hỏi, có thể chỉ hoặc gọi tên.

	bản thân			nhận ra bản thân khi được gợi ý.	qua chỉ tay, cử chỉ.		
			TX1.2. Thể hiện nhu cầu của bản thân bằng cử chỉ, hành động, lời nói.	Thể hiện nhu cầu bằng khóc, cử động, nét mặt.	Thể hiện nhu cầu của bản thân chủ yếu bằng cử chỉ, một số âm thanh hoặc từ đơn.	Thể hiện nhu cầu của bản thân bằng lời nói đơn giản, cử chỉ hoặc hành động.	
			TX1.3. Thể hiện điều bản thân thích hoặc không thích thông qua hành vi, lời nói	Thể hiện thích/không thích qua khóc, cười, cử động cơ thể.	Thể hiện thích/không thích bằng cử chỉ, nét mặt, âm thanh.	Thể hiện thích/không thích bằng lời nói đơn giản, cử chỉ rõ ràng.	
		TX2. Quản lý bản thân		TX2.1. Nhận ra một số cảm xúc cơ bản của bản thân	Thể hiện cảm xúc cơ bản (vui, khó chịu) qua khóc, cười, cử động.	Nhận ra cảm xúc cơ bản qua nét mặt, hành vi; phản ứng phù hợp đơn giản.	Nhận ra một số cảm xúc cơ bản của bản thân qua lời nói đơn giản hoặc cử chỉ.
				TX2.2. Biểu lộ các cảm xúc khác nhau qua nét mặt, cử chỉ, hành động, lời nói	Biểu lộ cảm xúc qua khóc, cười, cử động cơ thể.	Biểu lộ cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, âm thanh.	Biểu lộ một số cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ và vài từ đơn giản.
				TX2.3. Dừng lại hoặc thay đổi hành vi khi được người lớn nhắc nhở	Có phản ứng thay đổi hành vi đơn giản khi người lớn can thiệp (giọng nói, chạm).	Có phản ứng dừng/tạm dừng hành vi khi người lớn nhắc trực tiếp.	Dừng lại hoặc thay đổi hành vi khi được người lớn nhắc nhở
						

3. Ngôn ngữ	1. Nghe hiểu	NN1. Lắng nghe và hiểu lời nói	<p>NN1.1. Nghe và thực hiện được theo các hướng dẫn đơn giản bằng lời nói</p>	<p>Phản ứng với lời nói quen thuộc, chưa thực hiện được yêu cầu rõ ràng.</p>	<p>Thực hiện được một số yêu cầu đơn giản quen thuộc khi có gợi ý và hỗ trợ trực tiếp.</p>	<p>Hiểu và thực hiện được 1–2 yêu cầu đơn giản bằng lời nói khi có hỗ trợ.</p>
			<p>NN1.2. Hiểu và trả lời được câu hỏi đơn giản liên quan đến tình huống quen thuộc.</p>	<p>Phản ứng với giọng nói/câu hỏi bằng nhìn, cười, âm thanh hoặc cử động.</p>	<p>Phản ứng với câu hỏi quen thuộc bằng cử chỉ, âm thanh hoặc từ đơn.</p>	<p>Hiểu và trả lời câu hỏi rất đơn giản trong tình huống quen thuộc bằng từ đơn/cử chỉ.</p>
					
4. Nhận thức	1. Ham hiểu biết, thích tìm tòi, khám phá	NT1. Thể hiện sự tò mò, thích tìm hiểu khám phá thế giới xung quanh	<p>NT1.1. Thích thú với những điều mới: Chăm chú nhìn, nghe, hỏi về con người, sự vật, hiện tượng</p>	<p>Phản ứng với kích thích mới bằng nhìn, quay đầu, cử động, biểu lộ thích thú.</p>	<p>Chú ý, nhìn lâu, nghe và tò mò với đồ vật, âm thanh mới; có thể chỉ hoặc phát âm.</p>	<p>Quan tâm, chỉ tay, đặt câu hỏi đơn giản về người, đồ vật, hiện tượng mới.</p>
			<p>NT1.2. Sử dụng các giác quan để tìm hiểu, khám phá các đối tượng gần gũi xung quanh</p>	<p>Phản ứng và khám phá thụ động bằng mắt, tay, miệng khi được đưa đồ vật.</p>	<p>Khám phá đồ vật bằng một vài giác quan (cầm, nhìn, ngậm, nghe) khi có gợi ý.</p>	<p>Chủ động dùng tay, mắt, tai để khám phá đồ vật quen thuộc (sờ, lắc, nhìn, nghe)</p>
		<p>NT2. Thể hiện sự chủ động tìm tòi, khám phá</p>	<p>NT2.1. Thực hiện hoặc lặp lại các hành động tìm hiểu, khám phá con người, sự vật hiện tượng gần</p>	<p>Quan sát và phản ứng, có thể lặp lại cử động đơn giản khi</p>	<p>Bắt chước một số hành động quen thuộc của người lớn khi</p>	<p>Bắt chước và lặp lại một số hành động khám phá đơn giản khi được gợi ý (sờ, lắc, nhìn, thử).</p>

		thể giới xung quanh	gửi, theo gợi ý hoặc bắt chước người khác	người lớn kích thích.	được hướng dẫn trực tiếp.	
		NT2.2. Thử các cách khác nhau để khám phá thể giới đồ vật	Khám phá thụ động bằng tay, miệng khi được đưa đồ vật.	Khám phá đồ vật bằng một vài cách quen thuộc (cầm, đưa lên miệng, lắc) với hỗ trợ.	Thử nhiều cách đơn giản để khám phá đồ vật (cầm, lắc, ném, gõ) khi có gợi ý.
5. Nghệ thuật	1. Cảm thụ nghệ thuật	NgT1. Cảm thụ vẻ đẹp trong cuộc sống và nghệ thuật	NgT1.1. Thể hiện cảm xúc bằng những cách khác nhau (thích/không thích, dễ chịu/khó chịu, tán thưởng, hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, đung đưa, lắc lư...) khi tiếp xúc với vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.	Trẻ cười, khóc, nhìn chăm chú và phản ứng tự nhiên khi tiếp xúc với âm thanh, hình ảnh và cảm xúc dễ chịu hoặc khó chịu.	Trẻ biết vỗ tay, lắc đầu, nhún nhảy và bắt chước đơn giản khi nghe nhạc hoặc quan sát người lớn.	Trẻ chủ động thể hiện cảm xúc như nói “thích”, vỗ tay, nhún nhảy, hát theo và làm theo một số động tác đơn giản.
					

Bước 2: Lựa chọn nội dung giáo dục

Lĩnh vực phát triển	Năng lực cốt lõi		Yêu cầu cần đạt cuối độ tuổi (36 tháng)	Năng lực (yêu cầu cần đạt) độ tuổi 18-24 tháng	Nội dung giáo dục
1. Thể chất	1. Tham gia tích cực vào hoạt động thể chất và thích ứng với sự thay đổi	TC1. Tích cực tham gia vào các hoạt động thể chất	TC1.1. Vui vẻ, hào hứng tham gia vào các hoạt động thể chất.	Hứng thú tham gia vận động đơn giản, biết bắt chước, thể hiện vui vẻ, đôi lúc chủ động khi được gợi ý.	- Đi, bò, đứng lên – ngồi xuống, nhún nhảy, leo thấp - Vận động đơn giản: “đi theo cô”, “bắt chước cô làm”, “chuyên bóng”, “cùng nhún nhảy” - Vận động theo bài hát: trẻ làm theo động tác minh họa trong bài hát ngắn - Lặp lại động tác nhiều lần một vận động để hoàn thành yêu cầu - Vận động theo tình huống: có gợi ý của cô để trẻ tham gia và cố gắng thực hiện đến cùng
			TC1.2. Cố gắng hoàn thành nhiệm vụ thể chất với sự hỗ trợ	Cố gắng hoàn thành vận động đơn giản với hỗ trợ nhẹ.	
		TC2. Thích ứng được với sự thay đổi của hoạt động thể chất và chế độ sinh hoạt	TC2.1. Duy trì thực hiện các hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh khi có sự thay đổi môi trường	Duy trì tương đối nề nếp ăn, ngủ, vệ sinh khi môi trường, cần hỗ trợ nhẹ.	- Ăn, ngủ, vệ sinh theo nề nếp qua các hoạt động lặp lại hằng ngày: rửa tay, ngồi ăn đúng chỗ, tự xúc ăn đơn giản - Ngủ theo lịch cố định: đi ngủ đúng giờ, nằm đúng chỗ, nghe cô ru hoặc kể chuyện ngắn - Vệ sinh cá nhân: rửa tay, lau mặt, đi vệ sinh có hướng dẫn - Chuyển tiếp các nội dung sinh hoạt trong ngày: từ chơi sang ăn, ăn sang ngủ theo trình tự quen thuộc - Rèn thói quen hằng ngày lặp lại để hình thành nề nếp

			TC2.2. Tham gia hoạt động thể chất khi có sự thay đổi về địa điểm, yêu cầu hoạt động, bạn cùng chơi.	Tham gia vận động khi có thay đổi (địa điểm, hoạt động, bạn chơi) với hỗ trợ nhẹ.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi, chạy, bò, nhún nhảy khi thay đổi địa điểm - Chơi trò chơi vận động theo nhóm nhỏ: thay đổi bạn chơi, thay đổi vị trí chơi - Chơi trò chơi giải quyết tình huống vận động: chuyển từ hoạt động này sang hoạt động khác (đi lấy đồ, di chuyển theo yêu cầu) - Vận động theo nhạc: thay đổi động tác, nhịp điệu và không gian chơi - Chuyển tiếp các vận động có hướng dẫn, hỗ trợ khi có thay đổi
				
2. Tình cảm - xã hội	1. Nhận biết và quản lý bản thân	TX1. Nhận biết về bản thân	TX1.1. Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh khi được hỏi	Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh khi được hỏi, có thể chỉ hoặc gọi tên.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết bản thân qua quan sát qua gương. - Nhận ra bản thân qua xem tranh/ảnh cá nhân - Chơi các Trò chơi nhận diện cá nhân - Xem video để nhận ra cá nhân - Trò chuyện để nhận ra cá nhân
			TX1.2. Thể hiện nhu cầu của bản thân bằng cử chỉ, hành động, lời nói.	Thể hiện nhu cầu của bản thân bằng lời nói đơn giản, cử chỉ hoặc hành động.	<ul style="list-style-type: none"> - Giao tiếp trong sinh hoạt hằng ngày: ăn, uống, ngủ, vệ sinh để trẻ nói hoặc ra hiệu nhu cầu - Chọn đồ chơi, đồ ăn, quần/áo... bằng từ đơn hoặc cử chỉ thể hiện nhu cầu - Thể hiện nhu cầu trong góc chơi/chơi với đồ chơi

					<ul style="list-style-type: none"> - Tình huống giả định quen thuộc: cô tạo tình huống để trẻ bày tỏ mong muốn (ăn, chơi, uống nước) - Trò chuyện ngắn cá nhân: hỏi – đáp đơn giản để trẻ thể hiện nhu cầu
		TX1.3. Thể hiện điều bản thân thích hoặc không thích thông qua hành vi, lời nói	Thể hiện thích/không thích bằng lời nói đơn giản, cử chỉ rõ ràng.		<ul style="list-style-type: none"> - Chọn đồ chơi, đồ vật yêu thích: trẻ nói “thích/không thích” hoặc chỉ tay, gật/lắc đầu - Chọn bài hát yêu thích và thể hiện cảm xúc - Trải nghiệm món ăn/đồ dùng quen thuộc: trẻ bày tỏ thích hoặc không thích - Trò chơi “con chọn gì”: cô đưa 2 lựa chọn để trẻ phản hồi bằng lời hoặc cử chỉ - Giao tiếp hàng ngày: trong ăn, chơi, học, trẻ thể hiện cảm xúc với sự gọi hỏi của cô
	TX2. Quản lý bản thân	TX2.1. Nhận ra một số cảm xúc cơ bản của bản thân	Nhận ra một số cảm xúc cơ bản của bản thân qua lời nói đơn giản hoặc cử chỉ.		<ul style="list-style-type: none"> - Chơi tự do có gợi ý cảm xúc (chơi với đồ chơi, góc chơi): trẻ vui khi chơi, cô gọi hỏi “con vui không?”, “con thích không?” - Chơi tình huống đơn giản: “mất đồ chơi”, “chia đồ chơi”, “được - không được lấy đồ” để trẻ trải nghiệm vui/buồn/tức - Kể chuyện có tranh minh họa cảm xúc: nhân vật vui, buồn,

					<p>khóc, cười để trẻ quan sát và gọi tên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hát, nhún nhảy, vỗ tay biểu lộ cảm xúc - Sinh hoạt hằng ngày (ăn, chơi, vệ sinh: gọi tên cảm xúc khi trải nghiệm tình huống thực tế
		TX2.2. Biểu lộ các cảm xúc khác nhau qua nét mặt, cử chỉ, hành động, lời nói	Biểu lộ một số cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ và vài từ đơn giản.		<ul style="list-style-type: none"> - Chơi góc (chơi tự do có định hướng nhẹ): góc búp bê, góc vận động, góc đồ chơi để trẻ chơi và thể hiện cảm xúc tự nhiên - Âm nhạc - vận động: hát, vỗ tay, nhún nhảy theo nhạc để trẻ bộc lộ vui vẻ - Giao tiếp hằng ngày: trò chuyện khi ăn, chơi, thay đồ để trẻ nói/biểu lộ “vui”, “thích”, “không” - Xem tranh/ảnh đơn giản: tranh mặt cười, mặt buồn để trẻ quan sát và bắt chước biểu cảm - Chơi tập thể đơn giản: trò chơi “cùng cười”, “cùng vỗ tay”, “ôm bạn” để trẻ tương tác và thể hiện cảm xúc
		TX2.3. Dừng lại hoặc thay đổi hành vi khi được người lớn nhắc nhở	Dừng lại hoặc thay đổi hành vi khi được người lớn nhắc nhở		<ul style="list-style-type: none"> - Các hoạt động sinh hoạt hằng ngày: ăn, ngủ, vệ sinh (rửa tay, ngồi ăn, cất đồ chơi) - Thực hiện quy tắc đơn giản: xếp hàng, chờ lượt, cất đồ chơi sau khi chơi

					- Trò chơi rèn nề nếp: “ai ngồi ngoan”, “cất đồ nhanh”, “đi nhẹ nhàng”
				
3. Ngôn ngữ	1. Nghe hiểu	NN1. Lắng nghe và hiểu lời nói	<p>NN1.1. Nghe và thực hiện được theo các hướng dẫn đơn giản bằng lời nói</p>	<p>Hiểu và thực hiện được 1–2 yêu cầu đơn giản bằng lời nói khi có hỗ trợ.</p>	<p>- Làm theo yêu cầu đơn giản: “lấy đồ chơi”, “cất đồ”, “lại đây” trong sinh hoạt và chơi</p> <p>- Trò chơi tình huống quen thuộc</p> <p>- Giao tiếp hằng ngày: trò chuyện ngắn trong ăn, chơi, vệ sinh; hỏi – đáp đơn giản</p> <p>- Trò chơi gọi tên đồ vật: “đây là gì?”, trẻ chỉ tay hoặc nói từ đơn -</p> <p>Hoạt động quan sát - phản ứng: xem đồ vật, tranh ảnh và trả lời bằng từ đơn/cử chỉ theo gợi ý</p>
			<p>NN1.2. Hiểu và trả lời được câu hỏi đơn giản liên quan đến tình huống quen thuộc.</p>	<p>Hiểu và trả lời câu hỏi rất đơn giản trong tình huống quen thuộc bằng từ đơn/cử chỉ.</p>	
				
4. Nhận thức	1. Ham hiểu biết, thích tìm tòi, khám phá	NT1. Thể hiện sự tò mò, thích tìm hiểu khám phá thế giuời xung quanh	<p>NT1.1. Thích thú với những điều mới: Chăm chú nhìn, nghe, hỏi về con người, sự vật, hiện tượng</p>	<p>Quan tâm, chỉ tay, đặt câu hỏi đơn giản về người, đồ vật, hiện tượng mới.</p>	<p>- Quan sát đồ vật, tranh ảnh, sự vật gần gũi: trẻ chỉ tay, gọi tên, cô gợi hỏi đơn giản</p> <p>- Khám phá đồ vật (góc chơi – học liệu mở): sờ, lắc, cầm, nhìn, nghe đồ vật quen thuộc</p> <p>- Trải nghiệm giác quan: nghe âm thanh, chạm chất liệu, quan sát màu sắc, ánh sáng</p> <p>- Hoạt động ngoài trời: quan sát cây, hoa, con vật, hiện tượng đơn giản và chỉ tay, gọi tên</p>
			<p>NT1.2. Sử dụng các giác quan để tìm hiểu, khám phá các đối tượng gần gũi xung quanh</p>	<p>Chủ động dùng tay, mắt, tai để khám phá đồ vật quen thuộc (sờ, lắc, nhìn, nghe)</p>	

					<p>- Trò chơi “tìm và chỉ”: tìm đồ vật theo yêu cầu đơn giản của cô và phản hồi bằng cử chỉ/từ đơn</p>
		NT2. Thể hiện sự chủ động tìm tòi, khám phá thế giới xung quanh	<p>NT2.1. Thực hiện hoặc lặp lại các hành động tìm hiểu, khám phá con người, sự vật hiện tượng gần gũi, theo gợi ý hoặc bắt chước người khác</p> <p>NT2.2. Thử các cách khác nhau để khám phá thế giới đồ vật</p>	<p>Bắt chước và lặp lại một số hành động khám phá đơn giản khi được gợi ý (sờ, lắc, nhìn, thử).</p> <p>Thử nhiều cách đơn giản để khám phá đồ vật (cầm, lắc, ném, gõ) khi có gợi ý.</p>	<p>- Khám phá đồ chơi/cách chơi đồ vật theo mẫu cô: sờ, lắc, nhìn, thử</p> <p>- Trò chơi thao tác với đồ vật: cầm – gõ – lắc – ném bóng mềm, xúc xắc, chai nhựa an toàn; “làm theo cô”: cô làm trước, trẻ bắt chước và lặp lại hành động đơn giản</p> <p>- Chơi trong góc chơi: góc mở khám phá đồ vật: cho trẻ tự thử nhiều cách tác động vào đồ vật</p> <p>- Trò chơi cảm giác - vận động với đồ vật: nghe tiếng kêu, tạo âm thanh, di chuyển đồ vật</p>
				
5. Nghệ thuật	1. Cảm thụ nghệ thuật	NgT1. Cảm thụ vẻ đẹp trong cuộc sống và nghệ thuật	NgT1.1. Thể hiện cảm xúc bằng những cách khác nhau (thích/không thích, dễ chịu/khó chịu, tán thưởng, hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, đung đưa, lắc lư...) khi tiếp xúc với vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc	Trẻ chủ động thể hiện cảm xúc như nói “thích”, vỗ tay, nhún nhảy, hát theo và làm theo một số động tác đơn giản.	<p>- Hát – múa đơn giản theo nhạc: trẻ vỗ tay, nhún nhảy, làm theo động tác cô</p> <p>- Trò chơi âm nhạc: nghe nhạc vui – buồn, trẻ thể hiện cảm xúc bằng cử chỉ hoặc từ “thích”</p> <p>- Kể chuyện có minh họa cảm xúc: trẻ phản ứng vui, buồn, cười, vỗ tay theo nhân vật</p> <p>- Trò chơi vận động theo nhịp: làm theo cô các động tác đơn giản (vẫy tay, lắc người, giậm chân)</p>

			sống và nghệ thuật.		- Biểu lộ cảm xúc hằng ngày: trong chơi, ăn, học, trẻ nói “thích”, vỗ tay, thể hiện vui vẻ
				

Bước 3. Lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức

Lĩnh vực phát triển	Năng lực cốt lõi	Yêu cầu cần đạt chung (36 tháng)	Năng lực (yêu cầu cần đạt) độ tuổi 18-24 tháng	Nội dung giáo dục	Phương pháp, hình thức tổ chức	
1. Thể chất	1. Tham gia tích cực vào hoạt động thể chất và thích ứng với sự thay đổi	TC1. Tích cực tham gia vào các hoạt động thể chất	TC1.1. Vui vẻ, hào hứng tham gia vào các hoạt động thể chất.	Hứng thú tham gia vận động đơn giản, biết bắt chước, thể hiện vui vẻ, đôi lúc chủ động khi được gợi ý.	- Đi, bò, đứng lên – ngồi xuống, nhún nhảy, leo thấp - Vận động đơn giản: “đi theo cô”, “bắt chước cô làm”, “chuyên bóng”, “cùng nhún nhảy” - Vận động theo bài hát: trẻ làm theo động tác minh họa trong bài hát ngắn - Lập lại động tác nhiều lần một vận động để hoàn thành yêu cầu - Vận động theo tình huống: có gợi ý của cô để trẻ tham gia và cố gắng thực hiện đến cùng	- GV làm mẫu rõ ràng, hướng dẫn từng bước, cho trẻ quan sát và bắt chước các động tác mẫu của cô, hỗ trợ nhẹ khi cần - Sử dụng trò chơi, bài hát ngắn để thu hút trẻ tham gia. - Khuyến khích trẻ lặp lại động tác nhiều lần trong trò chơi để hoàn thành nhiệm vụ. - Luôn khuyến khích, động viên kịp thời để trẻ vui vẻ, hứng thú và dần biết tham gia chủ động khi được gợi ý và tự tin cố gắng thực hiện vận động đến cùng.
		TC1.2. Cố gắng hoàn thành nhiệm vụ thể chất với sự hỗ trợ	Cố gắng hoàn thành vận động đơn giản với hỗ trợ nhẹ.	- Ăn, ngủ, vệ sinh theo nề nếp qua các hoạt động lặp lại hằng ngày: rửa tay, ngồi ăn đúng chỗ, tự xúc ăn đơn giản - Ngủ theo lịch cố định: đi ngủ đúng giờ, nằm đúng chỗ, nghe cô ru hoặc kể chuyện ngắn	- Rèn luyện qua sinh hoạt hằng ngày, lặp lại thường xuyên - Tổ chức theo quy trình cố định (ăn – ngủ – vệ sinh) - Hướng dẫn trực tiếp, làm mẫu kết hợp nhắc nhở nhẹ nhàng - Tạo môi trường ổn định, quen thuộc	
		TC2. Thích ứng được với sự thay đổi của hoạt động	TC2.1. Duy trì thực hiện các hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh khi có sự thay đổi môi trường	Duy trì tương đối nề nếp ăn, ngủ, vệ sinh khi đổi môi trường, cần hỗ trợ nhẹ.		

		thể chất và chế độ sinh hoạt			<ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh cá nhân: rửa tay, lau mặt, đi vệ sinh có hướng dẫn - Chuyển tiếp các nội dung sinh hoạt trong ngày: từ chơi sang ăn, ăn sang ngủ theo trình tự quen thuộc - Rèn thói quen hằng ngày lặp lại để hình thành nề nếp 	<ul style="list-style-type: none"> - Trấn an, hỗ trợ cá nhân khi trẻ chưa thích nghi
			TC2.2. Tham gia hoạt động thể chất khi có sự thay đổi về địa điểm, yêu cầu hoạt động, bạn cùng chơi.	Tham gia vận động khi có thay đổi (địa điểm, hoạt động, bạn chơi) với hỗ trợ nhẹ.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi, chạy, bò, nhún nhảy khi thay đổi địa điểm - Chơi trò chơi vận động theo nhóm nhỏ: thay đổi bạn chơi, thay đổi vị trí chơi - Chơi trò chơi giải quyết tình huống vận động: chuyển từ hoạt động này sang hoạt động khác (đi lấy đồ, di chuyển theo yêu cầu) - Vận động theo nhạc: thay đổi động tác, nhịp điệu và không gian chơi - Chuyển tiếp các vận động có hướng dẫn, hỗ trợ khi có thay đổi 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động linh hoạt trong lớp, ngoài trời, thay đổi nhóm - Dạy qua trò chơi vận động và tình huống trải nghiệm - Làm mẫu – gợi ý – hỗ trợ khi chuyển hoạt động - Cho trẻ trải nghiệm lặp lại trong nhiều bối cảnh khác nhau - Khuyến khích bằng lời nói, động viên trực tiếp
					
2. Tình cảm - xã hội	1. Nhận biết và quản lý bản thân	TX1. Nhận biết về bản thân	TX1.1. Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh khi được hỏi	Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh khi được hỏi, có thể chỉ hoặc gọi tên.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết bản thân qua quan sát qua gương. - Nhận ra bản thân qua xem tranh/ảnh cá nhân - Chơi các Trò chơi nhận diện cá nhân - Xem video để nhận ra cá nhân 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động cá nhân kết hợp quan sát gương, tranh ảnh - Trò chơi nhận diện bản thân (chỉ, gọi tên) - Đàm thoại ngắn, hỏi – đáp đơn giản - Kết hợp video, hình ảnh, trải nghiệm trực quan - Khen ngợi, củng cố tích cực

					- Trò chuyện để nhận ra cá nhân	
			TX1.2. Thể hiện nhu cầu của bản thân bằng cử chỉ, hành động, lời nói.	Thể hiện nhu cầu của bản thân bằng lời nói đơn giản, cử chỉ hoặc hành động.	<ul style="list-style-type: none"> - Giao tiếp trong sinh hoạt hằng ngày: ăn, uống, ngủ, vệ sinh để trẻ nói hoặc ra hiệu nhu cầu - Chọn đồ chơi, đồ ăn, quần/áo... bằng từ đơn hoặc cử chỉ thể hiện nhu cầu - Thể hiện nhu cầu trong góc chơi/chơi với đồ chơi - Tình huống giả định quen thuộc: cô tạo tình huống để trẻ bày tỏ mong muốn (ăn, chơi, uống nước) - Trò chuyện ngắn cá nhân: hỏi – đáp đơn giản để trẻ thể hiện nhu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo nhiều tình huống giao tiếp hằng ngày để trẻ được nói và thể hiện nhu cầu như ăn, uống, đi vệ sinh, chơi. - Khuyến khích trẻ dùng từ đơn giản, cử chỉ hoặc kéo tay cô để bày tỏ mong muốn. GV đáp ứng kịp thời, nói mẫu rõ ràng để trẻ bắt chước. - Thường xuyên trò chuyện, đặt câu hỏi ngắn để trẻ mạnh dạn thể hiện nhu cầu của mình.
			TX1.3. Thể hiện điều bản thân thích hoặc không thích thông qua hành vi, lời nói	Thể hiện thích/không thích bằng lời nói đơn giản, cử chỉ rõ ràng.	<ul style="list-style-type: none"> - Chọn đồ chơi, đồ vật yêu thích: trẻ nói “thích/không thích” hoặc chỉ tay, gật/lắc đầu - Chọn bài hát yêu thích và thể hiện cảm xúc - Trải nghiệm món ăn/đồ dùng quen thuộc: trẻ bày tỏ thích hoặc không thích - Trò chơi “con chọn gì”: cô đưa 2 lựa chọn để trẻ phản hồi bằng lời hoặc cử chỉ - Giao tiếp hằng ngày: trong ăn, chơi, học, trẻ thể hiện cảm xúc với sự gợi hỏi của cô 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các hoạt động gần gũi để trẻ được lựa chọn và bày tỏ cảm xúc như đồ chơi, bài hát, món ăn. - Khuyến khích trẻ nói từ đơn giản “thích”, “không thích” hoặc dùng cử chỉ như gật đầu, lắc đầu, chỉ tay. - GV quan sát, gợi hỏi ngắn và phản hồi tích cực để trẻ mạnh dạn thể hiện cảm xúc rõ ràng hơn.

					<ul style="list-style-type: none"> - Chơi tự do có gợi ý cảm xúc (chơi với đồ chơi, góc chơi): trẻ vui khi chơi, cô gợi hỏi “con vui không?”, “con thích không?” - Chơi tình huống đơn giản: “mất đồ chơi”, “chia đồ chơi”, “được - không được lấy đồ” để trẻ trải nghiệm vui/buồn/tức - Kể chuyện có tranh minh họa cảm xúc: nhân vật vui, buồn, khóc, cười để trẻ quan sát và gọi tên - Hát, nhún nhảy, vỗ tay biểu lộ cảm xúc - Sinh hoạt hằng ngày (ăn, chơi, vệ sinh: gọi tên cảm xúc khi trải nghiệm tình huống thực tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo các tình huống gần gũi để trẻ trải nghiệm cảm xúc như vui khi chơi, buồn khi mất đồ chơi, tức khi không được đáp ứng. - GV gọi tên cảm xúc đơn giản (vui, buồn, khóc, cười) và gợi ý trẻ thể hiện bằng lời nói ngắn hoặc cử chỉ. - Quan sát, phản hồi kịp thời để trẻ nhận biết và bắt đầu gọi tên cảm xúc của mình.
		TX2. Quản lý bản thân	TX2.1. Nhận ra một số cảm xúc cơ bản của bản thân	Nhận ra một số cảm xúc cơ bản của bản thân qua lời nói đơn giản hoặc cử chỉ.	<ul style="list-style-type: none"> - Chơi tự do có gợi ý cảm xúc (chơi với đồ chơi, góc chơi): trẻ vui khi chơi, cô gợi hỏi “con vui không?”, “con thích không?” - Chơi tình huống đơn giản: “mất đồ chơi”, “chia đồ chơi”, “được - không được lấy đồ” để trẻ trải nghiệm vui/buồn/tức - Kể chuyện có tranh minh họa cảm xúc: nhân vật vui, buồn, khóc, cười để trẻ quan sát và gọi tên - Hát, nhún nhảy, vỗ tay biểu lộ cảm xúc - Sinh hoạt hằng ngày (ăn, chơi, vệ sinh: gọi tên cảm xúc khi trải nghiệm tình huống thực tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo các tình huống gần gũi để trẻ trải nghiệm cảm xúc như vui khi chơi, buồn khi mất đồ chơi, tức khi không được đáp ứng. - GV gọi tên cảm xúc đơn giản (vui, buồn, khóc, cười) và gợi ý trẻ thể hiện bằng lời nói ngắn hoặc cử chỉ. - Quan sát, phản hồi kịp thời để trẻ nhận biết và bắt đầu gọi tên cảm xúc của mình.
			TX2.2. Biểu lộ các cảm xúc khác nhau qua nét mặt, cử chỉ, hành động, lời nói	Biểu lộ một số cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ và vài từ đơn giản.	<ul style="list-style-type: none"> - Chơi góc (chơi tự do có định hướng nhẹ): góc búp bê, góc vận động, góc đồ chơi để trẻ chơi và thể hiện cảm xúc tự nhiên - Âm nhạc - vận động: hát, vỗ tay, nhún nhảy theo nhạc để trẻ bộc lộ vui vẻ - Giao tiếp hằng ngày: trò chuyện khi ăn, chơi, thay đồ để trẻ nói/ biểu lộ “vui”, “thích”, “không” - Xem tranh/ảnh đơn giản: tranh mặt cười, mặt buồn để trẻ quan sát và bắt chước biểu cảm 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo môi trường gần gũi để trẻ được tham gia các hoạt động chơi, hát, vận động. - GV khuyến khích trẻ thể hiện cảm xúc qua nét mặt (cười, nhăn mặt), cử chỉ (vỗ tay, ôm, lắc đầu) và từ đơn giản như “vui”, “thích”, “không”. - Thường xuyên giao tiếp, gọi tên cảm xúc và phản hồi tích cực để trẻ mạnh dạn biểu lộ cảm xúc của mình.

					- Chơi tập thể đơn giản: trò chơi “cùng cười”, “cùng vỗ tay”, “ôm bạn” để trẻ tương tác và thể hiện cảm xúc	
			TX2.3. Dừng lại hoặc thay đổi hành vi khi được người lớn nhắc nhở	Dừng lại hoặc thay đổi hành vi khi được người lớn nhắc nhở	- Các hoạt động sinh hoạt hằng ngày: ăn, ngủ, vệ sinh (rửa tay, ngồi ăn, cất đồ chơi) - Thực hiện quy tắc đơn giản: xếp hàng, chờ lượt, cất đồ chơi sau khi chơi - Trò chơi rèn nề nếp: “ai ngồi ngoan”, “cất đồ nhanh”, “đi nhẹ nhàng”	- GV thường xuyên hướng dẫn trẻ bằng lời nói ngắn gọn, rõ ràng và kết hợp làm mẫu hành vi đúng trong các tình huống hằng ngày. - Khi trẻ có hành vi chưa phù hợp, nhắc nhở nhẹ nhàng, kịp thời để trẻ dừng lại hoặc chuyển sang hành vi đúng. - Tạo thói quen lặp lại các quy tắc đơn giản trong ăn, chơi, sinh hoạt. - Khuyến khích và khen ngợi khi trẻ biết dừng lại hoặc thay đổi hành vi theo hướng dẫn.
					
3. Ngôn ngữ	1. Nghe hiểu	NN1. Lắng nghe và hiểu lời nói	NN1.1. Nghe và thực hiện được theo các hướng dẫn đơn giản bằng lời nói	Hiểu và thực hiện được 1-2 yêu cầu đơn giản bằng lời nói khi có hỗ trợ.	- Làm theo yêu cầu đơn giản: “lấy đồ chơi”, “cất đồ”, “lại đây” trong sinh hoạt và chơi - Trò chơi tình huống quen thuộc - Giao tiếp hằng ngày: trò chuyện ngắn trong ăn, chơi, vệ sinh; hỏi – đáp đơn giản - Trò chơi gọi tên đồ vật: “đây là gì?”, trẻ chỉ tay hoặc nói từ đơn - Hoạt động quan sát - phản ứng: xem đồ vật, tranh ảnh và trả lời bằng từ đơn/cử chỉ theo gợi ý	- GV sử dụng lời nói ngắn gọn, rõ ràng kết hợp cử chỉ để đưa ra 1-2 yêu cầu đơn giản trong sinh hoạt hằng ngày (lấy đồ chơi, cất đồ, lại đây). - Tổ chức tình huống quen thuộc để trẻ nghe - làm theo có hỗ trợ. - Thường xuyên đặt câu hỏi rất đơn giản như “đây là gì?”, “con muốn gì?” và khuyến khích trẻ trả lời bằng từ đơn hoặc cử chỉ. - Kịp thời gợi ý, lặp lại và động viên để trẻ hiểu và phản ứng đúng trong các tình huống quen thuộc.
			NN1.2. Hiểu và trả lời được câu hỏi đơn giản liên quan đến tình huống quen thuộc.	Hiểu và trả lời câu hỏi rất đơn giản trong tình huống quen thuộc bằng từ đơn/cử chỉ.		
					

4. Nhận thức	1. Ham hiểu biết, thích tìm tòi, khám phá	NT1. Thể hiện sự tò mò, thích tìm hiểu khám phá thế giới xung quanh	NT1.1. Thích thú với những điều mới: Chăm chú nhìn, nghe, hỏi về con người, sự vật, hiện tượng	Quan tâm, chỉ tay, đặt câu hỏi đơn giản về người, đồ vật, hiện tượng mới.	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát đồ vật, tranh ảnh, sự vật gần gũi: trẻ chỉ tay, gọi tên, cô gọi hỏi đơn giản - Khám phá đồ vật (góc chơi – học liệu mở): sờ, lắc, cảm, nhìn, nghe đồ vật quen thuộc - Trải nghiệm giác quan: nghe âm thanh, chạm chất liệu, quan sát màu sắc, ánh sáng - Hoạt động ngoài trời: quan sát cây, hoa, con vật, hiện tượng đơn giản và chỉ tay, gọi tên - Trò chơi “tìm và chỉ”: tìm đồ vật theo yêu cầu đơn giản của cô và phản hồi bằng cử chỉ/từ đơn 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo môi trường nhiều đồ vật, hình ảnh, hiện tượng gần gũi để trẻ quan sát, tiếp xúc hàng ngày. - Khuyến khích trẻ chỉ tay, gọi tên hoặc đặt câu hỏi đơn giản về người, đồ vật mới. - Tổ chức hoạt động trải nghiệm để trẻ chủ động dùng tay, mắt, tai khám phá đồ vật quen thuộc như sờ, lắc, nhìn, nghe. - GV gọi mở, trò chuyện ngắn và hỗ trợ để trẻ hứng thú tìm hiểu xung quanh.
			NT1.2. Sử dụng các giác quan để tìm hiểu, khám phá các đối tượng gần gũi xung quanh	Chủ động dùng tay, mắt, tai để khám phá đồ vật quen thuộc (sờ, lắc, nhìn, nghe)		
		NT2. Thể hiện sự chủ động tìm tòi, khám phá thế giới xung quanh	NT2.1. Thực hiện hoặc lặp lại các hành động tìm hiểu, khám phá con người, sự vật hiện tượng gần gũi, theo gợi ý hoặc bắt chước người khác	Bắt chước và lặp lại một số hành động khám phá đơn giản khi được gợi ý (sờ, lắc, nhìn, thử).	<ul style="list-style-type: none"> - Khám phá đồ chơi/cách chơi đồ vật theo mẫu cô: sờ, lắc, nhìn, thử - Trò chơi thao tác với đồ vật: cầm – gõ – lắc – ném bóng mềm, xúc xắc, chai nhựa an toàn; “làm theo cô”: cô làm trước, trẻ bắt chước và lặp lại hành động đơn giản - Chơi trong góc chơi: góc mở khám phá đồ vật: cho trẻ tự thử nhiều cách tác động vào đồ vật - Trò chơi cảm giác - vận động với đồ vật: nghe tiếng kêu, tạo âm thanh, di chuyển đồ vật 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các hoạt động khám phá đồ vật quen thuộc, an toàn để trẻ được quan sát và làm theo mẫu của GV. - Khuyến khích trẻ bắt chước các hành động đơn giản như sờ, lắc, nhìn, thử với đồ vật khi được gợi ý. - Tạo cơ hội cho trẻ thử nhiều cách tác động vào đồ vật như cầm, lắc, gõ, ném trong phạm vi an toàn. - GV hướng dẫn ngắn gọn, làm mẫu rõ ràng và hỗ trợ kịp thời để trẻ hứng thú khám phá.
			NT2.2. Thử các cách khác nhau để khám phá thế giới đồ vật	Thử nhiều cách đơn giản để khám phá đồ vật (cầm, lắc, ném, gõ) khi có gợi ý.		
.....						

<p>5. Nghệ thuật</p>	<p>1. Cảm thụ nghệ thuật</p>	<p>NgT1. Cảm thụ về đẹp trong cuộc sống và nghệ thuật</p>	<p>NgT1.1. Thể hiện cảm xúc bằng những cách khác nhau (thích/không thích, dễ chịu/khó chịu, tán thưởng, hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, đung đưa, lắc lư...) khi tiếp xúc với vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.</p>	<p>Trẻ chủ động thể hiện cảm xúc như nói “thích”, vỗ tay, nhún nhảy, hát theo và làm theo một số động tác đơn giản.</p>	<p>- Hát – múa đơn giản theo nhạc: trẻ vỗ tay, nhún nhảy, làm theo động tác cô - Trò chơi âm nhạc: nghe nhạc vui – buồn, trẻ thể hiện cảm xúc bằng cử chỉ hoặc từ “thích” - Kể chuyện có minh họa cảm xúc: trẻ phản ứng vui, buồn, cười, vỗ tay theo nhân vật - Trò chơi vận động theo nhịp: làm theo cô các động tác đơn giản (vẫy tay, lắc người, giậm chân) - Biểu lộ cảm xúc hằng ngày: trong chơi, ăn, học, trẻ nói “thích”, vỗ tay, thể hiện vui vẻ</p>	<p>- Tổ chức các hoạt động âm nhạc, vận động, kể chuyện và trò chơi để trẻ được bộc lộ cảm xúc. - Khuyến khích trẻ nói từ đơn giản như “thích”, vỗ tay, nhún nhảy, hát theo vài câu ngắn và làm theo một số động tác minh họa đơn giản. - GV làm mẫu rõ ràng, lặp lại nhiều lần và tạo không khí vui vẻ để trẻ mạnh dạn tham gia và thể hiện cảm xúc.</p>
<p>....</p>	<p>....</p>	<p>....</p>	<p>....</p>	<p>....</p>	<p>....</p>	<p>....</p>

Bước 4. Chuẩn bị môi trường và học liệu

Lĩnh vực phát triển	Năng lực cốt lõi		Yêu cầu cần đạt chung (36 tháng)	Năng lực (yêu cầu cần đạt) độ tuổi 18-24 tháng	Nội dung giáo dục	Phương pháp, hình thức tổ chức	Môi trường, học liệu
1. Thể chất	1. Tham gia tích cực vào hoạt động thể chất và thích ứng với sự thay đổi	TC1. Tích cực tham gia vào các hoạt động thể chất	TC1.1. Vui vẻ, hào hứng tham gia vào các hoạt động thể chất.	Hứng thú tham gia vận động đơn giản, biết bắt chước, thể hiện vui vẻ, đôi lúc chủ động khi được gợi ý.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi, bò, đứng lên – ngồi xuống, nhún nhảy, leo thấp - Vận động đơn giản: “đi theo cô”, “bắt chước cô làm”, “chuyền bóng”, “cùng nhún nhảy” - Vận động theo bài hát: trẻ làm theo động tác minh họa trong bài hát ngắn - Lặp lại động tác nhiều lần một vận động để hoàn thành yêu cầu - Vận động theo tình huống: có gợi ý của cô để trẻ tham gia và cố gắng thực hiện đến cùng 	<ul style="list-style-type: none"> - GV làm mẫu rõ ràng, hướng dẫn từng bước, cho trẻ quan sát và bắt chước các động tác mẫu của cô, hỗ trợ nhẹ khi cần - Sử dụng trò chơi, bài hát ngắn để thu hút trẻ tham gia. - Khuyến khích trẻ lặp lại động tác nhiều lần trong trò chơi để hoàn thành nhiệm vụ. - Luôn khuyến khích, động viên kịp thời để trẻ vui vẻ, hứng thú và dần biết tham gia chủ động khi được gợi ý và tự tin cố gắng thực hiện vận động đến cùng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không gian an toàn, rộng rãi, có khu vận động trong lớp và ngoài trời (đi, bò, nhún nhảy, leo thấp). - Dụng cụ đơn giản, an toàn: bóng mềm, vòng, khối xốp, ghế thấp, thảm. - Nhạc, bài hát ngắn có nhịp rõ để trẻ vận động theo. - Thẻ tranh, đồ vật mẫu giúp trẻ quan sát và bắt chước. - Bố trí hoạt động linh hoạt, cho trẻ được lặp lại vận động và chơi cùng bạn trong nhóm nhỏ.
			TC1.2. Cố gắng hoàn thành nhiệm vụ thể chất với sự hỗ trợ	Cố gắng hoàn thành vận động đơn giản với hỗ trợ nhẹ.			
		TC2. Thích ứng được với sự thay đổi của hoạt động thể chất và	TC2.1. Duy trì thực hiện các hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh khi có sự thay đổi môi trường	Duy trì tương đối nề nếp ăn, ngủ, vệ sinh khi đổi môi trường, cần hỗ trợ nhẹ.	<ul style="list-style-type: none"> - Ăn, ngủ, vệ sinh theo nề nếp qua các hoạt động lặp lại hằng ngày: rửa tay, ngồi ăn đúng chỗ, tự xúc ăn đơn giản - Ngủ theo lịch cố định: đi ngủ đúng giờ, nằm đúng chỗ, nghe cô ru hoặc kể chuyện ngắn 	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện qua sinh hoạt hằng ngày, lặp lại thường xuyên - Tổ chức theo quy trình cố định (ăn – ngủ – vệ sinh) - Hướng dẫn trực tiếp, làm mẫu kết 	<ul style="list-style-type: none"> - Không gian sinh hoạt ổn định, quen thuộc, bố trí rõ khu ăn, ngủ, vệ sinh, chơi. - Bàn ghế, giường, khu vệ sinh phù hợp tầm với trẻ, an toàn, dễ sử dụng.

		chế độ sinh hoạt		<ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh cá nhân: rửa tay, lau mặt, đi vệ sinh có hướng dẫn - Chuyên tiếp các nội dung sinh hoạt trong ngày: từ chơi sang ăn, ăn sang ngủ theo trình tự quen thuộc - Rèn thói quen hằng ngày lặp lại để hình thành nề nếp 	<p>hợp nhắc nhở nhẹ nhàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo môi trường ổn định, quen thuộc - Trấn an, hỗ trợ cá nhân khi trẻ chưa thích nghi 	<ul style="list-style-type: none"> - Đồ dùng ăn uống cá nhân đầy đủ: bát, thìa, cốc riêng cho trẻ. - Đồ dùng vệ sinh: khăn, chậu rửa tay, xà phòng đặt ở vị trí dễ tiếp cận. - Khu ngủ yên tĩnh, ánh sáng dịu, có chỗ nằm riêng cho từng trẻ. - Hình ảnh, ký hiệu đơn giản (rửa tay, ăn, ngủ) giúp trẻ nhận biết nề nếp. - Đồ dùng quen thuộc giúp trẻ dễ thích nghi khi thay đổi môi trường, hỗ trợ duy trì thói quen ăn, ngủ, vệ sinh.
		TC2.2. Tham gia hoạt động thể chất khi có sự thay đổi về địa điểm, yêu cầu hoạt động, bạn cùng chơi.	Tham gia vận động khi có thay đổi (địa điểm, hoạt động, bạn chơi) với hỗ trợ nhẹ.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi, chạy, bò, nhún nhảy khi thay đổi địa điểm - Chơi trò chơi vận động theo nhóm nhỏ: thay đổi bạn chơi, thay đổi vị trí chơi - Chơi trò chơi giải quyết tình huống vận động: chuyển từ hoạt động này sang hoạt động khác (đi lấy đồ, di chuyển theo yêu cầu) - Vận động theo nhạc: thay đổi động tác, nhịp điệu và không gian chơi 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động linh hoạt trong lớp, ngoài trời, thay đổi nhóm - Dạy qua trò chơi vận động và tình huống trải nghiệm - Làm mẫu – gợi ý – hỗ trợ khi chuyển hoạt động - Cho trẻ trải nghiệm lặp lại trong nhiều bối cảnh khác nhau - Khuyến khích bằng lời nói, động viên trực tiếp 	<ul style="list-style-type: none"> - Không gian vận động linh hoạt: trong lớp, ngoài trời, có khu vực thay đổi dễ di chuyển. - Sắp xếp khu chơi theo nhóm nhỏ, dễ thay đổi vị trí và bạn chơi. - Đảm bảo an toàn, có lối đi rõ ràng để trẻ di chuyển khi thay đổi hoạt động. - Dụng cụ vận động đơn giản: bóng mềm, vòng, gậy xóp, thảm, ghế thấp.

					- Chuyển tiếp các vận động có hướng dẫn, hỗ trợ khi có thay đổi		- Nhạc, loa phục vụ hoạt động vận động theo nhạc với nhịp rõ ràng. - Thẻ hình/biểu tượng đơn giản giúp trẻ nhận biết hoạt động chuyển tiếp. - Bố trí đồ dùng dễ lấy, dễ cất để trẻ tham gia các tình huống vận động chuyển đổi.
						
2. Tình cảm - xã hội	1. Nhận biết và quản lý bản thân	TX1. Nhận biết về bản thân	TX1.1. Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh khi được hỏi	Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh khi được hỏi, có thể chỉ hoặc gọi tên.	- Nhận biết bản thân qua quan sát qua gương. - Nhận ra bản thân qua xem tranh/ảnh cá nhân - Chơi các Trò chơi nhận diện cá nhân - Xem video để nhận ra cá nhân - Trò chuyện để nhận ra cá nhân	- Hoạt động cá nhân kết hợp quan sát gương, tranh ảnh - Trò chơi nhận diện bản thân (chỉ, gọi tên) - Đàm thoại ngắn, hỏi – đáp đơn giản - Kết hợp video, hình ảnh, trải nghiệm trực quan - Khen ngợi, củng cố tích cực	- Có gương an toàn, kích thước phù hợp đặt ở tầm mắt trẻ. - Bộ ảnh cá nhân từng trẻ và ảnh hoạt động hằng ngày (ăn, chơi, ngủ). - Thiết bị đơn giản (điện thoại, máy tính bảng, tivi) để xem video ngắn của trẻ. - Góc học tập yên tĩnh, ánh sáng tốt để trẻ dễ quan sát gương và ảnh. - Thẻ ảnh/khung ảnh rõ nét, dễ nhận biết khuôn mặt trẻ. - Không gian tổ chức trò chơi “ai đây” đơn giản, gần gũi, không gây phân tán.

							<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị lời gọi hỏi ngắn, rõ ràng để hỗ trợ trẻ nhận ra và chỉ/gọi tên bản thân.
			<p>TX1.2. Thể hiện nhu cầu của bản thân bằng cử chỉ, hành động, lời nói.</p>	<p>Thể hiện nhu cầu của bản thân bằng lời nói đơn giản, cử chỉ hoặc hành động.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giao tiếp trong sinh hoạt hằng ngày: ăn, uống, ngủ, vệ sinh để trẻ nói hoặc ra hiệu nhu cầu - Chọn đồ chơi, đồ ăn, quần/áo... bằng từ đơn hoặc cử chỉ thể hiện nhu cầu - Thể hiện nhu cầu trong góc chơi/chơi với đồ chơi - Tình huống giả định quen thuộc: cô tạo tình huống để trẻ bày tỏ mong muốn (ăn, chơi, uống nước) - Trò chuyện ngắn cá nhân: hỏi – đáp đơn giản để trẻ thể hiện nhu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo nhiều tình huống giao tiếp hằng ngày để trẻ được nói và thể hiện nhu cầu như ăn, uống, đi vệ sinh, chơi. - Khuyến khích trẻ dùng từ đơn giản, cử chỉ hoặc kéo tay cô để bày tỏ mong muốn. GV đáp ứng kịp thời, nói mẫu rõ ràng để trẻ bắt chước. - Thường xuyên trò chuyện, đặt câu hỏi ngắn để trẻ mạnh dạn thể hiện nhu cầu của mình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không gian sinh hoạt gần gũi, quen thuộc với các khu: ăn, uống, chơi, ngủ, vệ sinh rõ ràng. - Đồ dùng sinh hoạt và đồ chơi đặt vừa tầm với trẻ để trẻ dễ lựa chọn, lấy và yêu cầu. - Bộ đồ chơi đa dạng trong các góc chơi (búp bê, xếp hình, đồ chơi vận động...) để trẻ bày tỏ nhu cầu. - Tranh/thẻ hình đơn giản về nhu cầu (ăn, uống, ngủ, đi vệ sinh, chơi) để trẻ chỉ và lựa chọn. - Góc chơi “chọn đồ” hoặc “con muốn gì” với đồ vật thật, an toàn. - Không gian trò chuyện cá nhân yên tĩnh để trẻ dễ giao tiếp với cô. - Chuẩn bị tình huống giả định đơn giản (thiếu đồ chơi, muốn uống nước...) để trẻ thể hiện nhu

							câu bằng lời nói/cử chỉ/hành động.
		TX1.3. Thể hiện điều bản thân thích hoặc không thích thông qua hành vi, lời nói	Thể hiện thích/không thích bằng lời nói đơn giản, cử chỉ rõ ràng.	<ul style="list-style-type: none"> - Chọn đồ chơi, đồ vật yêu thích: trẻ nói “thích/không thích” hoặc chỉ tay, gật/lắc đầu - Chọn bài hát yêu thích và thể hiện cảm xúc - Trải nghiệm món ăn/đồ dùng quen thuộc: trẻ bày tỏ thích hoặc không thích - Trò chơi “con chọn gì”: cô đưa 2 lựa chọn để trẻ phản hồi bằng lời hoặc cử chỉ - Giao tiếp hằng ngày: trong ăn, chơi, học, trẻ thể hiện cảm xúc với sự gọi hỏi của cô 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các hoạt động gắn gũi để trẻ được lựa chọn và bày tỏ cảm xúc như đồ chơi, bài hát, món ăn. - Khuyến khích trẻ nói từ đơn giản “thích”, “không thích” hoặc dùng cử chỉ như gật đầu, lắc đầu, chỉ tay. - GV quan sát, gọi hỏi ngắn và phản hồi tích cực để trẻ mạnh dạn thể hiện cảm xúc rõ ràng hơn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không gian sinh hoạt quen thuộc, gần gũi, tạo nhiều cơ hội lựa chọn cho trẻ (chơi, ăn, học). - Đồ chơi, đồ vật, món ăn đa dạng, an toàn để trẻ dễ bày tỏ thích/không thích. - Góc âm nhạc có loa, nhạc cụ đơn giản và danh sách bài hát để trẻ lựa chọn. - Tranh/thẻ hình “thích - không thích”, “gật - lắc” hỗ trợ trẻ biểu đạt bằng cử chỉ. - Bộ đồ vật theo cặp lựa chọn (2 phương án) để tổ chức trò chơi “con chọn gì”. - Không gian trải nghiệm đồ ăn/đồ dùng quen thuộc phù hợp lứa tuổi. - Tình huống sinh hoạt hằng ngày được sắp xếp linh hoạt để trẻ dễ thể hiện cảm xúc. 	
TX2. Quản lý bản thân	TX2.1. Nhận ra một số cảm xúc	Nhận ra một số cảm xúc cơ bản của bản thân	<ul style="list-style-type: none"> - Chơi tự do có gợi ý cảm xúc (chơi với đồ chơi, góc chơi): trẻ vui khi 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo các tình huống gần gũi để trẻ trải nghiệm cảm 	<ul style="list-style-type: none"> - Góc chơi an toàn, gần gũi để trẻ dễ bộc lộ cảm xúc. 		

			<p>cơ bản của bản thân</p> <p>qua lời nói đơn giản hoặc cử chỉ.</p>	<p>chơi, cô gọi hỏi “con vui không?”, “con thích không?”</p> <p>- Chơi tình huống đơn giản: “mất đồ chơi”, “chia đồ chơi”, “được - không được lấy đồ” để trẻ trải nghiệm vui/buồn/tức</p> <p>- Kể chuyện có tranh minh họa cảm xúc: nhân vật vui, buồn, khóc, cười để trẻ quan sát và gọi tên</p> <p>- Hát, nhún nhảy, vỗ tay biểu lộ cảm xúc</p> <p>- Sinh hoạt hằng ngày (ăn, chơi, vệ sinh: gọi tên cảm xúc khi trải nghiệm tình huống thực tế</p>	<p>xúc như vui khi chơi, buồn khi mất đồ chơi, tức khi không được đáp ứng.</p> <p>- GV gọi tên cảm xúc đơn giản (vui, buồn, khóc, cười) và gợi ý trẻ thể hiện bằng lời nói ngắn hoặc cử chỉ.</p> <p>- Quan sát, phản hồi kịp thời để trẻ nhận biết và bắt đầu gọi tên cảm xúc của mình.</p>	<p>- Đồ chơi quen thuộc tạo tình huống vui, buồn, chia sẻ.</p> <p>- Tranh/thẻ hình cảm xúc: vui, buồn, cười, khóc.</p> <p>- Truyện tranh ngắn có nhân vật thể hiện cảm xúc rõ ràng.</p> <p>- Nhạc đơn giản phục vụ hoạt động vui nhộn, vận động.</p> <p>- Không gian sinh hoạt hằng ngày thuận tiện để trẻ được gọi hỏi và gọi tên cảm xúc.</p>
		<p>TX2.2. Biểu lộ các cảm xúc khác nhau qua nét mặt, cử chỉ, hành động, lời nói</p>	<p>Biểu lộ một số cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ và vài từ đơn giản.</p>	<p>- Chơi góc (chơi tự do có định hướng nhẹ): góc búp bê, góc vận động, góc đồ chơi để trẻ chơi và thể hiện cảm xúc tự nhiên</p> <p>- Âm nhạc - vận động: hát, vỗ tay, nhún nhảy theo nhạc để trẻ bộc lộ vui vẻ</p> <p>- Giao tiếp hằng ngày: trò chuyện khi ăn, chơi, thay đồ để trẻ nói/biểu lộ “vui”, “thích”, “không”</p> <p>- Xem tranh/ảnh đơn giản: tranh mặt cười, mặt buồn để trẻ quan sát và bắt chước biểu cảm</p> <p>- Chơi tập thể đơn giản: trò chơi “cùng cười”, “cùng vỗ tay”, “ôm bạn”</p>	<p>- Tạo môi trường gần gũi để trẻ được tham gia các hoạt động chơi, hát, vận động.</p> <p>- GV khuyến khích trẻ thể hiện cảm xúc qua nét mặt (cười, nhăn mặt), cử chỉ (vỗ tay, ôm, lắc đầu) và từ đơn giản như “vui”, “thích”, “không”.</p> <p>- Thường xuyên giao tiếp, gọi tên cảm xúc và phản hồi tích cực để trẻ mạnh dạn biểu lộ cảm xúc của mình.</p>	<p>- Không gian chơi an toàn, gần gũi, có các góc: búp bê, vận động, chơi tự do.</p> <p>- Đồ chơi đa dạng, dễ thao tác để trẻ thể hiện cảm xúc khi chơi.</p> <p>- Thẻ tranh mặt cười – mặt buồn, hình ảnh cảm xúc đơn giản.</p> <p>- Nhạc, loa và nhạc cụ đơn giản cho hoạt động hát, vỗ tay, nhún nhảy.</p> <p>- Không gian giao tiếp hằng ngày thuận lợi (ăn, chơi, thay đồ).</p>

					để trẻ tương tác và thể hiện cảm xúc		- Khu vực chơi nhóm nhỏ để trẻ tương tác, thể hiện cảm xúc qua cử chỉ.
			TX2.3. Dừng lại hoặc thay đổi hành vi khi được người lớn nhắc nhở	Dừng lại hoặc thay đổi hành vi khi được người lớn nhắc nhở	<p>- Các hoạt động sinh hoạt hằng ngày: ăn, ngủ, vệ sinh (rửa tay, ngồi ăn, cất đồ chơi)</p> <p>- Thực hiện quy tắc đơn giản: xếp hàng, chờ lượt, cất đồ chơi sau khi chơi</p> <p>- Trò chơi rèn nề nếp: “ai ngồi ngoan”, “cất đồ nhanh”, “đi nhẹ nhàng”</p>	<p>- GV thường xuyên hướng dẫn trẻ bằng lời nói ngắn gọn, rõ ràng và kết hợp làm mẫu hành vi đúng trong các tình huống hằng ngày.</p> <p>- Khi trẻ có hành vi chưa phù hợp, nhắc nhở nhẹ nhàng, kịp thời để trẻ dừng lại hoặc chuyển sang hành vi đúng.</p> <p>- Tạo thói quen lặp lại các quy tắc đơn giản trong ăn, chơi, sinh hoạt.</p> <p>- Khuyến khích và khen ngợi khi trẻ biết dừng lại hoặc thay đổi hành vi theo hướng dẫn.</p>	<p>- Không gian sinh hoạt có quy định rõ ràng khu ăn, ngủ, chơi, vệ sinh để trẻ dễ hình thành nề nếp.</p> <p>- Bàn ghế, đồ dùng sắp xếp gọn gàng, giúp trẻ dễ thực hiện quy tắc (ngồi đúng chỗ, xếp hàng).</p> <p>- Tranh/biểu tượng đơn giản về quy tắc: “ngồi ngoan”, “cất đồ”, “xếp hàng”, “đi nhẹ”.</p> <p>- Đồ chơi dễ thu dọn để rèn thói quen cất đồ sau khi chơi.</p> <p>- Khu vực chơi nhóm nhỏ để tổ chức trò chơi rèn nề nếp.</p> <p>- Không gian chuyển tiếp (chơi – ăn – ngủ) rõ ràng để trẻ dễ dừng và thay đổi hành vi theo hướng dẫn.</p>
						

3. Ngôn ngữ	1. Nghe hiểu	NN1. Lắng nghe và hiểu lời nói	<p>NN1.1. Nghe và thực hiện được theo các hướng dẫn đơn giản bằng lời nói khi có hỗ trợ.</p>	<p>Hiểu và thực hiện được 1–2 yêu cầu đơn giản bằng lời nói khi có hỗ trợ.</p>	<p>- Làm theo yêu cầu đơn giản: “lấy đồ chơi”, “cắt đồ”, “lại đây” trong sinh hoạt và chơi</p> <p>- Trò chơi tình huống quen thuộc</p> <p>- Giao tiếp hằng ngày: trò chuyện ngắn trong ăn, chơi, vệ sinh; hỏi – đáp đơn giản</p> <p>- Trò chơi gọi tên đồ vật: “đây là gì?”, trẻ chỉ tay hoặc nói từ đơn - Hoạt động quan sát - phản ứng: xem đồ vật, tranh ảnh và trả lời bằng từ đơn/cử chỉ theo gợi ý</p>	<p>- GV sử dụng lời nói ngắn gọn, rõ ràng kết hợp cử chỉ để đưa ra 1–2 yêu cầu đơn giản trong sinh hoạt hằng ngày (lấy đồ chơi, cắt đồ, lại đây).</p> <p>- Tổ chức tình huống quen thuộc để trẻ nghe - làm theo có hỗ trợ.</p> <p>- Thường xuyên đặt câu hỏi rất đơn giản như “đây là gì?”, “con muốn gì?” và khuyến khích trẻ trả lời bằng từ đơn hoặc cử chỉ.</p> <p>- Kịp thời gợi ý, lặp lại và động viên để trẻ hiểu và phản ứng đúng trong các tình huống quen thuộc.</p>	<p>- Không gian sinh hoạt quen thuộc, sắp xếp rõ khu chơi, ăn, vệ sinh để dễ thực hiện yêu cầu.</p> <p>- Đồ dùng, đồ chơi đặt vừa tầm tay để trẻ dễ “lấy, cất, đưa”.</p> <p>- Tranh, thẻ hình đồ vật quen thuộc để trẻ gọi tên hoặc chỉ tay.</p> <p>- Đồ dùng sinh hoạt hằng ngày (dép, bát, thìa, khăn...) phục vụ tình huống thực hành.</p> <p>- Góc chơi đơn giản để tổ chức trò chơi “làm theo yêu cầu”.</p> <p>- Không gian giao tiếp gần gũi để cô dễ trò chuyện, hỏi – đáp ngắn với trẻ.</p> <p>- Học liệu trực quan (ảnh, đồ vật thật) để hỗ trợ trẻ hiểu và phản ứng bằng từ đơn/cử chỉ.</p>
			<p>NN1.2. Hiểu và trả lời được câu hỏi đơn giản liên quan đến tình huống quen thuộc.</p>	<p>Hiểu và trả lời câu hỏi rất đơn giản trong tình huống quen thuộc bằng từ đơn/cử chỉ.</p>			
						

4. Nhận thức	1. Ham hiểu biết, thích tìm tòi, khám phá	NT1. Thể hiện sự tò mò, thích tìm hiểu khám phá thế giới xung quanh	NT1.1. Thích thú với những điều mới: Chăm chú nhìn, nghe, hỏi về con người, sự vật, hiện tượng	Quan tâm, chỉ tay, đặt câu hỏi đơn giản về người, đồ vật, hiện tượng mới.	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát đồ vật, tranh ảnh, sự vật gần gũi: trẻ chỉ tay, gọi tên, cô gọi hỏi đơn giản - Khám phá đồ vật (góc chơi – học liệu mở): sờ, lắc, cầm, nhìn, nghe đồ vật quen thuộc - Trải nghiệm giác quan: nghe âm thanh, chạm chất liệu, quan sát màu sắc, ánh sáng - Hoạt động ngoài trời: quan sát cây, hoa, con vật, hiện tượng đơn giản và chỉ tay, gọi tên - Trò chơi “tìm và chỉ”: tìm đồ vật theo yêu cầu đơn giản của cô và phân hỏi bằng cử chỉ/từ đơn 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo môi trường nhiều đồ vật, hình ảnh, hiện tượng gần gũi để trẻ quan sát, tiếp xúc hằng ngày. - Khuyến khích trẻ chỉ tay, gọi tên hoặc đặt câu hỏi đơn giản về người, đồ vật mới. - Tổ chức hoạt động trải nghiệm để trẻ chủ động dùng tay, mắt, tai khám phá đồ vật quen thuộc như sờ, lắc, nhìn, nghe. - GV gọi mở, trò chuyện ngắn và hỗ trợ để trẻ hứng thú tìm hiểu xung quanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không gian lớp và ngoài trời gần gũi, an toàn, nhiều đồ vật, cây cối, sự vật quen thuộc. - Góc khám phá mở với đồ vật thật để trẻ sờ, lắc, nhìn, nghe. - Tranh ảnh, thẻ hình về đồ vật, con vật, hiện tượng đơn giản. - Học liệu giác quan: đồ vật có âm thanh, màu sắc, chất liệu khác nhau. - Khu vực ngoài trời có cây, hoa, đồ vật tự nhiên để trẻ quan sát và chỉ tay. - Đồ chơi “tìm và chỉ” phục vụ trò chơi theo yêu cầu đơn giản của cô.
			NT1.2. Sử dụng các giác quan để tìm hiểu, khám phá các đối tượng gần gũi xung quanh	Chủ động dùng tay, mắt, tai để khám phá đồ vật quen thuộc (sờ, lắc, nhìn, nghe)			
		NT2. Thể hiện sự chủ động tìm tòi, khám phá thế giới xung quanh	NT2.1. Thực hiện hoặc lặp lại các hành động tìm hiểu, khám phá con người, sự vật hiện tượng gần gũi, theo gợi ý hoặc bắt chước người khác	Bắt chước và lặp lại một số hành động khám phá đơn giản khi được gợi ý (sờ, lắc, nhìn, thử).	<ul style="list-style-type: none"> - Khám phá đồ chơi/cách chơi đồ vật theo mẫu cô: sờ, lắc, nhìn, thử - Trò chơi thao tác với đồ vật: cầm – gõ – lắc – ném bóng mềm, xúc xắc, chai nhựa an toàn; “làm theo cô”: cô làm trước, trẻ bắt chước và lặp lại hành động đơn giản - Chơi trong góc chơi: góc mở khám phá đồ vật: cho trẻ tự thử nhiều cách tác động vào đồ vật 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các hoạt động khám phá đồ vật quen thuộc, an toàn để trẻ được quan sát và làm theo mẫu của GV. - Khuyến khích trẻ bắt chước các hành động đơn giản như sờ, lắc, nhìn, thử với đồ vật khi được gợi ý. - Tạo cơ hội cho trẻ thử nhiều cách tác 	<ul style="list-style-type: none"> - Không gian an toàn, rộng rãi để trẻ dễ thao tác với đồ vật (cầm, lắc, ném, gõ). - Góc khám phá mở với nhiều đồ vật quen thuộc để trẻ thử nghiệm. - Đồ chơi thao tác đơn giản: bóng mềm, xúc xắc, chai nhựa an toàn, hộp, khối xếp.

			NT2.2. Thử các cách khác nhau để khám phá thế giới đồ vật	Thử nhiều cách đơn giản để khám phá đồ vật (cầm, lắc, ném, gõ) khi có gợi ý.	- Trò chơi cảm giác - vận động với đồ vật: nghe tiếng kêu, tạo âm thanh, di chuyển đồ vật	động vào đồ vật như cầm, lắc, gõ, ném trong phạm vi an toàn. - GV hướng dẫn ngắn gọn, làm mẫu rõ ràng và hỗ trợ kịp thời để trẻ hứng thú khám phá.	- Học liệu có âm thanh, chuyển động giúp trẻ sờ, lắc, nghe, nhìn. - Khu vực tổ chức hoạt động “làm theo cô” có không gian quan sát rõ ràng. - Đồ dùng dễ cầm nắm, đa dạng cách sử dụng để trẻ lặp lại hành động khám phá
						
5. Nghệ thuật	1. Cảm thụ nghệ thuật	NgT1. Cảm thụ vẻ đẹp trong cuộc sống và nghệ thuật	NgT1.1. Thể hiện cảm xúc bằng những cách khác nhau (thích/không thích, dễ chịu/khó chịu, tán thưởng, hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, đung đưa, lắc lư...) khi tiếp xúc với vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.	Trẻ chủ động thể hiện cảm xúc như nói “thích”, vỗ tay, nhún nhảy, hát theo và làm theo một số động tác đơn giản.	- Hát – múa đơn giản theo nhạc: trẻ vỗ tay, nhún nhảy, làm theo động tác cô - Trò chơi âm nhạc: nghe nhạc vui – buồn, trẻ thể hiện cảm xúc bằng cử chỉ hoặc từ “thích” - Kể chuyện có minh họa cảm xúc: trẻ phân ứng vui, buồn, cười, vỗ tay theo nhân vật - Trò chơi vận động theo nhịp: làm theo cô các động tác đơn giản (vỗ tay, lắc người, giậm chân) - Biểu lộ cảm xúc hằng ngày: trong chơi, ăn, học, trẻ nói “thích”, vỗ tay, thể hiện vui vẻ	- Tổ chức các hoạt động âm nhạc, vận động, kể chuyện và trò chơi để trẻ được bộc lộ cảm xúc. - Khuyến khích trẻ nói từ đơn giản như “thích”, vỗ tay, nhún nhảy, hát theo vài câu ngắn và làm theo một số động tác minh họa đơn giản. - GV làm mẫu rõ ràng, lặp lại nhiều lần và tạo không khí vui vẻ để trẻ mạnh dạn tham gia và thể hiện cảm xúc.	- Không gian hoạt động âm nhạc, vận động rộng rãi, an toàn, dễ di chuyển. - Thiết bị phát nhạc (loa, nhạc cụ đơn giản) với các bài hát ngắn, vui nhộn. - Tranh minh họa cảm xúc và động tác (vui, buồn, vỗ tay, nhún nhảy...) - Đạo cụ đơn giản: khăn, vòng, trống nhỏ, xúc xắc để trẻ vận động theo nhạc. - Góc kể chuyện có tranh minh họa cảm xúc rõ ràng. - Không gian sinh hoạt hằng ngày thân thiện để trẻ dễ biểu lộ cảm xúc tự nhiên.
						

Bước 5. Thiết kế hoạt động

Lĩnh vực phát triển	Năng lực cốt lõi		Yêu cầu cần đạt chung (36 tháng)	Năng lực (yêu cầu cần đạt) độ tuổi 18-24 tháng	Nội dung giáo dục	Phương pháp, hình thức tổ chức	Môi trường, học liệu	Hoạt động
1. Thể chất	1. Tham gia tích cực vào hoạt động thể chất và thích ứng với sự thay đổi	TC1. Tích cực tham gia vào các hoạt động thể chất	TC1.1. Vui vẻ, hào hứng tham gia vào các hoạt động thể chất.	Hứng thú tham gia vận động đơn giản, biết bắt chước, thể hiện vui vẻ, đôi lúc chủ động khi được gọi ý.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi, bò, đứng lên – ngồi xuống, nhún nhảy, leo thấp - Vận động đơn giản: “đi theo cô”, “bắt chước cô làm”, “chuyên bóng”, “cùng nhún nhảy” - Vận động theo bài hát: trẻ làm theo động tác minh họa trong bài hát ngắn - Lặp lại động tác nhiều lần hoàn thành yêu cầu - Vận động theo tình huống: có gợi ý của cô để trẻ tham gia và cố gắng thực hiện đến cùng 	<ul style="list-style-type: none"> - GV làm mẫu rõ ràng, hướng dẫn từng bước, cho trẻ quan sát và bắt chước các động tác mẫu của cô, hỗ trợ nhẹ khi cần - Sử dụng trò chơi, bài hát ngắn để thu hút trẻ tham gia. - Khuyến khích trẻ lặp lại động tác nhiều lần trong trò chơi để hoàn thành nhiệm vụ. - Luôn khuyến khích, động viên kịp thời để trẻ vui vẻ, hứng thú và dần biết tham gia chủ động khi được gợi ý và tự tin cố gắng thực hiện vận động đến cùng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không gian an toàn, rộng rãi, có khu vận động trong lớp và ngoài trời (đi, bò, nhún nhảy, leo thấp). - Dụng cụ đơn giản, an toàn: bóng mềm, vòng, khối xốp, ghế thấp, thảm. - Nhạc, bài hát ngắn có nhịp rõ để trẻ vận động theo. - Thẻ tranh, đồ vật mẫu giúp trẻ quan sát và bắt chước. - Bố trí hoạt động linh hoạt, cho trẻ được lặp lại vận động và chơi cùng bạn trong nhóm nhỏ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động vận động theo mẫu cô: đi theo hướng thẳng, bò, đứng lên – ngồi xuống, nhún nhảy, leo thấp - Trò chơi vận động đơn giản: “đi theo cô”, “ai bắt chước giỏi nhất”, “chuyên bóng”, “cùng nhún nhảy” - Hoạt động vận động theo bài hát: trẻ làm theo động tác minh họa trong bài hát ngắn - Trò chơi lặp lại động tác: trẻ thực hiện nhiều lần một vận động để hoàn thành yêu cầu - Hoạt động vận động theo tình huống: có gợi ý của cô để trẻ tham gia và cố gắng thực hiện đến cùng
			TC2. Thích	TC2.1. Duy trì thực hiện	Duy trì tương đối	<ul style="list-style-type: none"> - Ăn, ngủ, vệ sinh theo nề nếp 	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện qua sinh hoạt hằng 	<ul style="list-style-type: none"> - Không gian sinh hoạt ổn

		<p>ứng được với sự thay đổi của hoạt động thể chất và chế độ sinh hoạt</p>	<p>các hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh khi có sự thay đổi môi trường</p>	<p>nề nếp ăn, ngủ, vệ sinh khi đổi môi trường, cần hỗ trợ nhẹ.</p>	<p>qua các hoạt động lặp lại hằng ngày: rửa tay, ngồi ăn đúng chỗ, tự xúc ăn đơn giản</p> <p>- Ngủ theo lịch cố định: đi ngủ đúng giờ, nằm đúng chỗ, nghe cô ru hoặc kể chuyện ngắn</p> <p>- Vệ sinh cá nhân: rửa tay, lau mặt, đi vệ sinh có hướng dẫn</p> <p>- Chuyển tiếp các nội dung sinh hoạt trong ngày: từ chơi sang ăn, ăn sang ngủ theo trình tự quen thuộc</p> <p>- Rèn thói quen hằng ngày lặp lại để hình thành nề nếp</p>	<p>ngày, lặp lại thường xuyên</p> <p>- Tổ chức theo quy trình cố định (ăn – ngủ – vệ sinh)</p> <p>- Hướng dẫn trực tiếp, làm mẫu kết hợp nhắc nhở nhẹ nhàng</p> <p>- Tạo môi trường ổn định, quen thuộc</p> <p>- Trấn an, hỗ trợ cá nhân khi trẻ chưa thích nghi</p>	<p>định, quen thuộc, bố trí rõ khu ăn, ngủ, vệ sinh, chơi.</p> <p>- Bàn ghế, giường, khu vệ sinh phù hợp tầm với trẻ, an toàn, dễ sử dụng.</p> <p>- Đồ dùng ăn uống cá nhân đầy đủ: bát, thìa, cốc riêng cho trẻ.</p> <p>- Đồ dùng vệ sinh: khăn, chậu rửa tay, xà phòng đặt ở vị trí dễ tiếp cận.</p> <p>- Khu ngủ yên tĩnh, ánh sáng dịu, có chỗ nằm riêng cho từng trẻ.</p> <p>- Hình ảnh, ký hiệu đơn giản (rửa tay, ăn, ngủ) giúp trẻ nhận biết nề nếp.</p> <p>- Đồ dùng quen thuộc giúp trẻ dễ thích nghi khi thay đổi môi trường, hỗ trợ duy trì thói</p>	<p>sinh theo nề nếp qua các hoạt động lặp lại hằng ngày.</p> <p>- Hoạt động ăn uống theo nề nếp: rửa tay, ngồi ăn đúng chỗ, tự xúc ăn đơn giản</p> <p>- Hoạt động ngủ trưa theo quy trình cố định: đi ngủ đúng giờ, nằm đúng chỗ, nghe cô ru hoặc kể chuyện ngắn</p> <p>- Hoạt động vệ sinh cá nhân: rửa tay, lau mặt, đi vệ sinh có hướng dẫn</p> <p>- Hoạt động chuyển tiếp trong ngày: từ chơi sang ăn, ăn sang ngủ theo trình tự quen thuộc</p> <p>- Hoạt động rèn thói quen hằng ngày lặp lại: thực hiện đều đặn để trẻ hình thành nề nếp</p>
--	--	--	---	--	--	--	--	--

							quen ăn, ngủ, vệ sinh.	
			TC2.2. Tham gia hoạt động thể chất khi có sự thay đổi về địa điểm, yêu cầu hoạt động, bạn cùng chơi.	Tham gia vận động khi có thay đổi (địa điểm, hoạt động, bạn chơi) với hỗ trợ nhẹ.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi, chạy, bò, nhún nhảy khi thay đổi địa điểm - Chơi trò chơi vận động theo nhóm nhỏ: thay đổi bạn chơi, thay đổi vị trí chơi - Chơi trò chơi giải quyết tình huống vận động: chuyển từ hoạt động này sang hoạt động khác (đi lấy đồ, di chuyển theo yêu cầu) - Vận động theo nhạc: thay đổi động tác, nhịp điệu và không gian chơi - Chuyển tiếp các vận động có hướng dẫn, hỗ trợ khi có thay đổi 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động linh hoạt trong lớp, ngoài trời, thay đổi nhóm - Dạy qua trò chơi vận động và tình huống trải nghiệm - Làm mẫu – gợi ý – hỗ trợ khi chuyển hoạt động - Cho trẻ trải nghiệm lặp lại trong nhiều bối cảnh khác nhau - Khuyến khích bằng lời nói, động viên trực tiếp 	<ul style="list-style-type: none"> - Không gian vận động linh hoạt: trong lớp, ngoài trời, có khu vực thay đổi để di chuyển. - Sắp xếp khu chơi theo nhóm nhỏ, để thay đổi vị trí và bạn chơi. - Đảm bảo an toàn, có lối đi rõ ràng để trẻ di chuyển khi thay đổi hoạt động. - Dụng cụ vận động đơn giản: bóng mềm, vòng, gậy xóp, thảm, ghế thấp. - Nhạc, loa phục vụ hoạt động vận động theo nhạc với nhịp rõ ràng. - Thẻ hình/biểu tượng đơn giản giúp trẻ nhận biết hoạt động chuyển tiếp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động vận động trong lớp và ngoài trời: đi dạo, chạy, bò, nhún nhảy khi thay đổi địa điểm - Trò chơi vận động theo nhóm nhỏ: Lộn cầu vòng, Bóng tròn to, con thỏ chim bay cò bay... - Trò chơi tình huống vận động: chuyển từ hoạt động này sang hoạt động khác (đi lấy đồ, di chuyển theo yêu cầu) - Hoạt động vận động theo nhạc: thay đổi động tác, nhịp điệu và không gian chơi - Hoạt động chuyển tiếp có hướng dẫn: GV gợi ý, làm mẫu và hỗ trợ khi trẻ thay đổi hoạt động

							- Bỏ trí đồ dùng dễ lấy, dễ cất để trẻ tham gia các tình huống vận động chuyển đổi.	
							
2. Tình cảm - xã hội	1. Nhận biết và quản lý bản thân	TX1. Nhận biết về bản thân	TX1.1. Nhận ra bản thân trong gương, tranh ảnh khi được hỏi	Nhận ra bản thân trong gương, tranh ảnh khi được hỏi, có thể chỉ hoặc gọi tên.	- Nhận biết bản thân qua quan sát qua gương. - Nhận ra bản thân qua xem tranh/ảnh cá nhân - Chơi các Trò chơi nhận diện cá nhân - Xem video để nhận ra cá nhân - Trò chuyện để nhận ra cá nhân	- Hoạt động cá nhân kết hợp quan sát gương, tranh ảnh - Trò chơi nhận diện bản thân (chỉ, gọi tên) - Đàm thoại ngắn, hỏi – đáp đơn giản - Kết hợp video, hình ảnh, trải nghiệm trực quan - Khen ngợi, củng cố tích cực	- Có gương an toàn, kích thước phù hợp đặt ở tầm mắt trẻ. - Bộ ảnh cá nhân từng trẻ và ảnh hoạt động hàng ngày (ăn, chơi, ngủ). - Thiết bị đơn giản (điện thoại, máy tính bảng, tivi) để xem video ngắn của trẻ. - Góc học tập để trẻ dễ quan sát gương và ảnh. - Thẻ ảnh/khung ảnh rõ nét, dễ nhận biết khuôn mặt trẻ. - Không gian tổ chức trò chơi “ai đây” đơn giản, gần	- Hoạt động soi gương nhận biết bản thân: trẻ quan sát gương, cô hỏi “Con đâu?” để trẻ chỉ hoặc gọi tên “Con tên là gì?” - Hoạt động xem ảnh cá nhân: nhận ra mình trong ảnh, chỉ hoặc gọi tên khi được gọi hỏi - Trò chơi “ai đây” đơn giản: cô cho xem gương/ảnh và hỏi để trẻ phản ứng - Hoạt động xem video ngắn về chính trẻ: trẻ quan sát và nhận ra mình - Hoạt động đàm thoại ngắn cá nhân: hỏi - đáp đơn giản, kết hợp khen ngợi để củng cố

							gũi, không gây phân tán.	
			TX1.2. Thể hiện nhu cầu của bản thân bằng cử chỉ, hành động, lời nói.	Thể hiện nhu cầu của bản thân bằng lời nói đơn giản, cử chỉ hoặc hành động.	<p>- Giao tiếp trong sinh hoạt hằng ngày: ăn, uống, ngủ, vệ sinh để trẻ nói hoặc ra hiệu nhu cầu</p> <p>- Chọn đồ chơi, đồ ăn, quần/áo... bằng từ đơn hoặc cử chỉ thể hiện nhu cầu</p> <p>- Thể hiện nhu cầu trong góc chơi/chơi với đồ chơi</p> <p>- Tình huống giả định quen thuộc: cô tạo tình huống để trẻ bày tỏ mong muốn (ăn, chơi, uống nước)</p> <p>- Trò chuyện ngắn cá nhân: hỏi – đáp đơn giản để trẻ thể hiện nhu cầu</p>	<p>- Tạo nhiều tình huống giao tiếp hằng ngày để trẻ được nói và thể hiện nhu cầu như ăn, uống, đi vệ sinh, chơi.</p> <p>- Khuyến khích trẻ dùng từ đơn giản, cử chỉ hoặc kéo tay cô để bày tỏ mong muốn. GV đáp ứng kịp thời, nói mẫu rõ ràng để trẻ bắt chước.</p> <p>- Thường xuyên trò chuyện, đặt câu hỏi ngắn để trẻ mạnh dạn thể hiện nhu cầu của mình.</p>	<p>- Không gian sinh hoạt gần gũi, quen thuộc với các khu: ăn, uống, chơi, ngủ, vệ sinh rõ ràng.</p> <p>- Đồ dùng sinh hoạt và đồ chơi đặt vừa tầm với trẻ để trẻ dễ lựa chọn, lấy và yêu cầu.</p> <p>- Bộ đồ chơi đa dạng trong các góc chơi (búp bê, xếp hình, đồ chơi vận động...) để trẻ bày tỏ nhu cầu.</p> <p>- Tranh/thẻ hình đơn giản về nhu cầu (ăn, uống, ngủ, đi vệ sinh, chơi)</p> <p>- Góc chơi “chọn đồ” hoặc “con muốn gì” với đồ vật thật, an toàn.</p>	<p>- Hoạt động giao tiếp trong sinh hoạt hằng ngày: ăn, uống, ngủ, vệ sinh để trẻ nói hoặc ra hiệu nhu cầu</p> <p>- Trò chơi “con muốn gì?”: trẻ chọn đồ chơi, đồ ăn và thể hiện bằng từ đơn hoặc cử chỉ</p> <p>- Hoạt động chơi góc: trẻ chủ động xin đồ chơi, nhờ cô giúp đỡ</p> <p>- Tình huống giả định quen thuộc: cô tạo tình huống để trẻ bày tỏ mong muốn (ăn, chơi, uống nước)</p> <p>- Hoạt động trò chuyện ngắn cá nhân: hỏi – đáp đơn giản để trẻ thể hiện nhu cầu</p>

							<ul style="list-style-type: none"> - Không gian trò chuyện cá nhân yên tĩnh - Chuẩn bị tình huống giả định đơn giản (thiếu đồ chơi, muốn uống nước...) 	
			<p>TX1.3. Thể hiện điều bản thân thích hoặc không thích thông qua hành vi, lời nói</p>	<p>Thể hiện thích/không thích bằng lời nói đơn giản, cử chỉ rõ ràng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chọn đồ chơi, đồ vật yêu thích: trẻ nói “thích/không thích” hoặc chỉ tay, gật/lắc đầu - Chọn bài hát yêu thích và thể hiện cảm xúc - Trải nghiệm món ăn/đồ dùng quen thuộc: trẻ bày tỏ thích hoặc không thích - Trò chơi “con chọn gì”: cô đưa 2 lựa chọn để trẻ phản hồi bằng lời hoặc cử chỉ - Giao tiếp hằng ngày: trong ăn, chơi, học, trẻ thể hiện cảm xúc với sự gợi hỏi của cô 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các hoạt động gắn gũi để trẻ được lựa chọn và bày tỏ cảm xúc như đồ chơi, bài hát, món ăn. - Khuyến khích trẻ nói từ đơn giản “thích”, “không thích” hoặc dùng cử chỉ như gật đầu, lắc đầu, chỉ tay. - GV quan sát, gợi hỏi ngắn và phản hồi tích cực để trẻ mạnh dạn thể hiện cảm xúc rõ ràng hơn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không gian sinh hoạt quen thuộc, gần gũi, tạo nhiều cơ hội lựa chọn cho trẻ (chơi, ăn, học). - Đồ chơi, đồ vật, món ăn đa dạng, an toàn để trẻ dễ bày tỏ thích/không thích. - Góc âm nhạc có loa, nhạc cụ đơn giản và danh sách bài hát để trẻ lựa chọn. - Tranh/thẻ hình “thích - không thích”, “gật - lắc” hỗ trợ trẻ biểu đạt bằng cử chỉ. - Bộ đồ vật theo cặp lựa chọn (2 phương án) để tổ chức trò 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động chơi ở các góc, chọn đồ chơi, đồ vật yêu thích: trẻ nói “thích/không thích” hoặc chỉ tay, gật/lắc đầu - Hoạt động âm nhạc lựa chọn bài hát: trẻ chọn bài hát yêu thích và thể hiện cảm xúc - Hoạt động trải nghiệm món ăn/đồ dùng quen thuộc: trẻ bày tỏ thích hoặc không thích - Trò chơi “con chọn gì”: cô đưa 2 lựa chọn để trẻ phản hồi bằng lời hoặc cử chỉ - Hoạt động giao tiếp hằng ngày: trong ăn, chơi, học, trẻ thể hiện cảm xúc với sự gợi hỏi của cô

							chơi “con chọn gì”. - Không gian trải nghiệm đồ ăn/đồ dùng quen thuộc	
		TX2. Quản lý bản thân	TX2.1. Nhận ra một số cảm xúc cơ bản của bản thân	Nhận ra một số cảm xúc cơ bản của bản thân qua lời nói đơn giản hoặc cử chỉ.	<ul style="list-style-type: none"> - Chơi tự do có gợi ý cảm xúc (chơi với đồ chơi, góc chơi): trẻ vui khi chơi, cô gợi hỏi “con vui không?”, “con thích không?” - Chơi tình huống đơn giản: “mất đồ chơi”, “chia đồ chơi”, “được - không được lấy đồ” để trẻ trải nghiệm vui/buồn/tức - Kể chuyện có tranh minh họa cảm xúc: nhân vật vui, buồn, khóc, cười để trẻ quan sát và gọi tên - Hát, nhún nhảy, vỗ tay biểu lộ cảm xúc - Sinh hoạt hằng ngày (ăn, chơi, vệ sinh): gọi tên cảm xúc khi trải nghiệm tình huống thực tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo các tình huống gần gũi để trẻ trải nghiệm cảm xúc như vui khi chơi, buồn khi mất đồ chơi, tức khi không được đáp ứng. - GV gọi tên cảm xúc đơn giản (vui, buồn, khóc, cười) và gợi ý trẻ thể hiện bằng lời nói ngắn hoặc cử chỉ. - Quan sát, phản hồi kịp thời để trẻ nhận biết và bắt đầu gọi tên cảm xúc của mình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Góc chơi an toàn, gần gũi để trẻ dễ bộc lộ cảm xúc. - Đồ chơi quen thuộc tạo tình huống vui, buồn, chia sẻ. - Tranh/thẻ hình cảm xúc: vui, buồn, cười, khóc. - Truyện tranh ngắn có nhân vật thể hiện cảm xúc rõ ràng. - Nhạc đơn giản phục vụ hoạt động vui nhộn, vận động. - Không gian sinh hoạt hằng ngày thuận tiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động chơi tự do có gợi ý cảm xúc (chơi với đồ chơi, góc chơi): trẻ vui khi chơi, cô gợi hỏi “con vui không?”, “con thích không?” - Trò chơi tình huống đơn giản: “mất đồ chơi”, “chia đồ chơi”, “được - không được lấy đồ” để trẻ trải nghiệm vui/buồn/tức - Hoạt động kể chuyện có tranh minh họa cảm xúc: nhân vật vui, buồn, khóc, cười để trẻ quan sát và gọi tên - Hoạt động âm nhạc - vận động: hát vui, nhún nhảy, vỗ tay để trẻ biểu lộ cảm xúc - Hoạt động sinh hoạt hằng ngày (ăn, chơi, vệ sinh): GV gợi hỏi và gọi tên cảm xúc khi trẻ trải nghiệm tình huống thực tế

					<ul style="list-style-type: none"> - Chơi góc (chơi tự do có định hướng nhẹ): góc búp bê, góc vận động, góc đồ chơi để trẻ chơi và thể hiện cảm xúc tự nhiên - Âm nhạc - vận động: hát, vỗ tay, nhún nhảy theo nhạc để trẻ bộc lộ vui vẻ - Giao tiếp hằng ngày: trò chuyện khi ăn, chơi, thay đồ để trẻ nói/biểu lộ “vui”, “thích”, “không” - Xem tranh/ảnh đơn giản: tranh mặt cười, mặt buồn để trẻ quan sát và bắt chước biểu cảm - Chơi tập thể đơn giản: trò chơi “cùng cười”, “cùng vỗ tay”, “ôm bạn” để trẻ tương tác và thể hiện cảm xúc 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo môi trường gần gũi để trẻ được tham gia các hoạt động chơi, hát, vận động. - GV khuyến khích trẻ thể hiện cảm xúc qua nét mặt (cười, nhăn mặt), cử chỉ (vỗ tay, ôm, lắc đầu) và từ đơn giản như “vui”, “thích”, “không”. - Thường xuyên giao tiếp, gọi tên cảm xúc và phản hồi tích cực để trẻ mạnh dạn biểu lộ cảm xúc của mình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không gian chơi an toàn, gần gũi, có các góc: búp bê, vận động, chơi tự do. - Đồ chơi đa dạng, dễ thao tác để trẻ thể hiện cảm xúc khi chơi. - Thẻ tranh mặt cười – mặt buồn, hình ảnh cảm xúc đơn giản. - Nhạc, loa và nhạc cụ đơn giản cho hoạt động hát, vỗ tay, nhún nhảy. - Khu vực chơi nhóm nhỏ để trẻ tương tác, thể hiện cảm xúc qua cử chỉ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động chơi góc (chơi tự do có định hướng nhẹ): góc búp bê, góc vận động, góc đồ chơi để trẻ chơi và thể hiện cảm xúc tự nhiên - Hoạt động âm nhạc - vận động: hát, vỗ tay, nhún nhảy theo nhạc để trẻ bộc lộ vui vẻ - Hoạt động giao tiếp hằng ngày: trò chuyện khi ăn, chơi, thay đồ để trẻ nói/biểu lộ “vui”, “thích”, “không” - Hoạt động xem tranh/ảnh đơn giản: tranh mặt cười, mặt buồn để trẻ quan sát và bắt chước biểu cảm - Hoạt động chơi tập thể đơn giản: trò chơi “cùng cười”, “cùng vỗ tay”, “ôm bạn” để trẻ tương tác và thể hiện cảm xúc
			TX2.2. Biểu lộ các cảm xúc khác nhau qua nét mặt, cử chỉ, hành động, lời nói	Biểu lộ một số cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ và vài từ đơn giản.				
			TX2.3. Dừng lại hoặc thay đổi hành vi khi được	Dừng lại hoặc thay đổi hành vi khi được	<ul style="list-style-type: none"> - Các hoạt động sinh hoạt hằng ngày: ăn, ngủ, vệ sinh (rửa tay, 	<ul style="list-style-type: none"> - GV thường xuyên hướng dẫn trẻ bằng lời nói ngắn gọn, rõ ràng và kết hợp làm 	<ul style="list-style-type: none"> - Không gian sinh hoạt có quy định rõ ràng khu ăn, ngủ, chơi, vệ 	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn nền nếp các hoạt động sinh hoạt hằng ngày: ăn, ngủ, vệ

			người lớn nhắc nhở	người lớn nhắc nhở	ngồi ăn, cất đồ chơi) - Thực hiện quy tắc đơn giản: xếp hàng, chờ lượt, cất đồ chơi sau khi chơi - Trò chơi rèn nề nếp: “ai ngồi ngoan”, “cất đồ nhanh”, “đi nhẹ nhàng”	mẫu hành vi đúng trong các tình huống hằng ngày. - Khi trẻ có hành vi chưa phù hợp, nhắc nhở nhẹ nhàng, kịp thời để trẻ dừng lại hoặc chuyển sang hành vi đúng. - Tạo thói quen lặp lại các quy tắc đơn giản trong ăn, chơi, sinh hoạt. - Khuyến khích và khen ngợi khi trẻ biết dừng lại hoặc thay đổi hành vi theo hướng dẫn.	sinh để trẻ dễ hình thành nề nếp. - Bàn ghế, đồ dùng sắp xếp gọn gàng, giúp trẻ dễ thực hiện quy tắc (ngồi đúng chỗ, xếp hàng). - Tranh/biểu tượng đơn giản về quy tắc: “ngồi ngoan”, “cất đồ”, “xếp hàng”, “đi nhẹ”. - Đồ chơi dễ thu dọn để rèn thói quen cất đồ sau khi chơi. - Khu vực chơi nhóm nhỏ để tổ chức trò chơi rèn nề nếp. - Không gian chuyên tiếp (chơi – ăn – ngủ) rõ ràng để trẻ dễ dừng và thay đổi hành vi theo hướng dẫn.	sinh (rửa tay, ngồi ăn, cất đồ chơi) - Rèn trẻ quy tắc đơn giản: xếp hàng, chờ lượt, cất đồ chơi sau khi chơi - Trò chơi rèn nề nếp: “ai ngồi ngoan”, “cất đồ nhanh”, “đi nhẹ nhàng”
							

3. Ngôn ngữ	1. Nghe hiểu	NN1. Lắng nghe và hiểu lời nói	<p>NN1.1. Nghe và thực hiện được theo các hướng dẫn đơn giản bằng lời nói</p>	<p>Hiểu và thực hiện được 1–2 yêu cầu đơn giản bằng lời nói khi có hỗ trợ.</p>	<p>- Làm theo yêu cầu đơn giản: “lấy đồ chơi”, “cắt đồ”, “lại đây” trong sinh hoạt và chơi</p> <p>- Trò chơi tình huống quen thuộc</p> <p>- Giao tiếp hằng ngày: trò chuyện ngắn trong ăn, chơi, vệ sinh; hỏi – đáp đơn giản</p> <p>- Trò chơi gọi tên đồ vật: “đây là gì?”, trẻ chỉ tay hoặc nói từ đơn - Hoạt động quan sát - phản ứng: xem đồ vật, tranh ảnh và trả lời bằng từ đơn/cử chỉ theo gợi ý</p>	<p>- GV sử dụng lời nói ngắn gọn, rõ ràng kết hợp cử chỉ để đưa ra 1–2 yêu cầu đơn giản trong sinh hoạt hằng ngày (lấy đồ chơi, cắt đồ, lại đây).</p> <p>- Tổ chức tình huống quen thuộc để trẻ nghe - làm theo có hỗ trợ.</p> <p>- Thường xuyên đặt câu hỏi rất đơn giản như “đây là gì?”, “con muốn gì?” và khuyến khích trẻ trả lời bằng từ đơn hoặc cử chỉ.</p> <p>- Kịp thời gợi ý, lặp lại và động viên để trẻ hiểu và phản ứng đúng trong các tình huống quen thuộc.</p>	<p>- Không gian sinh hoạt quen thuộc, sắp xếp rõ khu chơi, ăn, vệ sinh để dễ thực hiện yêu cầu.</p> <p>- Đồ dùng, đồ chơi đặt vừa tầm tay để trẻ dễ “lấy, cắt, đưa”.</p> <p>- Tranh, thẻ hình đồ vật quen thuộc để trẻ gọi tên hoặc chỉ tay.</p> <p>- Đồ dùng sinh hoạt hằng ngày (dép, bát, thìa, khăn...) phục vụ tình huống thực hành.</p> <p>- Góc chơi đơn giản để tổ chức trò chơi “làm theo yêu cầu”.</p> <p>- Không gian giao tiếp gần gũi để cô dễ trò chuyện, hỏi – đáp ngắn với trẻ.</p> <p>- Học liệu trực quan (ảnh, đồ vật thật) để hỗ trợ trẻ hiểu và</p>	<p>- Tổ chức hoạt động làm theo yêu cầu đơn giản: “lấy đồ chơi”, “cắt đồ”, “lại đây” trong sinh hoạt và chơi</p> <p>- Trò chơi tình huống quen thuộc: cô nói – trẻ thực hiện có hỗ trợ (đi lấy dép, đưa đồ cho cô)</p> <p>- Giao tiếp hằng ngày: trò chuyện ngắn trong ăn, chơi, vệ sinh; hỏi – đáp đơn giản</p> <p>- Trò chơi gọi tên đồ vật: “đây là gì?”, trẻ chỉ tay hoặc nói từ đơn</p> <p>- Hoạt động quan sát, phản ứng: xem đồ vật, tranh ảnh và trả lời bằng từ đơn/cử chỉ theo gợi ý</p>
			<p>NN1.2. Hiểu và trả lời được câu hỏi đơn giản liên quan đến tình huống quen thuộc.</p>	<p>Hiểu và trả lời câu hỏi rất đơn giản trong tình huống quen thuộc bằng từ đơn/cử chỉ.</p>				

							phản ứng bằng từ đơn/cử chỉ.	
							
4. Nhận thức	1. Ham hiểu biết, thích tìm tòi, khám phá	NT1. Thể hiện sự tò mò, thích tìm hiểu khám phá thế giới xung quanh	NT1.1. Thích thú với những điều mới: Chăm chú nhìn, nghe, hỏi về con người, sự vật, hiện tượng	Quan tâm, chỉ tay, đặt câu hỏi đơn giản về người, đồ vật, hiện tượng mới.	- Quan sát đồ vật, tranh ảnh, sự vật gần gũi: trẻ chỉ tay, gọi tên, cô gọi hỏi đơn giản - Khám phá đồ vật (góc chơi – học liệu mở): sờ, lắng, cảm, nhìn, nghe đồ vật quen thuộc	- Tạo môi trường nhiều đồ vật, hình ảnh, hiện tượng gần gũi để trẻ quan sát, tiếp xúc hằng ngày. - Khuyến khích trẻ chỉ tay, gọi tên hoặc đặt câu hỏi đơn giản về người, đồ vật mới. - Tổ chức hoạt động trải nghiệm để trẻ chủ động dùng tay, mắt, tai khám phá đồ vật quen thuộc như sờ, lắng, nhìn, nghe. - GV gọi mở, trò chuyện ngắn và hỗ trợ để trẻ hứng thú tìm hiểu xung quanh.	- Không gian lớp và ngoài trời gần gũi, an toàn, nhiều đồ vật, cây cối, sự vật quen thuộc. - Góc khám phá mở với đồ vật thật để trẻ sờ, lắng, nhìn, nghe. - Tranh ảnh, thẻ hình về đồ vật, con vật, hiện tượng đơn giản. - Học liệu giác quan: đồ vật có âm thanh, màu sắc, chất liệu khác nhau. - Khu vực ngoài trời có cây, hoa, đồ vật tự nhiên để trẻ quan sát và chỉ tay. - Đồ chơi “tìm và chỉ” phục vụ trò chơi theo yêu cầu đơn giản của cô.	- Hoạt động quan sát đồ vật, tranh ảnh, sự vật gần gũi: trẻ chỉ tay, gọi tên, cô gọi hỏi đơn giản - Hoạt động khám phá đồ vật (góc chơi – học liệu mở): sờ, lắng, cảm, nhìn, nghe đồ vật quen thuộc - Hoạt động trải nghiệm giác quan: nghe âm thanh, chạm chất liệu, quan sát màu sắc, ánh sáng - Hoạt động ngoài trời: quan sát cây, hoa, con vật, hiện tượng đơn giản và chỉ tay, gọi tên - Trò chơi “tìm và chỉ”: tìm đồ vật theo yêu cầu đơn giản của cô và phản hồi bằng cử chỉ/từ đơn
			NT1.2. Sử dụng các giác quan để tìm hiểu, khám phá các đối tượng gần gũi xung quanh	Chủ động dùng tay, mắt, tai để khám phá đồ vật quen thuộc (sờ, lắng, nhìn, nghe)	- Trải nghiệm giác quan: nghe âm thanh, chạm chất liệu, quan sát màu sắc, ánh sáng - Hoạt động ngoài trời: quan sát cây, hoa, con vật, hiện tượng đơn giản và chỉ tay, gọi tên - Trò chơi “tìm và chỉ”: tìm đồ vật theo yêu cầu đơn giản của cô và phản hồi bằng cử chỉ/từ đơn			

			<p>NT2.1. Thực hiện hoặc lặp lại các hành động tìm hiểu, khám phá con người, sự vật hiện tượng gần gũi, theo gợi ý hoặc bắt chước người khác</p>	<p>Bắt chước và lặp lại một số hành động khám phá đơn giản khi được gợi ý (sờ, lắc, nhìn, thử).</p>	<p>- Khám phá đồ chơi/cách chơi đồ vật theo mẫu cô: sờ, lắc, nhìn, thử</p> <p>- Trò chơi thao tác với đồ vật: cầm – gõ – lắc – ném bóng mềm, xúc xắc, chai nhựa an toàn; “làm theo cô”: cô làm trước, trẻ bắt chước và lặp lại hành động đơn giản</p> <p>- Chơi trong góc chơi: góc mở khám phá đồ vật: cho trẻ tự thử nhiều cách tác động vào đồ vật</p> <p>- Trò chơi cảm giác - vận động với đồ vật: nghe tiếng kêu, tạo âm thanh, di chuyển đồ vật</p>	<p>- Không gian an toàn, rộng rãi để trẻ dễ thao tác với đồ vật (cầm, lắc, ném, gõ).</p> <p>- Góc khám phá mở với nhiều đồ vật quen thuộc để trẻ thử nghiệm.</p> <p>- Đồ chơi thao tác đơn giản: bóng mềm, xúc xắc, chai nhựa an toàn, hộp, khối xốp.</p> <p>- Học liệu có âm thanh, chuyển động giúp trẻ sờ, lắc, nghe, nhìn.</p> <p>- Khu vực tổ chức hoạt động “làm theo cô” có không gian quan sát rõ ràng.</p> <p>- Đồ dùng dễ cầm nắm, đa dạng cách sử dụng để trẻ lặp lại hành động khám phá.</p>	<p>- Hoạt động khám phá đồ chơi/cách chơi đồ vật theo mẫu cô: sờ, lắc, nhìn, thử</p> <p>- Trò chơi thao tác với đồ vật: cầm – gõ – lắc – ném bóng mềm, xúc xắc, chai nhựa an toàn</p> <p>- Hoạt động “làm theo cô”: cô làm trước, trẻ bắt chước và lặp lại hành động đơn giản</p> <p>- Hoạt động góc mở khám phá đồ vật: cho trẻ tự thử nhiều cách tác động vào đồ vật</p> <p>- Trò chơi cảm giác - vận động với đồ vật: nghe tiếng kêu, tạo âm thanh, di chuyển đồ vật</p>
.....							

<p>5. Nghệ thuật</p>	<p>1. Cảm thụ nghệ thuật</p>	<p>NgT1. Cảm thụ vẻ đẹp trong cuộc sống và nghệ thuật</p>	<p>NgT1.1. Thể hiện cảm xúc bằng những cách khác nhau (thích/không thích, dễ chịu/khó chịu, tán thưởng, hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, đung đưa, lắc lư...) khi tiếp xúc với vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.</p>	<p>Trẻ chủ động thể hiện cảm xúc như nói “thích”, vỗ tay, nhún nhảy, hát theo và làm theo một số động tác đơn giản.</p>	<p>- Hát – múa đơn giản theo nhạc: trẻ vỗ tay, nhún nhảy, làm theo động tác cô - Trò chơi âm nhạc: nghe nhạc vui – buồn, trẻ thể hiện cảm xúc bằng cử chỉ hoặc từ “thích” - Kể chuyện có minh họa cảm xúc: trẻ phản ứng vui, buồn, cười, vỗ tay theo nhân vật - Trò chơi vận động theo nhịp: làm theo cô các động tác đơn giản (vẫy tay, lắc người, giậm chân) - Biểu lộ cảm xúc hằng ngày: trong chơi, ăn, học, trẻ nói “thích”, vỗ tay, thể hiện vui vẻ</p>	<p>- Tổ chức các hoạt động âm nhạc, vận động, kể chuyện và trò chơi để trẻ được bộc lộ cảm xúc. - Khuyến khích trẻ nói từ đơn giản như “thích”, vỗ tay, nhún nhảy, hát theo vài câu ngắn và làm theo một số động tác minh họa đơn giản. - GV làm mẫu rõ ràng, lặp lại nhiều lần và tạo không khí vui vẻ để trẻ mạnh dạn tham gia và thể hiện cảm xúc.</p>	<p>- Không gian hoạt động âm nhạc, vận động rộng rãi, an toàn, dễ di chuyển. - Thiết bị phát nhạc (loa, nhạc cụ đơn giản) với các bài hát ngắn, vui nhộn. - Tranh minh họa cảm xúc và động tác (vui, buồn, vỗ tay, nhún nhảy...) - Đạo cụ đơn giản: khăn, vòng, trống nhỏ, xúc xắc để trẻ vận động theo nhạc. - Góc kể chuyện có tranh minh họa cảm xúc rõ ràng. - Không gian sinh hoạt hằng ngày thân thiện để trẻ dễ biểu lộ cảm xúc tự nhiên.</p>	<p>- Hoạt động hát, múa đơn giản theo nhạc: trẻ vỗ tay, nhún nhảy, làm theo động tác cô - Trò chơi âm nhạc: nghe nhạc vui – buồn, trẻ thể hiện cảm xúc bằng cử chỉ hoặc từ “thích” - Hoạt động kể chuyện có minh họa cảm xúc: trẻ phản ứng vui, buồn, cười, vỗ tay theo nhân vật - Trò chơi vận động theo nhịp: làm theo cô các động tác đơn giản (vẫy tay, lắc người, giậm chân)</p>
.....	

Phụ lục về ví dụ kế hoạch tháng:

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC THÁNG 9 - LỨA TUỔI NHÀ TRẺ 18-24 THÁNG

Thời gian/hoạt động	Tuần 1 Từ/09 đến .../09/202...	Tuần 2 Từ/09 đến .../09/202...	Năng lực, yêu cầu cần đạt
Đón trẻ	* GV đón trẻ ở cửa lớp quan tâm đến sức khỏe của trẻ - Trao đổi với cha mẹ trẻ về tình hình của trẻ (về sức khỏe, về tâm lý của trẻ, thói quen của trẻ) - Tập cho trẻ thói quen chào hỏi lễ phép khi đến lớp. - Trò chuyện, giao lưu cảm xúc với trẻ - Động viên trẻ vào các góc chơi, nhóm nhỏ theo ý thích của trẻ: di màu tự do, chơi tô màu, chơi lego		
Thể dục sáng	Thể dục sáng với nhạc: Tập với nhạc vui nhộn + Vận động theo nhạc bulle up + Em đi mẫu giáoo		
Chơi - tập có chủ định	T2	Hoạt động với đồ vật Nhận biết đồ chơi màu đỏ	Hoạt động với đồ vật Nhận biết đồ chơi màu xanh
	T3	Hoạt động nhận biết Tên của bé	Hoạt động nhận biết Tên của bạn bé
	T4	Âm nhạc NH: Đi nhà trẻ TCAN: Nghe tiếng vỗ tay to - nhỏ	Âm nhạc NH: Lời chào buổi sáng TCAN: Nghe âm thanh trống, sắc xô
	T5	Làm quen văn học Đọc thơ cho trẻ nghe: Bạn mới (Đa số trẻ chưa biết)	Làm quen văn học Đọc thơ cho trẻ nghe: Bạn mới (Trẻ đã biết)
	T6	Vận động VĐCB: Đi theo hướng thẳng TCVĐ: Chuyển bóng	Vận động VĐCB: Đi theo hướng thẳng TCVĐ: Ai bắt trước giỏi nhất
	Hoạt động ngoài trời	- Quan sát có chủ đích: Đi dạo tắm nắng, tham quan trải nghiệm ngoài trời - Trò chơi vận động: Con thỏ, gieo hạt, dung dăng dung dè, bắt bướm, con voi, tay đẹp, bóng tròn to, chim bay cò bay, con vịt, lộn cầu vòng, bong bóng xà phòng. - Chơi tự do: Chơi cầu trượt, đu quay, xích đu, vòng, phân .	
Chơi tập ở các góc	- Góc hoạt động với đồ vật: Tháo lắp vòng, Thả bóng vào ô cùng màu, thả ô tô, Gắp quả bông + Con đang chơi đồ chơi gì? + Con có thích chơi đồ chơi này không? - Góc bé em- kỹ năng tự phục vụ: bé em, cho em ăn, cho em bé uống sữa, ru em ngủ; chơi với đồ chơi nấu ăn, nấu ăn cho bố mẹ, em bé - Góc bé chơi với hình và màu: Làm quen vật liệu, màu sắc, tập di màu - Góc vận động: Đi có mang vật trên tay, bắt bóng - Góc sách truyện: Hướng dẫn trẻ xem sách đúng cách		
Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh	* Giờ ăn: - Tập cho trẻ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau. - Tập cho trẻ cầm bát, thìa xúc ăn, nhặt cơm rơi vãi. * Giờ ngủ: - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa. - Nghe nhạc không lời, thơ, truyện * Vệ sinh: - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định. - Vệ sinh đầu tóc, trang phục gọn gàng		

Chơi - tập buổi chiều	- Nhảy tự do - Nghe và vận động các bài hát bé thích: One little finger, If you're happy - Chơi trò chơi Bóng tròn to, kéo cưa - Ôn thơ: Bạn mới - Văn nghệ cuối tuần, nêu gương bé ngoan - Chơi theo ý thích trong các góc chơi		
Chủ đề - Sự kiện	Tên của bé	Bạn của bé	

2.2.2.3. Xây dựng kế hoạch ngày

Nguyên tắc:

- Là sự cụ thể hóa kế hoạch tháng/ tuần theo nhóm độ tuổi.
- Đảm bảo thực hiện theo chế độ sinh hoạt một ngày của trẻ ở nhà trẻ.
- Đảm bảo sự cân đối giữa các hoạt động: động - tĩnh, học - chơi, cá nhân - nhóm.
- Tăng cường cơ hội cho trẻ được tương tác, chơi, trải nghiệm, giao tiếp tích cực.
- Đảm bảo tính linh hoạt, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của trẻ trong ngày.

Cách thực hiện:

- Căn cứ kế hoạch tuần; GV lựa chọn nội dung, hoạt động và phân bổ trong ngày từ thứ 2 đến thứ 6 phù hợp

Ví dụ:

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC THỨ 6, NGÀY .../4/2026 LỨA TUỔI NHÀ TRẺ 18-24 THÁNG

Đón trẻ			
- Trao đổi với cha mẹ trẻ về tình hình của trẻ (về sức khỏe, về tâm lý của trẻ, thói quen của trẻ) - Tập cho trẻ thói quen chào hỏi lễ phép khi đến lớp. - Trò chuyện, giao lưu cảm xúc với trẻ - Động viên trẻ vào các góc chơi, nhóm nhỏ theo ý thích của trẻ: đi màu tự do, chơi tô màu, chơi lego			
Thể dục sáng			
- Thứ 6: Vận động theo nhạc bulle up * Tập các động tác gồm: - Hô hấp: Gà gáy(4Lx2N). - Cơ tay và bả vai: 2 tay giơ lên cao, hạ xuống(4Lx2N). - Cơ lưng, cơ bụng: Cúi người xuống, đứng thẳng người lên(4Lx2N). - Cơ chân: Ngồi xuống, đứng lên(4Lx2N). - Điều hòa: Hai tay mở rộng, đưa lên cao rồi vòng tay ngang bụng hít thở ra.(4L x 2N)			
Chơi - tập có chủ định			
Hoạt động	Yêu cầu cần đạt	Chuẩn bị	Cách tiến hành
Vận động: VĐCB: Đi theo hướng thẳng TCVD: Chuyển bóng	1. Kiến thức: - Biết tên vận động: đi theo hướng thẳng. - Nhận biết hướng đi (đi theo vạch kẻ).	1. Đồ dùng của cô: - Sân tập sạch, phẳng - Sắc xô + Vạch kẻ dễ nhận thấy	1. Ổn định tổ chức: Cô cho trẻ chơi: Tay đẹp 2. Phương pháp, hình thức tổ chức: a. Khởi động: Cho trẻ đi thường, đi nhanh, đi chậm, đứng thành vòng tròn. b. Trọng động: * VĐCB: Đi theo hiệu lệnh:

	<p>- Hiểu yêu cầu đơn giản của cô (đi theo đường, không đi lệch).</p> <p>2. Kỹ Năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi theo đường thẳng (vạch kẻ) với hỗ trợ. - Giữ thăng bằng khi đi, bước chân liên tục. - Phối hợp tay – chân khi đi chuyển. - Cố gắng hoàn thành quãng đường ngắn. <p>3. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hứng thú tham gia hoạt động. - Mạnh dạn, tự tin khi thực hiện. - Chấp hành hướng dẫn, chờ đến lượt. - Vui vẻ, hợp tác khi tham gia cùng cô và bạn. 	<p>2. Đồ dùng của trẻ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang phục gọn gàng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cô giới thiệu tên vận động: Dạy trẻ nói tên vận động - Cô tập mẫu: + Lần 1: không phân tích + Lần 2: Cô vừa tập vừa phân tích. <p>TTCB: Khi có hiệu lệnh “Đi” đi thẳng theo vạch kẻ</p> <p>Đi hết vạch kẻ màu đỏ, đổi hướng đi theo vạch kẻ màu xanh</p> <p>+ Lần 3: Cô tập lại nhấn mạnh động tác khi thực hiện vận động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thực hiện: mỗi trẻ tập 2 lần cô bao quát và sửa sai cho trẻ. * Củng cố: Cô hỏi trẻ: Các con vừa tập bài tập gì? - Cô tập lại 1 lần (1 – 2 trẻ khá lên tập) * TC: Chuyển bóng - Cô giới thiệu tên trò chơi (Dạy trẻ nói tên trò chơi) - Cô chơi mẫu - Cô cùng trẻ chơi 2- 3 lần (Cô nhận xét trẻ chơi) c. Hồi tĩnh: Cho trẻ đi nhẹ nhàng quanh sân tập 3. Kết thúc: Cô nhận xét buổi tập, khen động viên trẻ.
Hoạt động ngoài trời			
<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát có chủ đích: Đi dạo tắm nắng - Trò chơi vận động: Bóng tròn to - Chơi tự do: Chơi cầu trượt, đu quay, xích đu, vòng, phấn . 			
Chơi tập ở các góc			
<p>* Góc trọng tâm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góc hoạt động với đồ vật. Tháo lắp vòng + Chuẩn bị: 10 bộ vòng. + Kỹ năng: Rèn kỹ năng tháo và lắp vòng bằng 2 tay. - Bé chơi với búp bê. Trẻ bế búp bê, ru búp bê ngủ. + Chuẩn bị: Búp bê trai, gái. + Kỹ năng: Rèn trẻ cách bế búp bê, ru búp bê ngủ đúng cách; thể hiện cảm xúc yêu em - Góc bé chơi với hình và màu: Làm quen vật liệu, màu sắc, tập đi màu + Chuẩn bị: giấy, sáp màu xanh, đỏ + Kỹ năng: Rèn trẻ cách cầm sáp màu, đi màu 			
Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh			
<p>* Giờ ăn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục tập cho trẻ cầm bát, thìa xúc ăn <p>* Giờ ngủ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa. - Nghe nhạc không lời, thơ, truyện <p>* Vệ sinh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định. 			
Chơi - tập buổi chiều			
<ul style="list-style-type: none"> - Thứ 6: Biểu diễn liên hoan văn nghệ, nêu gương bé ngoan 			

Đánh giá/Nhận xét	
Nội dung cần Chỉnh sửa	
Nhận xét của ban giám hiệu (nếu có)	

PHỤ LỤC 2.

Ví dụ: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG
Hoạt động nhận biết: Cùng bé khám phá chiếc xe đạp
Lứa tuổi: 24-36 tháng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Kiến thức:**

- Trẻ nhận ra một số bộ phận chính của xe: tay lái, yên xe, bánh xe, bàn đạp ...
- Biết xe đạp đi trên đường và là phương tiện giao thông đường bộ;
- Trẻ biết xe đạp dùng để chở người, chở hàng.

2. Kỹ năng:

- Trẻ nói được từ xe đạp, yên xe, bánh xe, tay lái...
- Trẻ có kỹ năng quan sát chú ý, ghi nhớ có chủ đích và trả lời được câu hỏi.
- Trẻ trải nghiệm đi xe đạp dưới sự giúp đỡ của cô giáo.

3. Thái độ:

- Trẻ tò mò, thích thú khi quan sát, nói về chiếc xe đạp.
- Trẻ ngồi ngay ngắn không đùa nghịch trên xe.

II. CHUẨN BỊ:

- 2 xe đạp nhỏ thật, Hình ảnh mở rộng về một số loại xe đạp khác
- Video AI Robot thông minh, xe đạp hoạt hình.
- Nhạc bài hát “Đi xe đạp”, lô tô xe đạp, xe máy, ô tô, máy bay, 2 tranh vẽ về giao thông. Rổ hoa quả bằng nhựa.

II. CÁCH TIẾN HÀNH:

Hoạt động của GV	Hoạt động của trẻ
<p>1. Ôn định tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cô cho trẻ xem video AI Robot, xe đạp hoạt hình trò chuyện và đọc câu đố về xe đạp cho trẻ nghe và trả lời câu hỏi. <p>2. Phương pháp, hình thức tổ chức</p> <p>* Hoạt động 1: Cùng bé khám phá xe đạp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cô và trẻ về 2 nhóm nhỏ để khám phá xe đạp + Các con đoán xem đây là là xe gì? + Xe đạp có màu gì? + Đây là bộ phận gì của xe đạp?(cô cầm vào tay lái) + Tay lái dùng để làm gì? + Khi đi xe đạp các con ngồi ở đâu? Yên xe đâu? + Đây là bánh xe? Ai giỏi giúp cô tìm bánh xe nào? + Bánh xe có dạng hình gì? - Cô và các con cùng giả làm động tác bánh xe quay nào. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ xem video. - Trẻ trả lời câu đố. - Trẻ trả lời. - Trẻ trả lời - Trẻ trả lời - Trẻ chỉ vào bộ phận - Trẻ trả lời

<p>+ Muốn xe đi được các con phải làm gì? + Cô giới thiệu với các con đây là bàn đạp. + Các con hãy nhắm mắt lại để nghe xem xe đạp phát ra tiếng kêu gì? + Chuông xe kêu như thế nào? - Chúng mình cùng giả làm tiếng kêu của chuông xe đạp nhé! + Cô chỉ vào giỏ xe và hỏi trẻ. + Xe đạp dùng làm gì? + Xe đạp đi ở đâu? + Xe đạp là phương tiện giao thông đường gì? * Cô chốt lại: Xe đạp có tay lái dùng để điều khiển xe, yên xe dùng để ngồi khi đi xe đạp, bánh xe giúp xe đi được...Xe đạp dùng để chở người và chở hàng, xe đạp là phương tiện giao thông đường bộ. - Ngoài xe đạp mà các con vừa tìm hiểu chúng mình còn thấy xe đạp nào khác? * Mở rộng: Cô cho trẻ xem hình ảnh một số loại xe đạp khác. - > Giáo dục trẻ: Xe đạp là phương tiện giao thông đường bộ khi được bố mẹ chở bằng xe đạp thì các con phải ngồi ngay ngắn không đùa nghịch và khi các con đi xe đạp thì phải có người lớn theo cùng. * Hoạt động 2: ôn luyện, củng cố * Trò chơi 1: Ai giỏi nhất - Cách chơi: Cô chia trẻ về 2 nhóm, trên bàn có rất nhiều phương tiện giao thông nhiệm vụ của trẻ là tìm đúng xe đạp rồi bóc băng dính gắn lên đúng nơi hoạt động của chúng. - Luật chơi: Nếu đội nào gắn đúng nhiều nhất sẽ giành chiến thắng. * Trò chơi 2: Tay đua nhí - Cô cho trẻ về 2 nhóm trải nghiệm đi xe đạp dưới sự hỗ trợ của cô giáo, bé sẽ đạp xe và giỏ hàng chở thêm rau, củ - Luật chơi: Đội nào chở được nhiều rau củ hơn sẽ thắng. 3. Kết thúc: - Cô nhận xét giờ học cho trẻ chào khách và chuyển hoạt động.</p>	<p>- Trẻ lắng nghe - Trẻ trả lời - Trẻ lắng nghe. - Trẻ lắng nghe và trả lời - Trẻ xem - Trẻ lắng nghe - Trẻ chơi theo sự hướng dẫn của cô - Trẻ chơi trò chơi dưới sự giúp đỡ của cô - Trẻ chơi trò chơi. - Trẻ lắng nghe</p>
--	---

Tên hoạt động: Hoạt động ngoài trời

Đề tài: Quan sát có chủ đích: Cây hoa hồng

TCVĐ: Bóng tròn to

Chơi tự do: Các đồ chơi ở ngoài trời.

Lứa tuổi: Nhà trẻ 24-36 tháng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Trẻ biết và nói được tên gọi, các đặc điểm nổi bật của cây hoa hồng (Hoa hồng màu vàng, lá màu xanh, thân có gai)
- Trẻ biết lợi ích của các loại hoa đối với con người.
- Trẻ biết tên trò chơi vận động “Bóng tròn to” và biết cách chơi.

2. Kỹ năng:

- Trẻ quan sát, tìm hiểu, sờ để phát hiện cánh hoa hồng mềm mịn.
- Trẻ nói to, rõ ràng, mạch lạc đủ câu.
- Trẻ có kỹ năng chơi trò chơi vận động, phản ứng kịp thời thông qua tín hiệu của trò chơi.

3. Thái độ:

- Giáo dục trẻ chăm sóc và bảo vệ các loài hoa, không ngắt lá bẻ cành.
- Biết chơi cùng các bạn trong lớp.

II. CHUẨN BỊ

- Chậu hoa hồng cho trẻ quan sát.
- Sân chơi sạch sẽ.
- Xắc xô, que chỉ.
- Phấn vẽ.

III. CÁCH TIẾN HÀNH

Hoạt động của cô	Hoạt động của trẻ
<p>1. Ổn định tổ chức:</p> <p>- Cô đố cả lớp biết bây giờ là đến giờ hoạt động gì nhỉ? Hôm nay ra hoạt động ngoài trời cô và các con cùng quan sát cây hoa hồng và cùng chơi trò chơi: Bóng tròn to. Sau đó các con sẽ được chơi đồ chơi ngoài trời như là nhà bóng, cầu trượt.</p> <p>2. Phương pháp, hình thức tổ chức</p> <p>a. Quan sát có chủ đích: Cây hoa hồng</p> <p>- Cô cho trẻ quan sát hoa hồng: + Đây là cây hoa gì? + Cây hoa hồng có đặc điểm gì? (Hoa màu vàng, lá cây màu xanh, thân cây có gai).</p>	<p>- Trẻ trả lời - Trẻ lắng nghe</p> <p>- Trẻ quan sát và trả lời theo hiểu biết</p>

<p>+ Hoa hồng có màu gì? + Lá hoa hồng có màu gì? + Thân cây hoa hồng có gì? => Cô chốt lại: Đây là cây hoa hồng. Hoa hồng có màu vàng, lá cây màu xanh và thân cây hao có rất nhiều gai. Một cây hoa có nhiều bông hoa. + Muốn hoa hồng nở hoa thật rực rỡ. Các con phải làm gì? Giáo dục: Để cây hoa luôn đẹp cho trường mình thì các hãy chăm sóc cho hoa như: tưới cây, nhổ cỏ, nhất là không được ngắt hoa bẻ cành...</p> <p>b. Trò chơi vận động: Bóng tròn to.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cô giới thiệu tên trò chơi. - Cách chơi: Các con sẽ nắm tay nhau tạo thành một vòng tròn. Cô và các con cùng hát bài “Bóng tròn to” khi hát đến câu “Bóng tròn to, tròn tròn tròn tròn to. Nào bạn ơi lại đây chơi xem bóng ai to tròn nào, xem bóng ai to tròn nào.” Thì các con đi lùi lại dang rộng tay để tạo thành một vòng thật to. Còn khi đọc đến câu “Bóng xì hơi, xì xì xì xì hơi” thì các con đi tiến lên xít lại gần nhau để tạo một vòng tròn nhỏ hơn. Các con nhớ là hãy cầm chặt tay nhau nếu không sẽ không chơi được trò chơi. - Giáo dục trẻ phải biết đoàn kết trong khi chơi không xô đẩy nhau. - Tổ chức cho trẻ chơi 3 - 4 lần - Nhận xét trẻ sau mỗi lần chơi. <p>c. Chơi tự do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cô giới thiệu đồ chơi và giới hạn khu chơi. - Nhắc trẻ trong khi chơi các con nhớ không được xô đẩy nhau và phải nhường nhịn nhau. - Cô quan sát trong khi trẻ chơi và đảm bảo an toàn cho trẻ. <p>3. Kết thúc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, động viên, khen ngợi trẻ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ lắng nghe - Trẻ trả lời theo hiểu biết. - Trẻ lắng nghe. - Trẻ hào hứng tham gia chơi - Trẻ lắng nghe - Trẻ chơi theo ý thích
--	--